



Liên Minh Châu Âu

NGHỊ VIỆN CHÂU ÂU

HỘI ĐỒNG

2021/0366 (COD)

Bi, Ngày 3 tháng 5 năm 2023
(OR. en)

PE-CONS 82/22

ENV 1343
CLIMA 696
FORETS 144
AGRI 737
RELEX 1766
CODEC 2109

QUY ĐỊNH LẬP PHÁP VÀ CÁC CHẾ TÀI KHÁC

Chủ đề: Quy định của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng về việc quản lý việc nhập khẩu và xuất khẩu các hàng hóa và sản phẩm có liên quan đến gây mất rừng và suy thoái rừng, và bãi bỏ Quy định (EU) Số 995/2010

QUY ĐỊNH (EU) 2022/...
CỦA NGHỊ VIỆN CHÂU ÂU VÀ HỘI ĐỒNG LIÊN MINH CHÂU ÂU

của

về việc quản lý việc nhập khẩu và xuất khẩu các hàng hóa và sản phẩm có liên quan đến gây mất rừng và suy thoái rừng, và bãi bỏ Quy định (EU) Số 995/2010

NGHỊ VIỆN CHÂU ÂU VÀ HỘI ĐỒNG CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU,

Liên quan đến Hiệp ước về Chức năng của Liên minh Châu Âu, và đặc biệt theo Điều 192 (1),

Liên quan đến các đề xuất từ Ủy ban Châu Âu,

Sau quá trình đệ trình các bản dự thảo đạo luật lập pháp đến quốc hội của các quốc gia ,

Liên quan ý kiến của Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Âu¹,

Sau khi tham vấn Ủy ban của Vùng,

Thực hiện theo thủ tục² lập pháp thông thường

¹ giờ C 275, 18.7.2022, tr. 88.

² vị trí của các Châu Âu quốc hội của 19 Tháng tư 2023.

Theo đó:

- (1) Rừng mang lại nhiều lợi ích về môi trường, kinh tế và xã hội, bao gồm cả gỗ và lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ môi trường thiết yếu cho loài người, vì chúng chứa phần lớn đa dạng sinh học trên cạn của Trái đất. Chúng duy trì các chức năng của hệ sinh thái, giúp bảo vệ hệ thống khí hậu, cung cấp không khí sạch và đóng một vai trò quan trọng để làm sạch nước và đất cũng như giữ và làm đầy nước. Diện tích rừng lớn hoạt động như một nguồn ẩm và giúp ngăn chặn sa mạc hóa các vùng lục địa. Ngoài ra, rừng cung cấp sinh kế và thu nhập cho khoảng một phần ba dân số thế giới và sự tàn phá của rừng gây hậu quả nghiêm trọng đối với sinh kế của những người dễ bị tổn thương nhất, bao gồm cả người dân bản địa và cộng đồng địa phương phụ thuộc nhiều vào rừng các hệ sinh thái. Hơn nữa, nạn phá rừng và suy thoái rừng làm giảm giá trị thiết yếu bể chứa carbon. Mất rừng và suy thoái rừng cũng làm tăng khả năng tiếp xúc giữa động vật hoang dã, động vật nuôi và con người, do đó làm tăng rủi ro của truyền bá bệnh tật mới và các rủi ro của bệnh dịch và đại dịch mới.
- (2) Tình trạng mất rừng, suy thoái rừng đang diễn ra ở mức báo động. Tổ chức Nông Lương của Liên hợp quốc (FAO) ước tính rằng 420 triệu hecta rừng – khoảng 10 % diện tích rừng còn lại của thế giới, tương đương với diện tích lớn hơn Liên minh Châu Âu – đã biến mất trên toàn thế giới từ năm 1990 đến năm 2020. Phá rừng và suy thoái rừng, ngược lại, là nguyên nhân quan trọng của sự nóng lên toàn cầu và mất đa dạng sinh học - hai thách thức môi trường quan trọng nhất của thời đại chúng ta. Tuy nhiên, mỗi năm thế giới tiếp tục mất 10 triệu ha rừng. Rừng còn bị ảnh hưởng nặng nề qua biến đổi khí hậu và nhiều thách thức sẽ cần được giải quyết để đảm bảo khả năng thích ứng và phục hồi của rừng trong những thập kỷ tới.
- (3) Phá rừng và rừng suy thoái đóng góp khủng hoảng khí hậu toàn cầu trong nhiều cách. Quan trọng nhất, chúng làm tăng phát thải khí nhà kính thông qua các vụ cháy rừng liên quan, loại bỏ vĩnh viễn khả năng hấp thụ carbon, giảm khả năng phục hồi biến đổi khí hậu của khu vực bị ảnh hưởng và làm giảm đáng kể sự đa dạng sinh học và khả năng phục hồi do bệnh tật và sâu bọ. Phá rừng chịu trách nhiệm cho 11% phát thải khí nhà kính như đã nêu trong Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) trong báo cáo đặc biệt về biến đổi khí hậu và đất đai 2019.
- (4) Biến đổi khí hậu gây mất đa dạng sinh học trên toàn cầu và mất đa dạng sinh học làm trầm trọng thêm biến đổi khí hậu, do đó chúng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, như các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra đã xác nhận. Đa dạng sinh học và các hệ sinh thái

khỏe mạnh là nền tảng cho khí hậu- phát triển đàn hồi . Côn trùng, chim và động vật có vú đóng vai trò thụ phấn và cỗ máy phân tán hạt giống và có thể giúp lưu trữ carbon hiệu quả hơn, trực tiếp hoặc gián tiếp, rừng cũng đảm bảo bổ sung liên tục các nguồn nước và ngăn ngừa hạn hán và những tác động có hại của chúng đối với các cộng đồng địa phương, bao gồm cả các dân tộc người bản địa. Quyết liệt giảm mất rừng và suy thoái rừng phục hồi rừng và các hệ sinh thái khác một cách có hệ thống là cơ hội duy nhất dựa vào thiên nhiên lớn nhất đối với giảm nhẹ khí hậu .

- (5) Đa dạng sinh học là điều cần thiết cho khả năng phục hồi của các hệ sinh thái và các dịch vụ của chúng ở cả cấp độ địa phương và ở cấp độ toàn cầu. Hơn một nửa tổng sản phẩm quốc nội toàn cầu phụ thuộc vào thiên nhiên và các dịch vụ mà nó cung cấp. Ba ngành kinh tế chính - xây dựng, nông nghiệp, và thực phẩm và đồ uống - tất cả đều phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Mất đa dạng sinh học đe dọa chu trình nước bền vững và hệ thống thực phẩm, đặt an ninh lương thực và dinh dưỡng vào nguy cơ. Hơn 75% các loại cây lương thực toàn cầu phụ thuộc vào sự thụ phấn của động vật. Hơn nữa, một số ngành công nghiệp dựa vào đa dạng di truyền và hệ sinh thái dịch vụ như là đầu vào quan trọng cho sản xuất, đặc biệt là thuốc , bao gồm kháng vi sinh vật.
- (6) Biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học và nạn phá rừng là mối quan tâm quan trọng cao nhất toàn cầu, ảnh hưởng đến sự sống còn của nhân loại và điều kiện sống bền vững trên Trái đất. Sự gia tăng của biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học và môi trường suy thoái, kết hợp với các ví dụ hữu hình về tác động tàn phá của chúng đối với thiên nhiên, điều kiện cuộc sống con người và nền kinh tế địa phương, dẫn đến sự công nhận của các chuyên đổi xanh là mục tiêu xác định của thời đại chúng ta và là vấn đề bình đẳng giới và sự công bằng giữa các thế hệ .
- (7) Những người bảo vệ nhân quyền môi trường, những người cố gắng bảo vệ và thúc đẩy con người các quyền liên quan đến môi trường, bao gồm tiếp cận với nước sạch, không khí và đất đai thường là mục tiêu của sự khủng bố và các cuộc tấn công gây chết người. Những cuộc tấn công ảnh hưởng không cân xứng đến người dân bản địa. Theo báo cáo năm 2020, hơn hai phần ba nạn nhân của những cuộc tấn công đó đang làm việc để bảo vệ các khu rừng trên thế giới từ phá rừng và phát triển công nghiệp .
- (8) Sự tiêu thụ trong Liên minh là một nguyên nhân đáng kể dẫn đến mất rừng và suy thoái rừng trên quy mô toàn cầu. Các đánh giá tác động của Quy định này ước tính rằng không có can thiệp pháp lý thích hợp, tiêu thụ của Liên minh và sản xuất sáu hàng hóa (gia súc, ca cao, cà phê, cọ dầu, đậu nành và gỗ) sẽ tăng lên khoảng 248.000

ha rừng bị phá hàng năm vào năm 2030.

- (9) Liên quan đến tình hình rừng trong Liên minh, Báo cáo Nhà nước về Rừng của Châu Âu năm 2020 cho biết, từ năm 1990 đến 2020, diện tích rừng ở Châu Âu đã tăng 9%, carbon được lưu trữ trong sinh khối đã tăng 50% và nguồn cung cấp gỗ đã tăng 40%. Rừng nguyên sinh và rừng tái sinh tự nhiên có nguy cơ bị đe dọa, từ quản lý chuyên sâu, và các đặc điểm cấu trúc và đa dạng sinh học độc đáo của chúng đang gặp nguy hiểm. Hơn nữa, Cơ quan Môi trường Châu Âu đã lưu ý rằng ít hơn 5% diện tích rừng châu Âu hiện được coi là không bị xáo trộn hoặc tự nhiên, trong khi 10% diện tích rừng châu Âu đã được phân loại là thâm canh được quản lý. Hệ sinh thái rừng phải đối phó với nhiều áp lực gây ra bởi biến đổi khí hậu, từ các hình thái thời tiết khắc nghiệt đến sâu bệnh, và với các hoạt động liên quan có ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái và môi trường sống. Đặc biệt, rừng già được quản lý chuyên sâu thông qua chặt hạ và loại bỏ gỗ chết có thể có sự va chạm nghiêm trọng trên toàn bộ môi trường sống.
- (10) Năm 2019, Ủy ban đã thông qua một số sáng kiến để giải quyết vấn đề khủng hoảng môi trường toàn cầu, bao gồm các hành động cụ thể về nạn phá rừng. Trong văn bản ngày 23/7/2019 hướng tới hành động của EU để bảo vệ và khôi phục các khu rừng trên thế giới ('Truyền thông về đẩy mạnh hành động của EU để bảo vệ và khôi phục các khu rừng trên thế giới'), Ủy ban đã xác định ưu tiên giảm dấu chân tiêu dùng của Liên minh trên đất liền và khuyến khích tiêu thụ các sản phẩm từ chuỗi cung ứng không phá rừng trong Liên minh. Trong văn bản ngày 11 tháng 12 năm 2019 về Thỏa thuận Xanh Châu Âu, Ủy ban đã đặt ra một quy định mới chiến lược tăng trưởng nhằm biến Liên minh thành một xã hội công bằng và thịnh vượng, với một nền kinh tế hiện đại, hiệu quả tài nguyên và cạnh tranh được xây dựng trên nền tảng phát triển bền vững và thương mại tự do dựa trên quy tắc, nơi không có phát thải ròng khí nhà kính vào năm 2050, nơi tăng trưởng kinh tế được tách rời khỏi việc sử dụng tài nguyên và không còn người hay địa điểm nào bị bỏ lại phía sau. Nó nhằm mục đích bảo vệ, bảo tồn và nâng cao vốn tự nhiên của Liên minh, và bảo vệ sức khỏe và hạnh phúc của công dân và các thế hệ tương lai từ các rủi ro và tác động liên quan đến môi trường. Hơn nữa, Thỏa thuận xanh châu Âu nhằm mục đích để cung cấp cho người dân và các thế hệ tương lai, ngoài những thứ khác, không khí trong lành, nước sạch, đất khỏe và đa dạng sinh học.
- Để đạt được mục tiêu đó, thông báo của Ủy ban ngày 20 tháng 5 năm 2020 về một Chiến lược đa dạng sinh học EU cho năm 2030: Đưa thiên nhiên trở lại cuộc sống của

chúng ta ('Chiến lược đa dạng sinh học EU cho năm 2030') thông báo của Ủy ban ngày 20/5/2020 về Chiến lược Farm to Fork vì một hệ thống thực phẩm công bằng, lành mạnh và thân thiện với môi trường (chiến lược 'Farm to Fork'), thông tin liên lạc của Ủy ban ngày 16/7/2021 về Chiến lược Lâm nghiệp mới của EU cho năm 2030, văn bản của Ủy ban ngày 12 tháng 5 năm 2021 về Con đường hướng tới một Hành tinh Khỏe mạnh cho Tất cả mọi người, Kế hoạch Hành động của Liên minh Châu Âu: 'Hướng tới không Ô nhiễm Không khí, Nước và Đất' và các chiến lược liên quan khác, chẳng hạn như thông báo của Ủy ban ngày 30 tháng 6 năm 2021 về Tầm nhìn dài hạn cho khu vực nông thôn của EU - Hướng tới mạnh mẽ hơn, kết nối, kiên cường và khu vực nông thôn thịnh vượng vào năm 2040, được phát triển theo Thỏa thuận Xanh Châu Âu, hơn nữa nhấn mạnh tầm quan trọng của hành động bảo vệ rừng và khả năng phục hồi. Đặc biệt, Chiến lược đa dạng sinh học của EU cho năm 2030 nhằm mục đích bảo vệ thiên nhiên và đảo ngược suy thoái các hệ sinh thái. Cuối cùng, thông báo của Ủy ban ngày 11/10/2018 về nền kinh tế sinh học bền vững vì Châu Âu: Tăng cường các gắn kết giữa kinh tế, xã hội và môi trường tăng cường bảo vệ của môi trường và các hệ sinh thái trong khi giải quyết nhu cầu ngày càng tăng về lương thực, thức ăn, năng lượng, nguyên vật liệu và sản phẩm tìm kiếm cách sản xuất và tiêu thụ mới.

- (11) Các quốc gia thành viên đã nhiều lần bày tỏ mối quan ngại của họ về mất rừng và suy thoái rừng. Họ đã nhấn mạnh rằng kể từ hiện tại chính sách và hành động ở cấp độ toàn cầu về bảo tồn, phục hồi và phát triển bền vững quản lý rừng không đủ để ngăn chặn mất rừng, suy thoái rừng và mất đa dạng sinh học, cần tăng cường hành động của Liên minh để đóng góp nhiều hơn hiệu quả để đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) theo Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, được thông qua bởi tất cả Quốc gia Thành viên (LHQ) vào năm 2015. Hội đồng đã đặc biệt hỗ trợ Thông báo của Ủy ban trong thông tin liên lạc của mình về Đẩy mạnh hành động của EU để Bảo vệ và khôi phục các khu rừng trên thế giới mà nó sẽ đánh giá các quy định bổ sung và các biện pháp phi quy định và nó sẽ đưa ra các đề xuất cho cả hai loại đo. Liên minh và các quốc gia thành viên cũng đã tán thành Thập kỷ của LHQ về Hành động vì SDGs, Thập kỷ phục hồi hệ sinh thái của Liên hợp quốc và Thập kỷ của Liên hợp quốc về Nông nghiệp trang trại.
- (12) Nghị viện Châu Âu đã nhấn mạnh rằng sự tàn phá, suy thoái và chuyển đổi rừng và hệ sinh thái tự nhiên của thế giới, cũng như quyền con người bị vi phạm, đều liên quan một cách chặt chẽ và rộng lớn tới sự mở rộng của nông nghiệp sản xuất - đặc

biệt thông qua sự chuyển đổi rừng sang đất nông nghiệp dành riêng cho sản xuất số lượng hàng hóa và sản phẩm có nhu cầu cao. Vào ngày 22 tháng 10 năm 2020, Nghị viện Châu Âu đã thông qua một nghị quyết, theo Điều 225 của Hiệp ước về Chức năng của Liên minh Châu Âu (TFEU), yêu cầu các Ủy ban đệ trình, trên cơ sở Điều 192(1) TFEU, một đề xuất cho một 'khuôn khổ pháp lý EU để ngăn chặn và đẩy lùi nạn phá rừng toàn cầu do EU thúc đẩy' dựa trên bắt buộc thẩm định .

- (13) Chống mất rừng và suy thoái rừng là một phần quan trọng của gói các biện pháp cần thiết để giảm phát thải khí nhà kính và tuân thủ các cam kết của Liên minh theo Thỏa thuận xanh châu Âu cũng như với Thỏa thuận Paris, Thỏa thuận được thông qua theo Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu³ 1 ('Hiệp định Paris') , và Chương trình hành động vì môi trường lần thứ tám được thông qua bởi Quyết định (EU) 2022/591 của Nghị viện và của Hội đồng Châu Âu⁴ 2 và với cam kết ràng buộc về mặt pháp lý theo Quy định (EU) 2021/1119 của Nghị viện và của Hội đồng Châu Âu⁵ 3 liên quan tới khí hậu trung lập chậm nhất đến năm 2050 và giảm ít nhất 55% lượng phát thải khí nhà kính so với mức năm 1990 vào năm 2030.
- (14) Chống mất rừng và suy thoái rừng cũng là một nội dung quan trọng của gói các biện pháp cần thiết để chống suy giảm đa dạng sinh học và tuân thủ các cam kết của Liên minh theo Công ước Liên Hợp Quốc về Đa dạng Sinh học (CBD)⁶ 1 , Thỏa thuận xanh châu Âu, Chiến lược đa dạng sinh học của EU cho năm 2030 và tuân thủ mục tiêu bảo tồn thiên nhiên của Liên minh.
- (15) Rừng nguyên sinh là duy nhất và không thể thay thế. Rừng trồng và rừng tái sinh có thành phần đa dạng sinh học khác nhau và cung cấp dịch vụ hệ sinh thái khác nhau so với những khu rừng tái sinh một cách tự nhiên và nguyên sinh.
- (16) Mở rộng nông nghiệp thúc đẩy gần 90% nạn phá rừng toàn cầu, với hơn một nửa diện tích rừng bị mất là do chuyển đổi rừng thành đất trồng trọt, trong khi chăn nuôi chăn thả chịu trách nhiệm cho gần 40% diện tích rừng mất mát .
- (17) Sản xuất thức ăn cho gia súc có thể góp phần phá rừng và suy thoái rừng. Thúc đẩy

³ giờ L 282, 19.10.2016, tr. 4.

⁴ Quyết định (EU) 2022/591 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 6 tháng 4 năm 2022 trong Chương trình hành động vì môi trường của Liên minh đến năm 2030 (OJ L 114, 12.4.2022, tr. 22).

⁵ Quy định (EU) 2021/1119 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng 30 Tháng 6 năm 2021 thiết lập khuôn khổ để đạt được tính trung lập về khí hậu và sửa đổi Quy định (EC) số 401/2009 và (EU) 2018/1999 ('Luật Khí hậu Châu Âu') (OJ L 243, 9.7.2021, tr.1).

⁶ Quyết định của Hội đồng 93/626/EEC ngày 25 tháng 10 năm 1993 liên quan đến việc kết luận quy ước về Đa dạng Sinh học (OJ L 309, 12.13.1993, tr. 1).

các thực hành nông nghiệp thay thế, bền vững có thể giải quyết những thách thức về môi trường và khí hậu, đồng thời ngăn chặn nạn phá rừng và suy thoái rừng trên toàn thế giới. Khuyến khích áp dụng cân bằng hơn, lành mạnh hơn và nhiều hơn nữa chế độ ăn uống bổ dưỡng và lối sống bền vững hơn có thể làm giảm áp lực lên đất và tài nguyên .

- (18) Liên minh đã nhập khẩu và tiêu thụ 1/3 sản lượng nông nghiệp được giao dịch toàn cầu các sản phẩm liên quan đến nạn phá rừng từ năm 1990 đến 2008. Trong khoảng thời gian đó, Tiêu thụ của Liên minh chịu trách nhiệm cho 10% nạn phá rừng trên toàn thế giới liên quan đến việc sản xuất hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Ngay cả thị phần tiêu thụ của Liên minh đang giảm, mức tiêu thụ của Liên minh lớn không tương xứng dẫn đến phá rừng. Do đó, Liên minh nên hành động để giảm thiểu nạn phá rừng và suy thoái rừng do tiêu thụ một số hàng hóa và sản phẩm và do đó tìm cách giảm sự đóng góp của nó vào hiệu ứng phát thải khí nhà kính và mất đa dạng sinh học toàn cầu cũng như thúc đẩy sản xuất bền vững và mô hình tiêu dùng trong Liên minh và trên toàn cầu. Để có tác động lớn nhất, Chính sách của Liên minh nên nhằm mục đích ảnh hưởng đến thị trường toàn cầu, không chỉ chuỗi cung ứng tới Liên minh. Quan hệ đối tác và hợp tác quốc tế hiệu quả , bao gồm thỏa thuận thương mại tự do , với các quốc gia sản xuất và tiêu dùng trên nền tảng tuân thủ.
- (19) Liên minh cam kết thúc đẩy và thực hiện môi trường đầy tham vọng và chính sách khí hậu trên toàn thế giới, phù hợp với Hiến chương của Quyền Cơ bản của Liên minh Châu Âu , theo Điều 37 cung cấp mức độ cao về bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng môi trường sẽ được lồng ghép vào các chính sách của Liên minh và đảm bảo theo nguyên tắc phát triển bền vững. Như là một phần về khía cạnh bên ngoài của Thỏa thuận xanh châu Âu, hành động theo điều này Quy định nên tính đến tầm quan trọng của các thỏa thuận toàn cầu hiện có, các cam kết và khuôn khổ góp phần giảm nạn phá rừng và suy thoái rừng như Kế hoạch chiến lược của Liên hợp quốc về rừng 2017-2030 và Các Mục tiêu Rừng Toàn cầu, Công ước Khung của Liên hợp quốc về Biến đổi Khí hậu (UNFCCC) và Thỏa thuận Paris, CBD và Toàn cầu sau năm 2020 Khung đa dạng sinh học, Kế hoạch chiến lược toàn cầu về đa dạng sinh học 2011-2020 và các Mục tiêu Đa dạng sinh học Aichi của nó và Công ước Liên Hợp Quốc về Chống Sa mạc hóa, cũng như khuôn khổ đa phương để hỗ trợ giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của mất rừng và suy thoái rừng, chẳng hạn như SDGs và Tuyên bố của Liên hợp quốc về các Quyền của người dân tộc bản địa .
- (20) Ngăn chặn nạn phá rừng và khôi phục rừng bị suy thoái là một phần thiết yếu của

SDGs. Quy định này sẽ góp phần đặc biệt vào việc đáp ứng các mục tiêu liên quan đến cuộc sống trên đất đai (SDG 15), hành động khí hậu (SDG 13), sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm (SDG 12), không còn nạn đói (SDG 2) và có sức khỏe và hạnh phúc tốt (SDG 3). Các mục tiêu 15.2 có liên quan để ngăn chặn nạn phá rừng vào năm 2020 đã không được đáp ứng, nhấn mạnh khẩn cấp của hành động đầy tham vọng và hiệu quả.

- (21) Quy định này cũng phải đáp ứng Tuyên bố New York về Rừng, một tuyên bố chính trị không ràng buộc về mặt pháp lý tán thành một mốc thời gian toàn cầu để cắt giảm một nửa diện tích mất rừng tự nhiên vào năm 2020 và phấn đấu kết thúc vào năm 2030. Tuyên bố đã được chứng thực bởi hàng chục chính phủ, nhiều công ty lớn nhất thế giới và xã hội dân sự có ảnh hưởng và các tổ chức của người dân bản địa. Nó cũng kêu gọi khu vực tư nhân để đáp ứng mục tiêu loại bỏ nạn phá rừng khỏi sản xuất các mặt hàng nông nghiệp như dầu cọ, đậu nành, giấy và các sản phẩm thịt bò không muộn hơn so với năm 2020, một mục tiêu đã không đạt được. Ngoài ra, Quy định này cần đóng góp cho Kế hoạch chiến lược của Liên hợp quốc về rừng 2017-2030 với Mục tiêu rừng toàn cầu 1 là đảo ngược tình trạng mất độ che phủ rừng trên toàn thế giới thông qua quản lý rừng bền vững, bao gồm bảo vệ, phục hồi, trồng rừng và tái trồng rừng, và tăng cường nỗ lực ngăn chặn suy thoái rừng và đóng góp vào nỗ lực toàn cầu giải quyết biến đổi khí hậu.
- (22) Quy định này cũng phải đáp ứng Tuyên bố của các nhà lãnh đạo Glasgow về Rừng và Sử dụng đất được ban hành tại Hội nghị Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc vào tháng 11 năm 2021, trong đó công nhận rằng 'để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất, khí hậu, đa dạng sinh học và Phát triển Bền vững Các Mục tiêu Phát triển, cả trên toàn cầu và trong nước, sẽ đòi hỏi sự chuyển đổi hơn nữa hành động trong các lĩnh vực liên kết sản xuất và tiêu dùng bền vững; phát triển cơ sở hạ tầng; thương mại, tài chính và đầu tư; và hỗ trợ cho hộ sản xuất nhỏ, người dân bản địa và cộng đồng địa phương'. Các bên ký kết cam kết làm việc tập thể để ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng mất rừng và đất đai xuống cấp vào năm 2030 và nhấn mạnh rằng họ sẽ tăng cường nỗ lực chung để tạo thuận lợi cho các chính sách thương mại và phát triển, quốc tế và trong nước, mà thúc đẩy phát triển bền vững và sản xuất hàng hóa bền vững và sự tiêu thụ, và công việc cùng có lợi của các nước.
- (23) Là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Liên minh cam kết thúc đẩy một thống thương mại đa phương bình đẳng, không phân biệt đối xử, bao trùm, có thể dự đoán được, minh bạch, cởi mở, dựa trên quy tắc, và toàn cầu trong khuôn khổ

WTO, cũng như một chính sách thương mại cởi mở, bền vững và quyết đoán. Phạm vi của Quy định này do đó bao gồm các hàng hóa và sản phẩm được sản xuất trong Liên minh cũng như hàng hóa và các sản phẩm nhập khẩu vào Liên minh.

- (24) Những thách thức mà thế giới đang phải đối mặt trong biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học chỉ có thể được giải quyết bằng hành động toàn cầu. Liên minh phải là một nhân tố toàn cầu mạnh mẽ, dẫn đầu bằng cách làm gương cũng như đi đầu trong hợp tác quốc tế để tạo ra một hệ thống đa phương cởi mở và công bằng trong đó thương mại bền vững đóng vai trò là yếu tố quyết định chính của quá trình chuyển đổi xanh chống biến đổi khí hậu và đảo ngược sự mất đa dạng sinh học .
- (25) Quy định này cũng tuân theo thông báo của Ủy ban ngày 22 tháng 6 2022 về sức mạnh của quan hệ đối tác thương mại: cùng nhau vì nền kinh tế xanh và công bằng tăng trưởng và ngày 18 tháng 2 năm 2021 về Rà soát chính sách thương mại - Cởi mở, bền vững và Chính sách thương mại quyết đoán, trong đó khẳng định rằng với các yếu tố bên trong và bên ngoài mới thách thức và đặc biệt hơn là một mô hình tăng trưởng mới, bền vững hơn như đã xác định bởi Thỏa thuận xanh châu Âu và Chiến lược kỹ thuật số châu Âu, có trong thông báo của Ủy ban ngày 19 tháng 2 năm 2020 về Định hình kỹ thuật số của Châu Âu trong tương lai, Liên minh cần có một chính sách thương mại chiến lược mới - một chiến lược sẽ hỗ trợ đạt được các mục tiêu chính sách đối nội và đối ngoại của mình và thúc đẩy tính bền vững cao hơn phù hợp với cam kết thực hiện đầy đủ các SDGs. Chính sách thương mại cần phát huy hết tác dụng vai trò trong sự phục hồi của Liên minh sau đại dịch COVID-19 và trong môi trường xanh và chuyển đổi kỹ thuật số của nền kinh tế và hướng tới xây dựng một Liên minh kiên cường hơn bên trong thế giới.
- (26) Theo thông báo ngày 22 tháng 6 năm 2022 về sức mạnh của thương mại quan hệ đối tác: cùng nhau vì tăng trưởng kinh tế xanh và công bằng, Ủy ban đẩy mạnh sự tham gia với các đối tác thương mại để thúc đẩy sự tuân thủ với tiêu chuẩn quốc tế về lao động và môi trường. Dự kiến truyền thông các chương mạnh mẽ về phát triển bền vững, bao gồm các điều khoản về nạn phá rừng và suy thoái rừng. Đảm bảo hiệu lực thi hành của hiện hành và kết luận của hiệp định thương mại mới với các chương như vậy sẽ bổ sung cho các mục tiêu của Quy định.
- (27) Quy định này nên bổ sung cho các biện pháp khác được đề xuất trong truyền thông về Đẩy mạnh hành động của EU để bảo vệ và khôi phục Rừng thế giới, đặc biệt là hợp tác với các nước sản xuất, để hỗ trợ họ trong việc giải quyết các nguyên nhân gốc rễ

của nạn phá rừng, chẳng hạn như quản lý yếu kém, thực thi luật pháp không hiệu quả và tham nhũng, và tăng cường hợp tác quốc tế với các chính quốc gia tiêu dùng bằng cách , ngoài những điều khác, khuyến khích thương mại các sản phẩm không phá rừng và việc áp dụng các biện pháp tương tự, để tránh các sản phẩm đến từ chuỗi cung ứng có liên quan với nạn phá rừng và rừng suy thoái đang được lưu thông trên thị trường của họ .

- (28) Quy định này cần tính đến nguyên tắc gắn kết chính sách đối với phát triển và phục vụ để thúc đẩy và tạo điều kiện hợp tác với các nước đang phát triển nước, đặc biệt là với các nước kém phát triển nhất (LDCs), cùng với những thứ khác thông qua việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và tài chính, nếu có thể vại liên quan.
- (29) Phối hợp với các quốc gia thành viên, Ủy ban nên tiếp tục làm việc trong quan hệ đối tác với các nước sản xuất, và nói chung là hợp tác với các tổ chức và cơ quan quốc tế cũng như với các bên liên quan tích cực thực tế thông qua đối thoại nhiều bên. Ủy ban nên củng cố sự hỗ trợ và khuyến khích của mình đối với việc bảo vệ rừng và chuyển đổi sang sản xuất không phá rừng, thừa nhận và tăng cường vai trò và quyền của người dân bản địa, cộng đồng địa phương, hộ sản xuất nhỏ và siêu nhỏ, doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) , cải thiện quản trị và quyền hưởng dụng đất đai, tăng cường thực thi pháp luật và thúc đẩy quản lý rừng bền vững, với sự nhấn mạnh vào các hoạt động lâm nghiệp gắn gũi hơn với tự nhiên, dựa trên chỉ số và ngưỡng cơ sở khoa học, du lịch sinh thái, nông nghiệp thích ứng với khí hậu, đa dạng hóa, sinh thái nông nghiệp và nông lâm kết hợp. Khi làm như vậy, Ủy ban nên công nhận đầy đủ vai trò và quyền của người dân bản địa và cộng đồng địa phương trong bảo vệ rừng, có tính đến nguyên tắc tự do, báo trước và được thông tin sự đồng ý (FPIC). Dựa trên những kinh nghiệm và bài học rút ra trong bối cảnh sáng kiến hiện có, Liên minh và các Quốc gia Thành viên nên hướng tới quan hệ đối tác với các nước sản xuất, theo yêu cầu của họ, và giải quyết những thách thức toàn cầu trong khi đáp ứng nhu cầu địa phương và chú ý đến những thách thức hộ sản xuất nhỏ phải đối mặt , phù hợp với thông tin liên lạc về Đẩy mạnh hành động của EU để bảo vệ và khôi phục các khu rừng trên thế giới. Phương pháp hợp tác sẽ giúp nhà sản xuất quốc gia và các bộ phận trong việc bảo vệ, phục hồi và sử dụng bền vững rừng, do đó góp phần vào mục tiêu của Quy định này để giảm nạn phá rừng và suy thoái rừng , bao gồm thông qua việc sử dụng các công nghệ kỹ thuật số, thông tin không gian địa lý và nâng cao năng lực.
- (30) Các nhà nhập khẩu và thương nhân phải bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ theo Quy định

này bất kể việc đưa ra thị trường diễn ra thông qua phương tiện truyền thống hoặc trực tuyến. Do đó, Quy định này cần đảm bảo rằng trong mọi chuỗi cung ứng có một nhà nhập khẩu theo nghĩa của Quy định này là người được thành lập trong Liên minh và có thể chịu trách nhiệm trong trường hợp không thực hiện các nghĩa vụ theo Quy định này. Ủy ban và Các Quốc gia Thành viên cần theo dõi việc thực hiện Quy định này và xác định liệu sự phát triển kỹ thuật số và công nghệ có yêu cầu thêm thông số kỹ thuật hoặc khả năng phán đoán, khi thích hợp, trong tương lai .

- (31) Một hành động quan trọng khác được công bố trong thông tin liên lạc về các Bước Hành động EU Bảo vệ và Phục hồi Rừng Thế giới là thành lập Đài quan sát Liên minh Châu Âu về mất rừng, suy thoái rừng, thay đổi độ che phủ rừng trên thế giới và các trình điều khiển liên quan ('Đài quan sát EU') do Ủy ban đưa ra để theo dõi tốt hơn những thay đổi về độ che phủ rừng trên thế giới và các yếu tố liên quan. Xây dựng trên các công cụ giám sát hiện có, bao gồm các sản phẩm của Copernicus và các công cụ công khai hoặc các nguồn tư nhân có sẵn, Trung tâm quan sát EU nên tạo điều kiện truy cập vào thông tin về chuỗi cung ứng cho các tổ chức công cộng, người tiêu dùng và doanh nghiệp, cung cấp dữ liệu và thông tin dễ hiểu liên quan đến mất rừng, suy thoái rừng và những thay đổi về độ che phủ rừng trên thế giới đối với nhu cầu của Liên minh và thương mại hàng hóa và sản phẩm. Do đó, Trung tâm quan sát EU nên hỗ trợ việc thực hiện Quy định này bằng cách cung cấp bằng chứng khoa học liên quan đến nạn phá rừng và suy thoái rừng toàn cầu và thương mại liên quan. Trung tâm quan sát EU nên cung cấp bản đồ che phủ đất , bao gồm cả chuỗi thời gian kể từ ngày khóa số được xác định trong Quy định này và một loạt các lớp cho phép kiểm tra bố cục cảnh quan. Trung tâm quan sát EU nên tham gia phát triển hệ thống cảnh báo sớm kết hợp năng lực nghiên cứu và giám sát. Đối với Quy định này, khi kỹ thuật khả thi, các khách quan của các hệ thống cảnh báo sớm nên là một phần của nền tảng có thể hỗ trợ các cơ quan có thẩm quyền, nhà nhập khẩu, thương nhân và các bên liên quan khác có liên quan và có thể cung cấp giám sát liên tục và thông báo sớm về các hoạt động phá rừng hoặc suy thoái rừng có thể xảy ra. Nền tảng đó nên hoạt động càng sớm càng tốt. Trung tâm quan sát EU nên hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức quốc tế có liên quan và cơ quan, viện nghiên cứu , tổ chức phi chính phủ, nhà nhập khẩu, thương nhân, Quốc gia thứ ba và các bên khác có liên quan .
- (32) Khung pháp lý hiện tại của Liên minh tập trung vào việc giải quyết khai thác gỗ bất hợp pháp và thương mại liên quan và không giải quyết trực tiếp nạn phá rừng. Nó bao

gồm Quy định (EU) Số 995/2010 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu⁷ 1 và Quy định Hội đồng (EC) số 2173/2005⁸ 2 . Cả hai quy định đã từng đánh giá sự thích hợp Kiểm tra cái nào xác định rằng, trong khi pháp luật đã có tác động tích cực đến quản trị rừng, các mục tiêu của hai Quy định - cụ thể là để hạn chế khai thác và buôn bán có liên quan gỗ bất hợp pháp , và giảm bớt sự tiêu thụ gỗ thu hoạch bất hợp pháp trong Liên minh – chưa được đáp ứng và người ta kết luận rằng chỉ tập trung vào tính hợp pháp của gỗ là không hợp lý để đạt mục tiêu.

- (33) Các báo cáo hiện có xác nhận rằng một phần đáng kể nạn phá rừng đang diễn ra là hợp pháp theo quy định của pháp luật nước sản xuất. Báo cáo của Chính sách Lâm nghiệp Sáng kiến Thương mại và Tài chính được công bố vào tháng 5 năm 2021 ước tính rằng từ năm 2013 đến 2019, khoảng 30% diện tích rừng bị phá là dành cho nông nghiệp thương mại ở Quốc gia vùng nhiệt đới đã từng là hợp pháp. Dữ liệu có sẵn có khuynh hướng tập trung vào Quốc gia quản lý kém - tỷ lệ phá rừng bất hợp pháp trên toàn cầu có thể thấp hơn, nhưng đã cung cấp dữ liệu rõ ràng báo hiệu rằng việc loại bỏ nạn phá rừng là hợp pháp ở quốc gia sản xuất làm giảm hiệu quả của các biện pháp chính sách.
- (34) Đánh giá tác động của các biện pháp chính sách khả thi để giải quyết mất rừng và suy thoái rừng, kết luận của Hội đồng ngày 16 tháng 12 năm 2019 và nghị quyết của Nghị viện Châu Âu ngày 22 tháng 10 năm 2020 xác định rõ nhu cầu dẫn đến phá rừng và rừng suy thoái bằng các hướng dẫn tiêu chuẩn vì các biện pháp của Liên minh trong tương lai. Chỉ tập trung vào tính hợp pháp có thể dẫn đến rủi ro hạ thấp tiêu chuẩn môi trường với quan điểm giành quyền tiếp cận thị trường. Do đó, khung pháp lý mới của Liên minh nên giải quyết cả tính hợp pháp và liệu các sản xuất hàng hoá có liên quan và liên quan sản phẩm không phá rừng.
- (35) Định nghĩa “không phá rừng” phải đủ rộng để bao hàm nạn phá rừng và suy thoái rừng, nên cung cấp sự rõ ràng về mặt pháp lý, và nên được đo lường được dựa trên định lượng, khách quan và dữ liệu được quốc tế công nhận .
- (36) Đối với các mục đích của Quy định này, việc sử dụng nông nghiệp nên được định nghĩa là việc sử dụng đất phục vụ mục đích nông nghiệp. Về vấn đề này, Ủy ban nên

⁷ Quy định (EU) số 995/2010 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng 20Tháng 10 năm 2010 quy định nghĩa vụ của người khai thác gỗ và gỗ sản phẩm trên thị trường (*OJ L 295, 11.12.2010, tr. 23*).

⁸ Quy định của Hội đồng (EC) số 2173/2005 ngày 20 tháng 12 năm 2005 về việc thành lập và cơ chế cấp phép FLEGT đối với gỗ nhập khẩu vào Cộng đồng Châu Âu (*OJ L 347, 30.12.2005, tr. 1*).

phát triển các hướng dẫn để làm rõ việc giải thích định nghĩa này, trong đặc biệt liên quan đến việc chuyển đổi rừng thành đất mà mục đích của nó không được nông nghiệp sử dụng.

- (37) Theo định nghĩa của FAO, các hệ thống nông lâm kết hợp, bao gồm cả vùng trồng cây dưới tán rừng, cũng như các hệ thống nông lâm kết hợp với cây trồng và chăn nuôi, không nên được coi là rừng, mà là đất nông nghiệp sử dụng.
- (38) Quy định này sẽ bao gồm các mặt hàng mà Liên minh tiêu thụ là phù hợp nhất về mặt thúc đẩy nạn phá rừng và suy thoái rừng toàn cầu và mà một can thiệp chính sách của Liên minh có thể mang lại lợi ích cao nhất trên mỗi đơn vị giá trị của buôn bán. Một đánh giá sâu rộng về các tài liệu khoa học có liên quan, cụ thể là các nguồn chính ước tính tác động của tiêu thụ Liên minh đối với nạn phá rừng toàn cầu và liên kết đầu chân môi trường đối với hàng hóa cụ thể, được thực hiện như một phần của nghiên cứu hỗ trợ đánh giá tác động của Quy định này và được kiểm tra chéo bởi phương tiện tham vấn rộng rãi với các bên liên quan. Quá trình đó đưa ra một danh sách đầu tiên của tám mặt hàng. Gỗ đã được bao gồm trực tiếp trong phạm vi vì nó đã được được điều chỉnh bởi Quy định (EU) số 995/2010 . Theo một nghiên cứu gần đây⁹ phân tích về hiệu quả, bảy mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong Nạn phá rừng gây ra bởi Liên minh trong tám mặt hàng được phân tích trong nghiên cứu, bao gồm : dầu cọ (34,0 %), đậu nành (32,8 %), gỗ (8,6 %), ca cao (7,5 %), cà phê (7,0 %), gia súc(5,0 %) và cao su (3,4 %) .
- (39) Để đảm bảo đạt được mục tiêu của Quy định, cần phải đảm bảo rằng thức ăn dùng cho vật nuôi thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này không dẫn đến phá rừng. Do đó, các nhà nhập khẩu lưu thông trên thị trường hoặc xuất khẩu có liên quan các sản phẩm có chứa hoặc đã được tạo ra bằng cách sử dụng gia súc đã được cho ăn bằng liên quan các sản phẩm đó bao gồm hoặc có là làm ra sử dụng khác liên quan hàng hóa hoặc các sản phẩm có liên quan, phải đảm bảo, như một phần của quá trình rà soát cẩn trọng hệ thống, rằng nguồn cấp dữ liệu không phá rừng. Trong trường hợp đó, yêu cầu định vị địa lý theo Quy định này nên được giới hạn trong việc đề cập đến vị trí địa lý của từng cơ sở nơi gia súc được nuôi và không có định vị địa lý thông tin nên được yêu cầu cho chính nguồn cấp dữ liệu. Nếu cơ quan có thẩm quyền có được hoặc được biết về thông tin liên quan, bao gồm thông tin dựa trên được chứng minh mối quan tâm để

⁹ Pendrill F., Persson UM, Kastner, T. 2020. Nguy cơ mất rừng thể hiện ở sản xuất và tiêu thụ hàng hóa nông, lâm nghiệp 2005-2017(Phiên bản 1.0). Zenodo.

trình bởi bên thứ ba, mà đó là rủi ro của thức ăn không phù hợp với Quy định này, cơ quan có thẩm quyền cần ngay lập tức yêu cầu chi tiết thông tin như là thức ăn. Nếu như thức ăn có đã chịu thẩm định trong một bước trước đó của chuỗi cung ứng, các nhà nhập khẩu nên sử dụng làm bằng chứng về hóa đơn liên quan, số tham chiếu tờ khai thẩm định hoặc bất kỳ tài liệu khác liên quan chỉ ra thức ăn đó không có nạn phá rừng và họ có thể được yêu cầu cung cấp bằng chứng đó cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu. Bằng chứng phải bao gồm thời gian tồn tại của động vật, hướng lên đến tối đa là năm năm.

- (40) Lưu ý rằng nên khuyến khích sử dụng các mặt hàng liên quan được tái chế và các sản phẩm liên quan, bao gồm hàng hóa và các sản phẩm trong phạm vi của Quy định này sẽ đặt gánh nặng không cân xứng lên các nhà nhập khẩu, hàng hóa và sản phẩm đã được sử dụng và hoàn thành vòng đời của chúng sẽ được xử lý và loại bỏ như chất thải, như được định nghĩa trong Điều 3, điểm (1), của Chỉ thị 2008/98/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu¹⁰ nên được loại trừ khỏi phạm vi của Quy định này. Tuy nhiên, điều này không nên áp dụng cho một số sản phẩm phụ của Quy trình sản xuất.
- (41) Quy định này nên đặt ra các nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa và các sản phẩm có liên quan nhằm chống lại nạn phá rừng và suy thoái rừng một cách có hiệu quả, và thúc đẩy chuỗi cung ứng không phá rừng, đồng thời tính đến việc bảo vệ nhân quyền và quyền của người dân bản địa và cộng đồng địa phương, cả trong Liên minh và ở các nước thứ ba.
- (42) Khi đánh giá rủi ro không tuân thủ của hàng hóa liên quan và sản phẩm nhằm mục đích đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu, hành vi vi phạm quyền con người các quyền liên quan đến mất rừng hoặc suy thoái rừng, bao gồm các quyền của người dân bản địa, cộng đồng địa phương và những người nắm giữ quyền sở hữu theo phong tục, nên được đưa vào xem xét.
- (43) Nhiều tổ chức và cơ quan quốc tế, chẳng hạn như FAO, IPCC, Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc, và Liên minh Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên, đã tích cực hoạt động, và có các thỏa thuận quốc tế, chẳng hạn như Hiệp định Paris và CBD, đã được ký kết trong lĩnh vực tàn phá rừng và suy giảm rừng, và các định nghĩa trong Nghị định này được xây dựng trên cơ sở đó.
- (44) Quy định này cũng nhấn mạnh vấn đề suy thoái rừng. Các định nghĩa về suy thoái

¹⁰ Chỉ thị 2008/98/EC của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng 19 tháng 11 năm 2008 về lãng phí và bãi bỏ một số Chỉ thị (OJ L 312, 22.11.2008, tr.3).

rừng nên dựa trên các khái niệm được quốc tế thống nhất và đảm bảo rằng các nghĩa vụ liên quan có thể được thực hiện dễ dàng bởi các nhà nhập khẩu và cơ quan có thẩm quyền. Những nghĩa vụ đó phải được đo lường trong hoạt động và có thể kiểm chứng, cũng như rõ ràng và không mơ hồ, để cung cấp sự chắc chắn về mặt pháp lý. Trong đó bối cảnh, điều này Quy định nên tập trung vào yếu tố chính của suy thoái rừng cái đó có thể đo lường và xác minh được, đặc biệt liên quan đến việc tránh các tác động môi trường, dựa trên dữ liệu khoa học mới nhất. Vì mục đích đó, định nghĩa của suy thoái rừng nên dựa trên các khái niệm được đồng ý trên toàn cầu bởi FAO. Định nghĩa suy thoái rừng cần được xem xét, theo Quy định này, để đánh giá xem liệu nó có nên được mở rộng để bao quát phạm vi rộng hơn của các nguyên nhân gây suy thoái rừng và các hệ sinh thái rừng trên toàn thế giới để hỗ trợ thêm cho các mục tiêu môi trường của Quy định, có tính đến tiến bộ đạt được trong các cuộc thảo luận quốc tế về vấn đề, cũng như sự đa dạng của hệ sinh thái rừng và thực tiễn trên khắp thế giới. Việc rà soát cần được tiến hành trên cơ sở phân tích sâu, hợp tác với các Quốc gia Thành viên, và tham vấn với các cơ quan liên quan các bên liên quan, các cơ quan, tổ chức quốc tế, cộng đồng khoa học.

- (45) Quy định này cần đảm bảo sự cân bằng thích đáng giữa việc bảo vệ các kỳ vọng chính đáng của các nhà nhập khẩu và thương nhân có hàng hóa có liên quan và sản phẩm liên quan trên thị trường hoặc xuất khẩu chúng trong khi giảm thiểu sự gián đoạn đột ngột đối với chuỗi cung ứng, và quyền cơ bản về bảo vệ môi trường như đã quy định tại Điều 37 của Chương trình Những Quyền Cơ Bản của Liên minh châu Âu. Vì mục đích đó, nên được đặt để cung cấp cơ sở để đánh giá xem đất đai liên quan đã bị tàn phá rừng hoặc suy giảm rừng, để không có mặt hàng và sản phẩm nào nằm trong phạm vi của Quy định có thể được đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu, nếu chúng được sản xuất trên đất liền chủ thể để phá rừng hoặc rừng xuống cấp sau ngày đó.
- (46) Ngày giới hạn phải tương ứng với các cam kết quốc tế hiện có đã đề ra trong SDGs và Tuyên bố New York về Rừng, theo đuổi tham vọng ngăn chặn nạn phá rừng, phục hồi rừng bị suy thoái và tăng đáng kể trồng rừng và tái trồng rừng trên toàn cầu vào năm 2020, và do đó nên đặt mục tiêu 31 Tháng 12 năm 2020. Ngày đó cũng phù hợp với thông báo của Ủy ban về ý định chống nạn phá rừng trong thông tin liên lạc về Bước lên EU Hành động Bảo vệ và Phục hồi Rừng Thế giới, Thỏa thuận Xanh Châu Âu, Chiến lược đa dạng sinh học của EU cho năm 2030 cũng như trong chiến lược Farm to Fork. Tuân thủ nguyên tắc phòng ngừa, ngày giới hạn được nêu trong Ủy ban đề xuất

cho Quy định này trước ngày có hiệu lực của Quy định này. Ngày giới hạn đã được chọn để ngăn chặn một dự kiến gia tăng các hoạt động dẫn đến mất rừng và suy thoái rừng giữa thông báo trong đề xuất của Ủy ban và ngày có hiệu lực của Quy định này. Quy định này cần thừa nhận mục tiêu môi trường theo đuổi và xác nhận ngày giới hạn đề xuất để đảm bảo rằng các nhà sản xuất và các nhà nhập khẩu đã gây ra mất rừng và suy thoái rừng trong quá trình thời gian đàm phán của Quy định này không được phép đặt các hàng hóa và sản phẩm có liên quan liên quan trên thị trường hoặc đề xuất khẩu chúng.

- (47) Những hạn chế trong việc thực hiện các quyền cơ bản và bảo vệ cá kỳ vọng chính đáng của các nhà nhập khẩu và thương nhân do sự lựa chọn của ngày giới hạn phải tương ứng với, và thực sự cần thiết để theo đuổi mục tiêu lợi ích chung của bảo vệ môi trường. Để góp phần vào đó khách quan, Quy định này không nên áp dụng cho các mặt hàng liên quan và các sản phẩm được sản xuất trước ngày Quy định này có hiệu lực. Các hoãn áp dụng các quy định của Quy định này điều chỉnh các nghĩa vụ đối với các nhà nhập khẩu và thương nhân có ý định đặt hàng hóa có liên quan và sản phẩm có liên quan trên thị trường để xuất khẩu chúng cũng cung cấp cho họ một khoảng thời gian hợp lý thời gian để thích ứng với cái mới yêu cầu của Quy định này.
- (48) Để tăng cường sự đóng góp của Liên minh trong việc ngăn chặn nạn phá rừng và bảo vệ rừng xuống cấp và để đảm bảo rằng các sản phẩm có liên quan từ chuỗi cung ứng liên quan đến nạn phá rừng và suy thoái rừng không được đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu, các sản phẩm có liên quan không nên được đặt hoặc cung cấp trên thị trường hoặc được xuất khẩu trừ khi chúng không gây phá rừng và được sản xuất theo với các quy định pháp luật có liên quan của nước sản xuất. Để xác nhận điều này, chúng luôn nên được đi kèm với một tuyên bố thẩm định.
- (49) Trên cơ sở cách tiếp cận có hệ thống, các nhà nhập khẩu nên thực hiện các bước thích hợp trong để đảm bảo rằng sản phẩm có liên quan mà họ dự định đưa ra thị trường tuân thủ các yêu cầu hợp pháp và không phá rừng của Quy định này. Đến cuối cùng, các nhà nhập khẩu nên thiết lập và thực hiện các hệ thống thẩm định. những do hệ thống thẩm định nên bao gồm ba yếu tố, cụ thể là yêu cầu thông tin, đánh giá rủi ro và các biện pháp giảm thiểu rủi ro, bổ sung bằng cách báo cáo nghĩa vụ. Các hệ thống thẩm định cần được thiết kế để cung cấp quyền truy cập vào thông tin về nguồn gốc và nhà cung cấp hàng hóa và sản phẩm được đưa ra thị trường, bao gồm cả thông tin chứng minh rằng sự vắng mặt của nạn phá rừng và suy thoái rừng và các yêu cầu về tính hợp pháp được đáp ứng, ngoài những điều khác, bằng cách xác định

quốc gia sản xuất hoặc các bộ phận của chúng và bao gồm cả tọa độ định vị của các thửa đất có liên quan. Những tọa độ định vị đó dựa vào thời gian, định vị và/hoặc quan sát Trái đất có thể sử dụng dữ liệu không gian và các dịch vụ được cung cấp theo chương trình Không gian của Liên minh Châu Âu (EGNOS/Galileo và Copernicus). Khi phát hiện rủi ro, các nhà nhập khẩu nên thực hiện giảm thiểu rủi ro đó để đạt mức không hoặc chỉ là rủi ro không đáng kể. Chỉ được phép cho phép các nhà khai thác đưa sản phẩm liên quan lên thị trường hoặc xuất khẩu nếu sau khi thực hiện thẩm định, nhà nhập khẩu kết luận rằng không có hoặc chỉ có rủi ro không đáng kể rằng các sản phẩm liên quan không tuân thủ Quy định này.

- (50) Khi tìm nguồn cung ứng sản phẩm, cần thực hiện những nỗ lực hợp lý để đảm bảo rằng giá hợp lý được trả cho người sản xuất, đặc biệt là các hộ sản xuất nhỏ, để có thể đảm bảo thu nhập và giải quyết nghèo đói hiệu quả như gốc rễ nguyên nhân của phá rừng.
- (51) Các nhà nhập khẩu nên chính thức chịu trách nhiệm về việc tuân thủ cho các sản phẩm liên quan mà họ dự định đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu bằng cách cung cấp tờ khai thẩm định về thẩm định. Quy định này sẽ cung cấp một khuôn mẫu cho những tuyên bố như vậy. Những tờ khai thẩm định như vậy được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi chính sách này. Quy định của các cơ quan có thẩm quyền và tòa án cũng như tăng cường tuân thủ của người khai thác.
- (52) Để công nhận việc thực hành đúng đắn, chứng nhận hoặc các chương trình được xác minh của bên thứ ba khác có thể được sử dụng trong quy trình đánh giá rủi ro. Tuy nhiên, họ không nên thay thế các trách nhiệm của nhà nhập khẩu liên quan đến việc thẩm định.
- (53) Thương nhân phải có trách nhiệm thu thập và lưu giữ thông tin để đảm bảo tính minh bạch của chuỗi cung ứng có liên quan đến các sản phẩm mà họ cung cấp trên thị trường. Thương nhân không phải là SME có ảnh hưởng đáng kể đến chuỗi cung ứng và đóng một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo rằng các chuỗi cung ứng không có nạn phá rừng. Họ do đó nên có các nghĩa vụ giống như các nhà nhập khẩu, chịu trách nhiệm về sự tuân thủ của các sản phẩm có liên quan với Quy định này và đảm bảo, trước khi bày bán sản phẩm lên thị trường, họ nên thực hiện thẩm định tuân thủ Quy định này và kết luận rằng không có rủi ro hoặc có rủi ro không đáng kể đối với các sản phẩm không tuân thủ Quy định này.
- (54) Nhằm thúc đẩy tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi, các nhà

nhập khẩu không phải SME, bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc người tự kinh doanh, nên, trên cơ sở hàng năm, báo cáo công khai về hệ thống thẩm định của họ, bao gồm các bước thực hiện để hoàn thành các nghĩa vụ của mình.

- (55) Các nhà nhập khẩu sẽ có thể nhận được các mối quan tâm đã được chứng minh từ các bên quan tâm, kể cả bằng phương tiện điện tử, và nên điều tra kỹ lưỡng tất cả các bằng chứng đã được chứng minh mỗi quan tâm đã nhận.
- (56) Các hành vi pháp lý khác của Liên minh cung cấp các yêu cầu về thẩm định trong chuỗi giá trị liên quan đến các tác động bất lợi đối với nhân quyền hoặc đối với môi trường nên áp dụng trong chừng mực chưa có quy định cụ thể nào có cùng mục tiêu, bản chất và tác động của Quy định này có thể được điều chỉnh theo các sửa đổi trong tương lai của Liên minh hành vi hợp pháp. Sự tồn tại của Quy định này không loại trừ việc áp dụng các hành vi pháp lý khác của Liên minh đặt ra các yêu cầu liên quan đến thẩm định chuỗi giá trị. Khi các đạo luật pháp lý khác của Liên minh quy định các điều khoản cụ thể hơn hoặc bổ sung các yêu cầu được nêu trong Quy định này, các quy định đó nên được áp dụng cùng với Quy định này. Hơn nữa, trong trường hợp Quy định có nhiều điều khoản cụ thể hơn, chúng không nên được giải thích theo cách gây ảnh hưởng đến việc áp dụng hiệu quả của các hành động pháp lý khác của Liên minh châu Âu về sự cẩn trọng hoặc đạt được mục tiêu chung của chúng. Ủy ban có thể phát hành các hướng dẫn rõ ràng và dễ hiểu để đảm bảo sự tuân thủ của các nhà nhập khẩu và nhà giao dịch, đặc biệt là các Doanh nghiệp vừa và nhỏ, với Quy định này.
- (57) Tôn trọng quyền của người dân bản địa đối với rừng và nguyên tắc của FPIC, bao gồm như được nêu trong Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của người bản địa dân tộc, góp phần bảo vệ đa dạng sinh học, giảm thiểu biến đổi khí hậu và giải quyết các vấn đề liên quan đến lợi ích công cộng. Người bản địa sở hữu tri thức truyền thống của sinh thái và giá trị y tế, và rất thường lời đề nghị một mô hình sử dụng bền vững tài nguyên rừng. Điều này có thể đóng góp vào tại chỗ bảo tồn, phù hợp với CBD Hơn nữa, các nghiên cứu cho thấy rằng những người dân bản địa sống trong rừng đóng một vai trò kép trong việc chống lại biến đổi khí hậu: đầu tiên, họ thường chống lại việc chiếm đóng và phá rừng trên đất mà họ đã sinh sống trong nhiều thế hệ; và thứ hai, một số cộng đồng bản địa xem việc bảo vệ rừng như trách nhiệm của mình để giảm thiểu biến đổi khí hậu.
- (58) Các nguyên tắc nêu trong Tuyên bố Rio 1992 về Môi trường và Sự phát triển của

LHQ, đặc biệt là Nguyên tắc 10 liên quan đến tầm quan trọng của nhận thức cộng đồng và sự tham gia vào các vấn đề môi trường và Nguyên tắc 22 liên quan đến vai trò quan trọng của người dân bản địa trong quản lý môi trường và phát triển, có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh đảm bảo rừng bền vững sự quản lý.

- (59) Khái niệm FPIC của người dân tộc bản địa đã được phát triển trong những năm qua theo sự chấp thuận của Tổ chức Lao động Quốc tế Bản địa và Công ước về các dân tộc bộ lạc, 1989 (Số 169), và nó được phản ánh trong UN Tuyên bố về Bảo vệ Quyền của Người dân Bản địa. Nó nhằm mục đích trở thành một biện pháp an toàn để đảm bảo rằng các tác động tiềm ẩn đối với người dân bản địa sẽ được xem xét trong quá trình ra quyết định của các dự án ảnh hưởng đến họ.
- (60) Các nhà nhập khẩu nằm trong phạm vi của các hành vi pháp lý khác của Liên minh đặt ra thẩm định các yêu cầu trong chuỗi giá trị liên quan đến các tác động tiêu cực đến quyền con người hoặc môi trường phải có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ báo cáo theo tiêu chuẩn này. Quy định bằng cách bao gồm các thông tin cần thiết khi báo cáo theo quy định khác Liên minh hợp pháp hành vi.
- (61) Trách nhiệm thực thi Quy định này thuộc về các Quốc gia Thành viên, và các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ với Quy định này. Thực thi thống nhất Quy định này liên quan đến sản phẩm nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường chỉ có thể đạt được thông qua hệ thống trao đổi thông tin và hợp tác giữa các cơ quan có thẩm quyền, hải quan chính quyền và Ủy ban.
- (62) Việc triển khai, thực thi Quy định này có hiệu lực, hiệu quả là cần thiết để đạt được mục tiêu của mình. Để đạt được mục tiêu đó, Ủy ban nên thành lập và quản lý một hệ thống thông tin để hỗ trợ các nhà nhập khẩu và các cơ quan có thẩm quyền trong việc trình bày và truy cập thông tin cần thiết về các sản phẩm có liên quan được đặt trên thị trường. Các nhà nhập khẩu nên đệ trình tờ khai thẩm định thông qua hệ thống thông tin. Hệ thống thông tin phải được truy cập bởi những người có thẩm quyền cơ quan chức năng và cơ quan hải quan để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nghĩa vụ của họ theo Quy định này và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao thông tin giữa Các quốc gia thành viên, cơ quan có thẩm quyền và cơ quan hải quan. Các dữ liệu không nhạy cảm về mặt thương mại cũng nên được truy cập rộng rãi hơn cho công chúng, tùy thuộc vào dữ liệu được ẩn danh, ngoài thông tin liên quan đến danh sách cuối cùng phán quyết đối với pháp nhân vì vi phạm Quy định này và hình phạt áp dụng cho họ, và nên được cung cấp một cách cởi mở và máy móc. định dạng

có thể đọc được phù hợp với Chính sách dữ liệu mở của Liên minh như được nêu trong Chỉ thị (EU) 2019/1024 của Châu Âu Quốc hội và của Hội đồng¹¹ 1 .

- (63) Đối với các sản phẩm có liên quan nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường, cơ quan có thẩm quyền phải được giao nhiệm vụ kiểm tra việc tuân thủ các quy định của sản phẩm có liên quan với Quy định, ngoài những điều khác, trên các tờ khai thẩm định được đệ trình bởi người nhập khẩu. Vai trò của các cơ quan hải quan là đảm bảo rằng việc dẫn chiếu đến tờ khai thẩm định được cung cấp cho họ khi áp dụng. Ngoài ra, kể từ giao diện điện tử được đưa vào sử dụng để trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan với cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan cần kiểm tra tình trạng của tờ khai thẩm định sau khi phân tích rủi ro ban đầu đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện trong hệ thống thông tin. Các cơ quan hải quan nên thực hiện các biện pháp thích hợp như đình chỉ hoặc từ chối một hàng hóa hoặc sản phẩm có liên quan nếu yêu cầu trên cơ sở tình trạng của tờ khai thẩm định trong hệ thống thông tin. Nội dung kiểm soát cụ thể đó khiến Chương VII của Nghị định (EU) 2019/1020 của Quốc hội châu Âu và Hội đồng¹² trở nên không áp dụng trong mức độ việc áp dụng và thực thi Quy định này.
- (64) Các quốc gia thành viên phải đảm bảo luôn có đủ nguồn tài chính cho việc bố trí nhân sự và trang bị phù hợp của các cơ quan có thẩm quyền. Cần những mức độ tài nguyên cao để thực hiện kiểm tra hiệu quả và tài nguyên ổn định phải được cung cấp ở mức phù hợp với nhu cầu thực thi tại bất kỳ thời điểm nào chốc lát. Các quốc gia thành viên nên có khả năng bổ sung tài chính công bằng cách thu hồi từ các nhà nhập khẩu kinh tế có liên quan các chi phí phát sinh khi vận chuyển kiểm tra liên quan đến hàng hóa có liên quan và các sản phẩm có liên quan đã được tìm thấy được không tuân thủ.
- (65) Quy định này không ảnh hưởng đến các hành vi pháp lý khác của Liên minh đối với hàng hóa và sản phẩm nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường, đặc biệt là Quy định (EU) số 952/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu¹³ 1 liên quan đến quyền hạn của hải quan cơ quan chức năng và kiểm soát hải quan. Các nhà nhập khẩu nên được nhắc nhở rằng Điều 220, 254, 256, 257 và 258 của Quy định đó quy định rằng các sản phẩm tham gia thị trường yêu cầu xử lý thêm sẽ được đặt dưới hải quan thích

¹¹ Chỉ thị (EU) 2019/1024 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 20 tháng 6 năm 2019 trên dữ liệu mở và tái sử dụng công cộng lĩnh vực (OJ L 172, 26.6.2019, tr. 56).

¹² Quy định (EU) 2019/1020 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng 20 tháng 6 năm 2019 về giám sát thị trường và tuân thủ của sản phẩm và sửa đổi Chỉ thị 2004/42/EC và Quy định (EC) số 765/2008 và (EU) số 305/2011 (OJ L 169, 25.6.2019, tr. 1).

¹³ Quy định (EU) số 952/2013 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng 9 tháng Mười 2013 về khung Liên minh Phong tục Mã số (OJ L269 10.10.2013, P. 1).

hợp thủ tục cho phép xử lý như vậy. Nói chung, cho phép tự do lưu thông hoặc xuất khẩu không nên được coi là bằng chứng về việc tuân thủ luật Liên minh, vì như vậy giải phóng hoặc xuất khẩu không nhất thiết bao gồm một hoàn thành kiểm soát của Tuân thủ.

- (66) Để tối ưu hóa quy trình kiểm soát, bao gồm bằng cách giảm thiểu gánh nặng thủ tục hành chính, cho sản phẩm có liên quan nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường, cần phải thiết lập lên một giao diện điện tử có thể tương tác cho phép truyền dữ liệu tự động giữa hệ thống hải quan với hệ thống thông tin của cơ quan có thẩm quyền. Các Môi trường một cửa của Liên minh Châu Âu cho Hải quan là ứng cử viên tự nhiên cho phép truyền dữ liệu như vậy. Giao diện phải được tự động hóa cao và dễ sử dụng, và nên tạo thuận lợi cho các quy trình cho cơ quan hải quan và các nhà nhập khẩu. Hơn nữa, nhìn vào sự khác biệt hạn chế giữa dữ liệu cần được cung cấp cho các cơ quan hải quan và dữ liệu cần được bao gồm trong tuyên bố tôn trọng sự cẩn trọng, thì đề xuất một cách tiếp cận "doanh nghiệp-cho-chính phủ" cũng là phù hợp. Theo đó, các nhà giao dịch và nhà nhập khẩu kinh tế cung cấp tuyên bố tôn trọng sự cẩn trọng của sản phẩm liên quan thông qua môi trường cửa sổ đơn quốc gia cho hải quan và tuyên bố đó được truyền tự động đến hệ thống thông tin theo Nghị định này được sử dụng bởi các cơ quan chức năng. Các cơ quan hải quan và cơ quan chức năng nên đóng góp vào việc xác định dữ liệu cần truyền và bất kỳ yêu cầu kỹ thuật nào khác.
- (67) Nguyên cơ về các sản phẩm không tuân thủ được đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu khác nhau tùy thuộc vào hàng hóa và sản phẩm cũng như quốc gia xuất xứ và sản xuất hoặc khu vực tương ứng. Những nhà nhập khẩu mua hàng hóa và sản phẩm từ các quốc gia hoặc khu vực có rủi ro thấp trong việc trồng trọt, thu hoạch hoặc sản xuất các mặt hàng liên quan mà không vi phạm Nghị định này nên chịu ít nghĩa vụ hơn, do đó giảm chi phí tuân thủ và gánh nặng hành chính, trừ khi nhà nhập khẩu biết hoặc có lý do để tin rằng có rủi ro không tuân thủ với Nghị định này. Khi một cơ quan chức năng nhận thức được rằng có rủi ro Nghị định này đang bị lách luật, ví dụ như một mặt hàng liên quan hoặc sản phẩm liên quan được sản xuất ở một quốc gia có rủi ro cao sau đó được chế biến ở một quốc gia có rủi ro thấp hoặc khu vực có rủi ro thấp và sau đó được đưa ra thị trường, nhập khẩu hoặc xuất khẩu, và tuyên bố tôn trọng sự cẩn trọng hoặc tờ khai hải quan cho thấy rằng hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan được sản xuất ở một quốc gia có rủi ro thấp, cơ quan chức năng nên xác minh bằng các kiểm tra tiếp theo xem có bất kỳ vi phạm nào hay không và nếu cần, thực hiện các biện pháp thích hợp, chẳng hạn như tịch thu hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan và

tạm ngừng đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan và tiến hành các kiểm tra tiếp theo. Các cơ quan chức năng nên được yêu cầu áp dụng kiểm tra nghiêm ngặt hơn đối với các mặt hàng và sản phẩm liên quan từ các quốc gia hoặc khu vực có rủi ro cao.

- (68) Hơn nữa, Ủy ban nên đánh giá nạn phá rừng và suy thoái rừng rủi ro ở cấp độ của một quốc gia hoặc các bộ phận của nó dựa trên một loạt các tiêu chí phản ánh dữ liệu định lượng, khách quan và được quốc tế công nhận, và các dấu hiệu cho thấy các nước đang tích cực tham gia chống mất rừng và suy thoái rừng. Những thông tin chuẩn như vậy sẽ giúp các nhà nhập khẩu trong Liên minh dễ dàng hơn trong việc thực hiện thẩm định và để các cơ quan có thẩm quyền giám sát và thực thi tuân thủ, đồng thời khuyến khích các nước sản xuất tăng tính bền vững của hệ thống sản xuất nông nghiệp và giảm nạn phá rừng sự va chạm. Điều này sẽ giúp làm cho chuỗi cung ứng trở nên minh bạch và bền vững hơn. Hệ thống định chuẩn phải dựa trên hệ thống ba bậc để phân loại các Quốc gia như rủi ro thấp, tiêu chuẩn hoặc cao. Để đảm bảo tính minh bạch phù hợp và rõ ràng, Ủy ban đặc biệt nên cung cấp công khai dữ liệu được sử dụng để so sánh chuẩn, lý do đề xuất thay đổi phân loại và câu trả lời của quốc gia liên quan. Đối với sản phẩm có liên quan từ rủi ro thấp các quốc gia hoặc các bộ phận của các nhà nhập khẩu nên được phép thực hiện đơn giản hóa do siêng năng. Đối với các sản phẩm có liên quan từ các quốc gia có rủi ro cao hoặc các bộ phận có thẩm quyền yêu cầu các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra. Ủy ban nên được trao quyền thông qua các hành vi thực hiện để thiết lập danh sách các quốc gia hoặc bộ phận của chúng có rủi ro thấp hoặc cao.
- (69) Ủy ban nên hợp tác với các quốc gia được phân loại hoặc có thể được phân loại là rủi ro cao và với các bên liên quan có liên quan ở các quốc gia đó, để làm việc theo hướng giảm cấp độ rủi ro.
- (70) Các cơ quan có thẩm quyền nên tiến hành kiểm tra định kỳ đối với người nhập khẩu và thương nhân để xác minh rằng họ thực hiện hiệu quả các nghĩa vụ được quy định trong này Quy định. Hơn nữa, các cơ quan chức năng nên thực hiện các kiểm tra dựa trên thông tin liên quan mà họ có trong tay, bao gồm các mối quan tâm được chứng thực được nộp bởi bên thứ ba. Các cơ quan chức năng nên sử dụng một phương pháp dựa trên rủi ro để xác định các kiểm tra cần thực hiện. Đối với các sản phẩm liên quan từ các quốc gia hoặc khu vực được phân loại là rủi ro cao, các nhà nhập khẩu và nhà giao dịch tương ứng và khối lượng của họ trong số các mặt hàng và sản phẩm liên quan, một phương pháp hai lớp cung cấp đầy đủ phạm vi nên được áp dụng. Do đó,

các cơ quan chức năng nên được yêu cầu kiểm tra trên một tỷ lệ nhất định của các nhà nhập khẩu và nhà giao dịch, đồng thời bao phủ một tỷ lệ nhất định của các sản phẩm liên quan. Đối với các sản phẩm liên quan từ các quốc gia hoặc khu vực được phân loại là rủi ro thấp hoặc tiêu chuẩn, các cơ quan chức năng nên được yêu cầu kiểm tra ít nhất một tỷ lệ nhất định của các nhà nhập khẩu và nhà giao dịch. Mức độ kiểm tra nên được cao hơn cho các sản phẩm liên quan từ các quốc gia hoặc khu vực có rủi ro cao trong khi nó có thể thấp hơn cho các quốc gia hoặc khu vực có rủi ro tiêu chuẩn hoặc thấp. Trong việc xem xét Nghị định này, Ủy ban nên đánh giá và xác định các mục tiêu định lượng cho các kiểm tra hàng năm được thực hiện bởi các cơ quan chức năng là phù hợp để đảm bảo thực thi Nghị định này và một phương pháp tiếp cận được điều chỉnh trên toàn Liên minh châu Âu.

- (71) Việc kiểm tra các nhà nhập khẩu và thương nhân được thực hiện bởi các cơ quan có thẩm quyền nên bao gồm các hệ thống thẩm định và sự tuân thủ của các sản phẩm có liên quan với Quy định này. Việc kiểm tra phải dựa trên kế hoạch dựa trên rủi ro có chứa các tiêu chí về rủi ro để cho phép các cơ quan có thẩm quyền thực hiện phân tích rủi ro của các báo cáo chuyên sâu được gửi bởi các nhà nhập khẩu và thương nhân. Các tiêu chí rủi ro nên tính đến rủi ro về phá rừng liên quan đến các mặt hàng liên quan ở đất nước sản xuất, lịch sử không tuân thủ của nhà nhập khẩu và nhà giao dịch với các nghĩa vụ của Nghị định này và bất kỳ thông tin liên quan nào khác có sẵn cho các cơ quan chức năng. Phân tích rủi ro của tuyên bố tôn trọng sự cẩn trọng nên cho phép các cơ quan chức năng xác định các nhà nhập khẩu, nhà giao dịch và sản phẩm liên quan cần được kiểm tra. Phân tích rủi ro đó nên được thực hiện bằng các kỹ thuật xử lý dữ liệu điện tử trong hệ thống thông tin qua đó các tuyên bố tôn trọng sự cẩn trọng được nộp. Khi cần thiết và kỹ thuật khả thi, các cơ quan có thẩm quyền, sau khi tham khảo và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của các quốc gia thứ ba, cũng nên có khả năng thực hiện các kiểm tra tại hiện trường.
- (72) Trong trường hợp phân tích rủi ro của tờ khai thẩm định cho thấy rủi ro cao về không tuân thủ các quy định cụ thể về sản phẩm có liên quan, các cơ quan có thẩm quyền nên được có thể thực hiện các biện pháp tạm thời ngay lập tức để ngăn chặn việc đặt hoặc cung cấp trên thị trường hoặc xuất khẩu các sản phẩm đó. Trong những trường hợp có liên quan như vậy với các sản phẩm đang nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường, các cơ quan có thẩm quyền nên yêu cầu từ cơ quan hải quan đình chỉ phát hành để lưu thông tự do hoặc xuất khẩu, để các cơ quan có thẩm quyền có thể thực hiện các kiểm tra cần thiết. Như là các yêu cầu phải được thông báo bằng hệ thống

giao diện giữa hải quan chức năng và các cơ quan có thẩm quyền. Việc đình chỉ việc đặt hoặc thực hiện có sẵn trên thị trường, việc phát hành để lưu thông tự do hoặc xuất khẩu phải được giới hạn trong ba ngày làm việc , hoặc 72 giờ trong trường hợp liên quan đến hàng sản phẩm, trừ trường hợp các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu thêm vào thời gian để đánh giá sự tuân thủ của các hàng hóa liên quan và các sản phẩm liên quan với tiêu chuẩn này Quy định. Trong những trường hợp như vậy, các cơ quan có thẩm quyền nên có biện pháp tạm thời bổ sung các biện pháp để kéo dài thời gian đình chỉ hoặc, trong trường hợp sản phẩm có liên quan nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường, cần yêu cầu kéo dài thời gian từ các cơ quan hải quan.

- (73) Các cơ quan có thẩm quyền cần thường xuyên cập nhật kế hoạch kiểm tra trên cơ sở về kết quả thực hiện các cuộc kiểm tra đó. Những toán tử đó thể hiện sự nhất quán theo dõi hồ sơ tuân thủ có thể phải chịu kiểm tra ít thường xuyên hơn.
- (74) Để đảm bảo việc triển khai và thực thi có hiệu quả Quy định này, Các Quốc gia Thành viên nên có quyền thu hồi và thu hồi những sản phẩm không tuân thủ và thực hiện các hành động khắc phục thích hợp. Họ cũng nên đảm bảo rằng hành vi vi phạm Quy định này của các nhà nhập khẩu và thương nhân phải chịu hiệu lực, tương xứng và các hình phạt có tính răn đe.
- (75) Để nâng cao thẩm định của các nhà nhập khẩu và thương nhân, Ủy ban nên công bố trên trang web của mình danh sách các phán quyết cuối cùng đối với các pháp nhân về hành vi vi phạm Quy định này và các hình phạt áp dụng đối với họ. Những thông tin này có thể giúp các cơ quan có thẩm quyền, các nhà nhập khẩu và thương nhân khác thực hiện đánh giá rủi ro của họ và nâng cao nhận thức của người tiêu dùng và dân sự xã hội như liên quan các nhà nhập khẩu và thương nhân vi phạm Quy định này.
- (76) Việc thực hiện Quy định này sẽ đòi hỏi phải có đủ nguồn lực và khả năng. Trong bối cảnh đó, bên cạnh các nguồn lực quốc gia, các Quốc gia Thành viên sử dụng nhiều nhất các cơ hội và khả năng hỗ trợ có sẵn ở cấp Liên minh và các phương tiện khác, bao gồm các quỹ gắn kết và năng lực- công cụ xây dựng, đặc biệt là trong bối cảnh Hỗ trợ kỹ thuật Công cụ, được thành lập theo Quy định (EU) 2021/240 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng¹⁴ 1 .
- (77) Liên quan đến tính chất quốc tế của nạn phá rừng và rừng xuống cấp và các vấn đề thương mại liên quan, các cơ quan có thẩm quyền nên hợp tác với nhau, với cơ quan

¹⁴ Quy định (EU) 2021/240 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng 10 Tháng 2 năm 2021 thiết lập Công cụ hỗ trợ kỹ thuật (OJ L 57, 18.2.2021, p.1).

hải quan của các Quốc gia Thành viên, với Ủy ban và với các cơ quan hành chính của nước thứ ba. Các cơ quan có thẩm quyền cũng nên phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền giám sát và thực thi các hành vi pháp lý khác của Liên minh đặt ra các yêu cầu thẩm định trong chuỗi giá trị với về tác động xấu đến nhân quyền hoặc môi trường.

- (78) Theo án lệ đã giải quyết của Tòa án Tư pháp Liên minh Châu Âu, trách nhiệm đảm bảo bảo vệ pháp lý của quyền của cá nhân theo luật Liên minh châu Âu thuộc về các tòa án của các quốc gia thành viên. Hơn nữa, Điều 19(1) của Hiệp định Liên minh châu Âu (TEU) yêu cầu các quốc gia thành viên cung cấp các biện pháp khắc phục đủ để đảm bảo bảo vệ pháp lý hiệu quả trong các lĩnh vực được bao phủ bởi luật Liên minh châu Âu. Về mặt này, các quốc gia thành viên nên đảm bảo rằng công chúng, bao gồm các cá nhân hoặc tổ chức pháp nhân nộp các mối quan tâm được chứng thực theo Nghị định này, có quyền truy cập vào công lý pháp đúng theo các nghĩa vụ mà các quốc gia thành viên đã đồng ý như là các bên tham gia Công ước của Ủy ban Kinh tế Liên Hợp Quốc cho Châu Âu (UNECE) về quyền truy cập thông tin, tham gia công khai trong quyết định và truy cập công lý trong các vấn đề môi trường ngày 25 tháng 6 năm 1998 (Công ước 'Aarhus').
- (79) Để đảm bảo rằng Nghị định này vẫn còn liên quan và phù hợp với các phát triển thương mại, khoa học và công nghệ, quyền ban hành các hành động theo Điều 290 của Hiệp định chế TFEU nên được ủy quyền cho Ủy ban đối với danh sách các mã CN của sản phẩm liên quan được nêu trong Phụ lục I của Nghị định này. Điều quan trọng là Ủy ban tiến hành các cuộc tham khảo thích hợp trong quá trình chuẩn bị của mình, bao gồm cả ở cấp chuyên gia, và các cuộc tham khảo đó được tiến hành theo các nguyên tắc được quy định trong Thỏa thuận Liên minh giữa các cơ quan ngày 13 tháng 4 năm 2016 về Luật Lập pháp tốt hơn¹⁵. Để đảm bảo sự tham gia bình đẳng trong việc chuẩn bị các hành động được ủy quyền, Quốc hội châu Âu và Hội đồng nhận được tất cả các tài liệu cùng lúc với các chuyên gia của các quốc gia thành viên, và các chuyên gia của họ đều có quyền truy cập thường xuyên vào các cuộc họp của các nhóm chuyên gia của Ủy ban đang xử lý các hành động được ủy quyền.
- (80) Quy định (EU) số 995/2010 nghiêm cấm việc đặt gỗ khai thác bất hợp pháp và sản phẩm gỗ trên thị trường Liên minh. Nó đặt ra nghĩa vụ cho các nhà nhập khẩu đặt gỗ trên thị trường lần đầu tiên để thực hiện thẩm định và để thương nhân giữ một hồ sơ

¹⁵ giờ L 123, 12.5.2016, tr. 1.

có thể theo dõi của các nhà cung cấp và khách hàng của họ. Quy định này nên duy trì nghĩa vụ đảm bảo tính hợp pháp của các sản phẩm liên quan, bao gồm cả gỗ và các sản phẩm từ gỗ, có mặt trên thị trường và nên bổ sung nghĩa vụ bắt buộc với yêu cầu về tính bền. Quy định (EU) số 995/2010 và các quy định liên quan Quy định Thực hiện của Ủy ban (EU) Số 607/2012¹⁶ do đó được kết xuất thừa bởi Quy định này và cần được bãi bỏ. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ như định nghĩa tại Điều 2, điểm (a), của Quy định (EU) số 995/2010 là tương đương gỗ và các sản phẩm gỗ được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định này và bao gồm hoặc có được làm bằng gỗ.

- (81) Quy định (EC) số 2173/2005 thiết lập việc thực thi luật lâm nghiệp, Quản trị và Chương trình cấp phép Thương mại (FLEGT) đối với gỗ nhập khẩu vào Liên minh. Các Cơ chế cấp phép được thực hiện thông qua thỏa thuận hợp tác tự nguyện (VPA) với các nước sản xuất gỗ, nhằm ngăn chặn khai thác gỗ bất hợp pháp và tăng cường quản trị rừng và thương mại liên quan. Quy định này nên được xây dựng trên cơ sở những kết quả tích cực đạt được theo FLEGT, đặc biệt là về tăng cường sự tham gia của các bên liên quan và cải thiện quản trị rừng. Trong những trường hợp cụ thể, VPA có thể bổ sung cho Quy định này về tính hợp pháp của gỗ sản phẩm. Tôn trọng các cam kết song phương đang thực hiện và để duy trì tiến độ đạt được với các quốc gia đối tác có hệ thống vận hành (FLEGT giai đoạn cấp phép) và công việc, nếu có liên quan và đã được thống nhất, với các đối tác VPA hiện tại đối với họ đạt đến giai đoạn đó, Quy định này nên bao gồm một điều khoản tuyên bố rằng gỗ và sản phẩm gỗ được cấp phép FLEGT hợp lệ được coi là tuân thủ yêu cầu về tính hợp pháp của Quy định (EC) Số 2173/2005.
- (82) Trong khi Quy định này giải quyết nạn phá rừng và suy thoái rừng, như dự kiến trong thông tin liên lạc về Đẩy mạnh hành động của EU để bảo vệ và khôi phục thế giới rừng, bảo vệ rừng không được dẫn đến việc chuyển đổi hoặc làm suy thoái các loại rừng khác các hệ sinh thái tự nhiên. Các hệ sinh thái, bao gồm cả các hệ sinh thái được quản lý, chẳng hạn như đầm lầy, đồng cỏ và đất ngập nước, rất quan trọng đối với nỗ lực chung của toàn cầu để chống lại biến đổi khí hậu và khủng hoảng đa dạng sinh học, cũng như các Mục tiêu Phát triển Bền vững khác và việc chuyển đổi hoặc suy thoái của chúng đòi hỏi hành động khẩn cấp đặc biệt và cần được ngăn chặn. Xét về mức độ ảnh hưởng của Liên minh đến các hệ sinh thái tự nhiên khác ngoài rừng,

¹⁶ Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) số 607/2012 ngày 6 tháng 7 năm 2012 về các quy tắc chi tiết liên quan đến thẩm định hệ thống thẩm định cũng như tần suất và tính chất của các kiểm tra đối với các tổ chức giám sát theo quy định trong Quy định (EU) Không 995/2010 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu đặt ra các nghĩa vụ của các nhà khai thác đưa gỗ và sản phẩm gỗ ra thị trường (OJ L 177, 7.7.2012, tr. 16).

Ủy ban nên đánh giá và, nếu thích hợp, đưa ra đề xuất pháp lý về mở rộng phạm vi của Quy định này đối với các đất có rừng ở đất khác vào thời điểm trễ nhất là một năm sau ngày có hiệu lực của Quy định này. Hơn nữa, không muộn hơn hai năm sau ngày có hiệu lực, Ủy ban nên đánh giá và, nếu thích hợp, đưa ra đề xuất pháp lý về mở rộng phạm vi của Quy định này đối với các hệ sinh thái tự nhiên khác, bao gồm các đất khác có mật độ carbon cao và giá trị đa dạng sinh thái cao như đồng cỏ, đất ngập nước và đất phù sa. Các hệ sinh thái cũng đang chịu áp lực ngày càng lớn từ việc chuyển đổi và suy thoái do sản xuất hàng hóa cho thị trường Liên minh. Do đó, Ủy ban cũng nên đánh giá nhu cầu và khả năng mở rộng phạm vi sang các mặt hàng khác vào thời điểm trễ nhất là hai năm sau ngày có hiệu lực của Quy định này. Đồng thời, Ủy ban cũng nên tiến hành đánh giá lại danh sách các mã CN của các sản phẩm liên quan được nêu trong Phụ lục I của Quy định này.

- (83) Có tính đến yêu cầu của Nghị viện Châu Âu trong nghị quyết của mình 'Một khuôn khổ pháp lý của EU để ngăn chặn và đảo ngược nạn phá rừng toàn cầu do EU thúc đẩy' ngày 22 tháng 10 năm 2020 và được thực hiện bởi đại đa số trong số gần 1,2 triệu những người tham gia TRONG các hoa hồng công cộng tư vấn, các Nhiệm vụ nên tập trung của nó đánh giá và bất kỳ tương lai đề xuất lập pháp trên một mở rộng của các phạm vi của Quy định này đối với các hệ sinh thái không có rừng và sự chuyển đổi và suy thoái.
- (84) Trong trường hợp, vì mục đích của Quy định này, cần phải xử lý dữ liệu cá nhân, những dữ liệu đó sẽ được xử lý theo luật của Liên minh về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bất kỳ việc xử lý dữ liệu cá nhân nào theo Quy định này đều phải tuân theo Quy định (EU) 2016/679 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu¹⁷ Và Quy định (EU) 2018/1725 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng¹⁸, như áp dụng.
- (85) Vì mục tiêu của Quy định này là chống chặt phá rừng và bảo vệ rừng suy thoái bằng cách giảm sự đóng góp của tiêu dùng trong Liên minh, không thể đạt được đầy đủ bởi các quốc gia thành viên nhưng thay vào đó, có thể, do quy mô của nó, được thành tích tốt hơn tại Union cấp độ, các Liên minh có thể áp dụng các biện pháp phù hợp với nguyên tắc hỗ trợ như quy định tại Điều 5 của TEU. Theo quy định nguyên tắc tương

¹⁷ Quy định (EU) 2016/679 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 27 tháng 4 năm 2016 về bảo vệ thể nhân liên quan đến việc xử lý dữ liệu cá nhân dữ liệu và về sự di chuyển tự do của dữ liệu đó và bãi bỏ Chỉ thị 95/46/EC (Tổng quan Bảo vệ dữ liệu Quy định) (OJ L 119, 4.5.2016, tr. 1).

¹⁸ Quy định (EU) 2018/1725 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng 23 tháng 10 năm 2018 về bảo vệ thể nhân liên quan đến việc xử lý dữ liệu cá nhân của các tổ chức, cơ quan, văn phòng và cơ quan của Liên minh và trên tự do di chuyển dữ liệu đó và bãi bỏ Quy định (EC) số 45/2001 và Phán quyết KHÔNG 1247/2002/EC (OJ L 295, 21.11.2018, P. 39).

xúng quy định tại Điều đó, Quy định này không đi vượt ra Gì là cần thiết để đạt được mục tiêu đó.

- (86) Các nhà nhập khẩu, thương nhân và các cơ quan có thẩm quyền nên được cung cấp một khoảng thời gian hợp lý trongđặt hàng để chuẩn bị cho mình để đáp ứng các các yêu cầu của Quy định này,

ĐÃ THÔNG QUA QUY ĐỊNH NÀY:

CHƯƠNG 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Chủ đề và phạm vi áp dụng

1. Quy định này đưa ra các quy tắc liên quan đến việc đặt và cung cấp trên Thị trường Liên minh cũng như xuất khẩu từ Liên minh các sản phẩm có liên quan, như được liệt kê trong Phụ lục I, có chứa, đã được cung cấp hoặc đã được tạo ra bằng cách sử dụng hàng hoá có liên quan, cụ thể là gia súc, ca cao, cà phê, dầu cọ, cao su, đậu nành và gỗ, với mục đích:
 - (a) giảm thiểu sự đóng góp của Liên minh vào nạn phá rừng và suy thoái rừng trên toàn thế giới, đóng góp phần làm giảm phá rừng;
 - (b) giảm đóng góp của Liên minh vào phát thải khí nhà kính và mất sự đa dạng sinh học toàn cầu.
2. Ngoại trừ quy định tại Điều 37(3), Quy định này không áp dụng cho các sản phẩm liệt kê trong Phụ lục I sản xuất trước ngày chỉ định trong Điều 38(1).

Điều 2

Các định nghĩa

Vì các mục đích của Quy định này, các định nghĩa sau đây áp dụng:

- (1) hàng hóa liên quan' có nghĩa là gia súc, ca cao, cà phê, cọ dầu, cao su, đậu nành và gỗ;
- (2) 'các sản phẩm có liên quan' có nghĩa là các sản phẩm được liệt kê trong Phụ lục I có chứa, đã được cung cấp với hoặc có được làm sử dụng hàng hóa có liên quan;
- (3) 'phá rừng' có nghĩa là việc chuyển đổi rừng sang mục đích sử dụng nông nghiệp, cho dù con người cảm ứng hay không;
- (4) 'rừng' có nghĩa là đất rộng hơn 0,5 ha với cây cao hơn 5 mét và độ che phủ của tán trên 10% hoặc cây có thể đạt đến các ngưỡng đó tại chỗ, không bao gồm đất chủ yếu được sử dụng cho mục đích nông nghiệp hoặc đô thị ;
- (5) 'sử dụng đất nông nghiệp' có nghĩa là việc sử dụng đất cho mục đích nông nghiệp, bao gồm cho các đồn điền nông nghiệp và các khu vực nông nghiệp dành riêng, và để nuôi gia súc;
- (6) 'đồn điền nông nghiệp' là đất có cây đứng trong hệ thống sản xuất nông nghiệp , chẳng hạn như đồn điền cây ăn quả, đồn điền cọ dầu, vườn ô liu và hệ thống nông lâm kết hợp trồng cây dưới tán cây; nó bao gồm tất cả trồng các mặt hàng liên quan trừ gỗ ; đồn điền nông nghiệp là loại trừ từ định nghĩa về 'rừng' ;
- (7) 'suy thoái rừng' có nghĩa là thay đổi cấu trúc đối với độ che phủ của rừng, ở dạng chuyển đổi của:
 - (a) rừng nguyên sinh hoặc rừng tái sinh tự nhiên thành rừng trồng hoặc thành đất có rừng khác; hoặc
 - (b) rừng nguyên sinh thành rừng trồng;
- (8) 'rừng nguyên sinh' là rừng tái sinh tự nhiên của các loài cây bản địa, nơi không có dấu

hiệu rõ ràng về các hoạt động của con người và môi trường sinh thái quy trình không đáng kể bị làm phiền;

- (9) 'rừng tái sinh tự nhiên' có nghĩa là rừng bao gồm chủ yếu là cây thành lập bởi vì tự nhiên sự tái tạo; Nó bao gồm bất kì của các tiếp theo:
- (a) rừng không phân biệt được rừng trồng hay rừng một cách tự nhiên tái sinh;
 - (b) rừng hỗn hợp các loài cây bản địa tái sinh tự nhiên và rừng trồng hoặc cây có hạt, và nơi cây tái sinh tự nhiên dự kiến sẽ cấu tạo các lớn lao một phần của tồn trữ đang phát triển đứng trưởng thành;
 - (c) đồng cỏ từ cây ban đầu thành lập bởi vì tự nhiên sự tái tạo;
 - (d) một cách tự nhiên tái sinh cây của giới thiệu giống loài;
- (10) 'rừng tái sinh' có nghĩa là rừng chủ yếu bao gồm các loại cây được thiết lập thông qua trồng và/hoặc gieo hạt có chủ ý, với điều kiện là cây được trồng hoặc gieo hạt phải dự kiến sẽ chiếm hơn 50% cổ phiếu đang tăng trưởng khi đáo hạn; nó bao gồm đồng cỏ từ cây mà đã từng ban đầu trồng hoặc gieo hạt;
- (11) 'rừng trồng' là rừng trồng được quản lý chặt chẽ và đáp ứng trồng và trưởng thành, tất cả các tiêu chí sau: một hoặc hai loài, đồng đều tuổi lớp và khoảng cách đều đặn; nó bao gồm các đồn điền luân canh ngắn để lấy gỗ, sợi và năng lượng, và không bao gồm rừng trồng để bảo vệ hoặc phục hồi hệ sinh thái, cũng như những khu rừng được thiết lập thông qua trồng hoặc gieo hạt, khi trưởng thành trông giống như hoặc sẽ giống rừng tái sinh tự nhiên;
- (12) 'đất có rừng khác' có nghĩa là đất không được phân loại là 'rừng' có diện tích lớn hơn 0,5 ha, với cây cao trên 5 mét và độ tàn che từ 5 % đến 10 %, hoặc cây có thể đạt đến các ngưỡng đó tại chỗ hoặc với sự che phủ kết hợp của cây bụi, bụi rậm và cây trên 10 %, không bao gồm đất chủ yếu là đất nông nghiệp hoặc đô thị sử dụng đất đai;
- (13) 'không phá rừng' có nghĩa:
- (a) rằng các sản phẩm có liên quan chứa, đã được cung cấp hoặc đã được thực hiện sử dụng, hàng hóa có liên quan đã được sản xuất trên đất chưa được chủ thể phá rừng sau ngày 31 tháng 12, 2020; Và

- (b) trong trường hợp các sản phẩm có liên quan có chứa hoặc đã được tạo ra bằng cách sử dụng gỗ, rằng gỗ đã được khai thác từ rừng mà không gây mất rừng sau ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- (14) 'được sản xuất' có nghĩa là được trồng, thu hoạch, thu được từ hoặc lớn lên trên các mảnh đất có liên quan của đất hoặc, liên quan đến gia súc, trên các cơ sở ;
- (15) 'nhà nhập khẩu' có nghĩa là bất cứ thể nhân hay pháp nhân nào thực hiện các hoạt động thương mại liên quan đến việc đưa các sản phẩm có liên quan ra thị trường hoặc xuất khẩu chúng;
- (16) 'Đưa ra thị trường' có nghĩa là lần đầu tiên cung cấp một hàng hóa hoặc liên quan sản phẩm trên Liên minh thị trường;
- (17) "thương nhân" có nghĩa là bất kỳ cá nhân nào trong chuỗi cung ứng ngoài nhà nhập khẩu, người trong quá trình hoạt động thương mại đưa sản phẩm liên quan ra thị trường;
- (18) 'cung cấp trên thị trường' có nghĩa là bất kỳ nguồn cung cấp sản phẩm có liên quan nào cho phân phối, tiêu thụ hoặc sử dụng trên thị trường Liên minh trong quá trình thương mại hoạt động, kể cả trong đối trả để thanh toán hoặc miễn phí;
- (19) 'trong quá trình hoạt động thương mại' có nghĩa là nhằm mục đích xử lý, để phân phối cho người tiêu dùng thương mại hoặc phi thương mại, hoặc để sử dụng trong việc kinh doanh của bản thân người điều hành hoặc thương nhân;
- (20) 'cá nhân' có nghĩa là một thể nhân, một pháp nhân hoặc bất kỳ hiệp hội người nào không phải là một pháp nhân, nhưng được công nhận theo luật pháp Liên minh hoặc quốc gia BÀNG đang có năng lực thực hiện pháp luật hành vi;
- (21) 'cá nhân có trụ sở tại Liên minh' có nghĩa:
- (a) đối với một cá nhân tự nhiên, bất kỳ người nào có nơi cư trú tại Liên minh;
- (b) đối với một tổ chức pháp nhân hoặc một hiệp hội của các cá nhân, bất kỳ người nào có trụ sở đăng ký, trụ sở trung tâm hoặc một địa điểm kinh doanh cố định tại Liên minh;
- (22) 'đại diện được ủy quyền' có nghĩa bất kỳ tự nhiên hoặc pháp nhân thành lập tại các Liên minh , theo Điều 6, đã nhận được ủy quyền bằng văn bản từ một nhà nhập khẩu hoặc từ một thương nhân để hành động thay mặt cho nó liên quan đến các nhiệm vụ được chỉ định liên quan đến ĐẾN các của nhà nhập khẩu hoặc của nghĩa vụ của thương nhân

theo Quy định này;

- (23) 'nước xuất xứ' có nghĩa là một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ như được đề cập trong Điều 60 của Quy định (EU) Không 952/2013;
- (24) 'quốc gia sản xuất' có nghĩa là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa liên quan hoặc hàng hóa liên quan được sử dụng để sản xuất hoặc chứa trong một sản phẩm liên quan sản phẩm đã từng là sản xuất;
- (25) 'sản phẩm không tuân thủ' có nghĩa là có liên quan Sản phẩm không tuân thủ Điều khoản 3 ;
- (26) 'rủi ro không đáng kể' có nghĩa là mức độ rủi ro áp dụng cho hàng hóa và các sản phẩm có liên quan, trong đó, trên cơ sở đánh giá đầy đủ về sản phẩm cụ thể và thông tin chung , và, khi cần thiết, về việc áp dụng các biện pháp thích hợp biện pháp giảm thiểu, những hàng hóa hoặc sản phẩm đó không gây lo ngại vì hiện tại không phù hợp với Điều 3, điểm (a) hoặc (b);
- (27) 'lô đất' có nghĩa là đất trong một tài sản bất động sản duy nhất, được công nhận bởi pháp luật của nước sản xuất, nơi có đủ các điều kiện đồng nhất cho phép đánh giá mức độ tổng hợp của rủi ro mất rừng và rừng suy thoái liên quan đến hàng hóa có liên quan sản xuất trên mảnh đất đó;
- (28) 'vị trí địa lý' có nghĩa là vị trí địa lý của một lô đất được mô tả bằng tọa độ vĩ độ và kinh độ tương ứng với ít nhất một vĩ độ và một điểm kinh độ và sử dụng ít nhất sáu chữ số thập phân; đối với các mảnh đất có diện tích hơn bốn hecta được sử dụng để sản xuất các mặt hàng hàng hóa liên quan khác ngoài gia súc, điều này sẽ được cung cấp bằng các đa giác có đủ điểm vĩ độ và kinh độ để mô tả chu vi của mỗi mảnh đất ;
- (29) 'địa điểm kinh doanh' ó nghĩa là bất kỳ khu vực, cấu trúc hoặc, trong trường hợp chăn nuôi ngoài trời, bất kỳ môi trường hoặc địa điểm nào, nơi gia súc được nuôi dưỡng, tạm thời hoặc lâu dài;
- (30) 'doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa' hay 'SME' có nghĩa là siêu nhỏ, nhỏ và doanh nghiệp quy mô vừa như được định nghĩa trong Điều 3 của Chỉ thị 2013/34/EU của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu¹ 1 ;
- (31) 'mối quan ngại có căn cứ' có nghĩa là một khiếu nại hợp lý hợp lý dựa trên mục tiêu và

¹ Chỉ thị 2013/34/EU của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 26 tháng 6 2013 trên báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính hợp nhất và các báo cáo liên quan của một số loại hình doanh nghiệp, sửa đổi Chỉ thị 2006/43/EC của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng và bãi bỏ các Chỉ thị của Hội đồng 78/660/EEC và 83/349/EEC (OJ L 182, 29.6.2013, tr. 19).

thông tin có thể kiểm chứng về việc không tuân thủ Quy định này và có thể yêu cầu sự can thiệp của cơ quan có thẩm quyền;

- (32) 'có thẩm quyền chính quyền' có nghĩa các chính quyền chỉ định theo Điều 14(1);
- (33) 'cơ quan hải quan' là cơ quan hải quan theo định nghĩa tại Điều 5, điểm (1), của Quy định (EU) số 952/2013;
- (34) 'lãnh thổ hải quan' có nghĩa là lãnh thổ như được định nghĩa trong Điều 4 của Quy định (EU) số 952/2013;
- (35) 'nước thứ ba' có nghĩa là một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ bên ngoài lãnh thổ hải quan của Liên minh;
- (36) 'phát hành cho lưu thông tự do' có nghĩa là thủ tục quy định tại Điều 201 của Quy định (EU) số 952/2013;
- (37) 'xuất khẩu' có nghĩa là thủ tục quy định tại Điều 269 của Quy định (EU) số 952/2013;
- (38) 'sản phẩm có liên quan tham gia thị trường' có nghĩa là các sản phẩm liên quan từ các nước thứ ba được đưa vào thủ tục hải quan "phát hành cho lưu thông tự do" nhằm đưa vào thị trường Liên minh và không dành cho sử dụng hoặc tiêu thụ cá nhân trong lãnh thổ hải quan của Liên minh;
- (39) 'sản phẩm có liên quan xuất khẩu từ thị trường' có nghĩa là 'sản phẩm có liên quan được đặt dưới thủ tục hải quan 'xuất khẩu';
- (40) 'luật pháp có liên quan của quốc gia sản xuất' có nghĩa là các **luật** áp dụng trong quốc gia sản xuất liên quan đến tình trạng pháp lý của khu vực sản xuất về:
 - (a) đất quyền sử dụng;
 - (b) thuộc về môi trường sự bảo vệ;
 - (c) Các quy tắc liên quan đến rừng, bao gồm quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, liên quan trực tiếp đến việc khai thác gỗ;
 - (d) quyền của các bên thứ ba;
 - (e) nhân công quyền;
 - (f) quyền con người được bảo vệ dưới pháp luật quốc tế;
 - (g) Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông

tin (FPIC), bao gồm như được quy định trong Tuyên bố Liên Hợp Quốc về Quyền của Những Dân tộc Bản địa;

- (h) Thuế, chống tham nhũng, buôn bán và phong tục tập quán

Điều 3

Cấm

Liên quan hàng hóa và các sản phẩm liên quan nên không là đặt hoặc làm ra có sẵn TRÊN các thị trường hoặc xuất khẩu , trừ khi tất cả các điều kiện sau đây được đáp ứng:

- (a) chúng là không phá rừng;
- (b) chúng đã được sản xuất phù hợp với pháp luật có liên quan của quốc gia sản xuất; và
- (c) chúng được bảo đảm bởi một tuyên bố giải trình trách nhiệm.

CHƯƠNG 2

NGHĨA VỤ CỦA NHÀ NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG NHÂN

Điều 4

Nghĩa vụ của nhà nhập khẩu

1. Nhà nhập khẩu phải thực hiện thẩm định (thẩm định) phù hợp với Điều 8 trước khi đưa sản phẩm liên quan trên thị trường hoặc xuất khẩu chúng để chứng minh rằng sản phẩm liên quan tuân thủ Điều 3.
2. Các nhà nhập khẩu không được đưa các sản phẩm có liên quan ra thị trường hoặc xuất khẩu chúng mà không có trước khi nộp một tờ khai thẩm định. Các nhà nhập khẩu, trên cơ sở thẩm định theo Điều 8, kết luận các sản phẩm liên quan phải tuân thủ Điều 3, trước khi đưa các sản phẩm có liên quan lên thị trường hoặc xuất khẩu chúng, hãy cung cấp một tờ khai thẩm định cho cơ quan chức năng có thẩm quyền thông qua hệ thống thông tin nêu tại Điều 33. Như vậy tờ khai thẩm định chi tiết có sẵn và có thể truyền qua điện tử sẽ bao gồm thông tin nêu trong Phụ lục II cho các sản phẩm và tuyên bố của nhà nhập khẩu thực hiện thẩm định và rằng không có hoặc chỉ là không đáng kể rủi ro đã từng là thành lập.
3. Bằng cách cung cấp tờ khai thẩm định cho các cơ quan có thẩm quyền, nhà nhập khẩu phải chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định liên quan sản phẩm với Điều 3. Nhà nhập khẩu phải lưu giữ hồ sơ về các tờ khai thẩm định trong năm năm kể từ ngày sao kê được gửi qua hệ thống thông tin giới thiệu đến trong Điều 33.
4. Các nhà nhập khẩu không được lưu thông sản phẩm có liên quan trên thị trường hoặc xuất khẩu chúng ở một hoặc nhiều hơn áp dụng trong các trường hợp sau:
 - (a) các sản phẩm liên quan là không tuân thủ;
 - (b) việc thực hiện thẩm định đã cho thấy một rủi ro không đáng kể mà các sản phẩm liên quan không tuân thủ;
 - (c) nhà nhập khẩu đã không thể thực hiện các nghĩa vụ được đề cập trong khoản 1 và 2.
5. Các nhà nhập khẩu có được hoặc được biết về thông tin mới có liên quan, bao gồm mối lo ngại có căn cứ, chỉ ra rằng sản phẩm có liên quan mà họ đã đưa ra thị trường có nguy cơ không tuân thủ Quy định này phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền của

các quốc gia thành viên đặt các sản phẩm có liên quan trên thị trường cũng như với thương nhân mà họ đã cung cấp sản phẩm có liên quan. Trong trường hợp xuất khẩu, các nhà nhập khẩu phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về các Quốc gia Thành viên là nước sản xuất.

6. Các nhà nhập khẩu sẽ cung cấp tất cả các hỗ trợ cần thiết cho các cơ quan có thẩm quyền để tạo điều kiện thuận lợi việc thực hiện kiểm tra theo Điều 18, bao gồm cả việc tiếp cận cơ sở và làm có sẵn của tài liệu và hồ sơ.
7. Người nhập khẩu sẽ liên lạc với người nhập khẩu khác và thương nhân ở hạ nguồn chuỗi cung của các sản phẩm có liên quan mà họ đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu tất cả thông tin cần thiết để chứng minh rằng thẩm định đã được thực hiện và không hoặc chỉ có một rủi ro không đáng kể được tìm thấy, bao gồm cả các số tham chiếu đến tuyên bố thẩm định liên quan đến các sản phẩm đó.
8. Theo quy định của Khoản 1 nêu trên, các nhà nhập khẩu là SME không yêu cầu thực hiện sự cân trọng đối với các sản phẩm liên quan chứa hoặc được làm từ các sản phẩm liên quan đã được thực hiện sự cân trọng theo Khoản 1 của Điều này và đã có tuyên bố cân trọng được nộp theo Điều 33. Trong trường hợp này, các nhà nhập khẩu SME sẽ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền mã số tham chiếu của tuyên bố cân trọng khi được yêu cầu. Tuy nhiên, đối với các bộ phận của sản phẩm liên quan chưa được thực hiện sự cân trọng, các nhà nhập khẩu SME sẽ thực hiện sự cân trọng theo Khoản 1 của Điều này
9. Các nhà nhập khẩu không phải là SME ('nhà nhập khẩu không phải là SME') có thể đề cập đến thẩm định các tuyên bố đã được đệ trình chỉ theo Điều 33 sau khi đã xác định chắc chắn rằng thẩm định liên quan đến các sản phẩm có liên quan chứa trong hoặc làm từ các sản phẩm có liên quan đã được thực hiện phù hợp với khoản 1 Điều này. Chúng sẽ bao gồm các số tham chiếu của tờ khai thẩm định đã được đệ trình theo Điều 33 trong tờ khai thẩm định mà họ đệ trình theo Khoản 2 của Điều này. Đối với các bộ phận của sản phẩm có liên quan chưa được thẩm định, các nhà nhập khẩu không phải là SME phải thực hiện thẩm định phù hợp với Khoản 1 Điều này.
10. Bất kỳ nhà nhập khẩu nào đề cập đến một tờ khai thẩm định đã được nộp theo quy định tại Điều 33 sẽ chịu trách nhiệm về sự tuân thủ của các sản phẩm có liên quan với Điều 3, bao gồm cả việc không có hoặc chỉ có rủi ro không đáng kể đã được tìm thấy, trước khi đưa các sản phẩm có liên quan đó ra thị trường hoặc xuất khẩu chúng.

Điều 5

Nghĩa vụ của thương nhân

1. Thương nhân không phải là SME ('thương nhân không phải SME') sẽ được coi là không phải nhà nhập khẩu SME và phải tuân theo các nghĩa vụ và quy định tại Điều 3, 4, 6, 8 đến 13, Điều 16(8) đến (11) và Điều 18 đối với hàng hóa và sản phẩm có liên quan mà họ làm có sẵn trên thị trường.
2. Thương nhân là doanh nghiệp vừa và nhỏ ('thương nhân SME') sẽ cung cấp các sản phẩm có liên quan trên thị trường nếu họ đang sở hữu thông tin được yêu cầu theo Khoản 3 .
3. Các thương nhân SME nên lưu giữ các thông tin sau đây về sản phẩm có liên quan mà họ dự định để đưa vào thị trường:
 - (a) tên, tên thương mại đã đăng ký hoặc nhãn hiệu thương mại đã đăng ký, địa chỉ gửi thư địa chỉ email và, nếu có, địa chỉ web của các nhà nhập khẩu hoặc thương nhân đã cung cấp các sản phẩm có liên quan cho họ , cũng như số tham chiếu của các tờ khai thẩm định liên quan đến những sản phẩm ;
 - (b) tên, tên thương mại đã đăng ký hoặc nhãn hiệu thương mại đã đăng ký, địa chỉ gửi thư, địa chỉ email và, nếu có, địa chỉ web của các nhà nhập khẩu hoặc thương nhân họ đã cung cấp sản phẩm liên quan.
4. Các thương nhân SME phải lưu giữ thông tin được đề cập trong Khoản 3 trong ít nhất năm năm kể từ ngày đưa sản phẩm vào thị trường và sẽ cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.
5. Các thương nhân SME có được hoặc được biết thông tin mới có liên quan, bao gồm quan ngại có căn cứ, chỉ ra rằng một sản phẩm có liên quan mà họ đã tạo ra có mặt trên thị trường có nguy cơ không tuân thủ Quy định này thì thông báo ngay cho các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên mà họ đặt sản phẩm có liên quan tại thị trường cũng như thương nhân mà họ cung cấp các sản phẩm có liên quan .
6. Thương nhân , dù có phải là SME hay không, sẽ cung cấp mọi hỗ trợ cần thiết cho cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kiểm tra theo Điều 18 và 19, bao gồm quyền tiếp cận cơ sở và cung cấp tài liệu và Hồ sơ.

Điều 6

Đại diện theo uỷ quyền

1. Người nhập khẩu hoặc thương nhân có thể uỷ quyền cho đại diện được uỷ quyền nộp các tài liệu đến hạn tờ khai thẩm định theo Điều 4(2) thay mặt cho họ. Trong những trường hợp như vậy, các nhà nhập khẩu hoặc thương nhân phải chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định liên quan sản phẩm với Điều 3.
2. Khi có yêu cầu, người đại diện được uỷ quyền phải cung cấp bản sao giấy uỷ quyền bằng ngôn ngữ chính thức của Liên minh cho các cơ quan có thẩm quyền và một bản sao bằng ngôn ngữ chính thức của Quốc gia Thành viên nơi tờ khai thẩm định được xử lý hoặc, nơi đó không phải là có thể, bằng tiếng Anh.
3. Một nhà nhập khẩu là cá nhân tự nhiên hoặc một doanh nghiệp nhỏ có thể uỷ quyền cho nhà nhập khẩu hoặc nhà buôn tiếp theo trong chuỗi cung ứng, không phải là cá nhân tự nhiên hoặc doanh nghiệp nhỏ, để hành động như một đại diện được uỷ quyền. Nhà nhập khẩu hoặc nhà buôn tiếp theo trong chuỗi cung ứng này sẽ không được đưa sản phẩm liên quan ra thị trường hoặc xuất khẩu chúng mà không có tuyên bố cần trọng được nộp theo Điều 4(2) thay mặt cho nhà nhập khẩu đó. Trong trường hợp này, nhà nhập khẩu là cá nhân tự nhiên hoặc doanh nghiệp nhỏ sẽ giữ lại trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định của Sản phẩm liên quan theo Điều 3, và sẽ truyền tải cho nhà nhập khẩu hoặc nhà buôn tiếp theo trong chuỗi cung ứng tất cả thông tin cần thiết để xác nhận rằng đã thực hiện sự cần trọng và không phát hiện ra rủi ro hoặc chỉ có rủi ro không đáng kể.

Điều 7

Lưu thông trên thị trường qua nhà nhập khẩu thành lập ở Quốc gia thứ ba

Khi một cá nhân tự nhiên hoặc một tổ chức pháp nhân có trụ sở ngoài Liên minh đưa ra các sản phẩm liên quan trên thị trường, cá nhân hoặc tổ chức pháp nhân đầu tiên có trụ sở tại Liên minh đưa sản phẩm liên quan đó ra thị trường sẽ được coi là một nhà nhập khẩu theo nghĩa của Quy định này.

Điều 8

Thẩm định

1. Trước khi đưa sản phẩm có liên quan ra thị trường hoặc xuất khẩu chúng, các nhà nhập khẩu sẽ thực hiện thẩm định đối với tất cả các vấn đề liên quan đến sản phẩm được cung cấp bởi mỗi nhà cung cấp cụ thể.
2. Các thẩm định nên bao gồm:
 - (a) việc thu thập thông tin, dữ liệu và tài liệu cần thiết để thực hiện các yêu cầu đặt ra tại Điều 9;
 - (b) các biện pháp đánh giá rủi ro như Được đề cập trong Điều 10;
 - (c) Các biện pháp giảm thiểu rủi ro như đã đề cập trong Điều 11.

Điều 9

Các yêu cầu về thông tin

1. Người nhập khẩu sẽ thu thập thông tin, tài liệu và dữ liệu chứng minh rằng các sản phẩm có liên quan tuân thủ Điều 3. Vì vậy, nhà nhập khẩu phải thu thập, sắp xếp và lưu giữ trong 5 năm kể từ ngày đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu các sản phẩm có liên quan các thông tin sau, kèm theo chứng cứ, liên quan đến từng sản phẩm có liên quan:
 - (a) mô tả chi tiết, bao gồm tên thương mại và loại sản phẩm liên quan cũng như, trong trường hợp các sản phẩm liên quan chứa hoặc được làm bằng gỗ, tên thông thường của loài và tên khoa học đầy đủ của chúng; mô tả sản phẩm sẽ bao gồm danh sách các hàng hóa liên quan hoặc các sản phẩm liên quan chứa trong đó hoặc được sử dụng để sản xuất các sản phẩm đó;
 - (b) số lượng sản phẩm có liên quan; cho các sản phẩm có liên quan được nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường, số lượng được biểu thị bằng kilôgam khối lượng tịnh và, nếu có thể, trong đơn vị bổ sung được nêu trong Phụ lục I của hội đồng Quy định (EEC) số 2658/87¹
 - (c) chống lại các chỉ ra Mã hệ thống hài hòa, hoặc, trong tất cả các trường hợp khác, số lượng được thể hiện bằng khối lượng tịnh hoặc, nếu áp dụng, khối lượng hoặc số lượng mặt hàng; bổ sung đơn vị được áp dụng khi nó được xác định một cách nhất quán cho tất cả các khả năng có thể các tiêu đề phụ theo mã Hệ thống hài hòa được đề cập trong tờ khai thẩm định;
 - (d) các quốc gia sản xuất và ở đâu có liên quan, các bộ phận của nó;
 - (e) vị trí địa lý của tất cả các mảnh đất nơi sản xuất các hàng hóa liên quan mà sản phẩm liên quan chứa hoặc được sản xuất từ đó, cũng như ngày hoặc khoảng thời gian sản xuất; trong trường hợp sản phẩm liên quan chứa hoặc được sản xuất từ các hàng hóa liên quan được sản xuất trên các mảnh đất khác nhau, vị trí địa lý của tất cả các mảnh đất khác nhau sẽ được bao gồm; bất kỳ phá rừng hoặc suy thoái rừng trên các mảnh đất đã được chỉ định sẽ tự động loại bỏ tất cả các hàng hoá liên quan và các sản phẩm liên quan từ những mảnh đất đó khỏi việc đưa vào thị trường hoặc xuất khẩu; đối với các

¹ Quy định của Hội đồng (EEC) số 2658/87 ngày 23 tháng 7 năm 1987 về thuế quan và thống kê danh pháp Và trên phong tục chung Thuế quan (OJ L256 7.9.1987, tr. 1).

sản phẩm liên quan chứa hoặc được sản xuất từ gia súc, và đối với các sản phẩm liên quan đó đã được cho ăn bằng các sản phẩm liên quan khác, vị trí địa lý sẽ liên quan đến tất cả các cơ sở nơi gia súc được giữ; đối với tất cả các sản phẩm liên quan khác của Phụ lục I, vị trí địa lý sẽ liên quan đến các mảnh đất;

- (f) tên, địa chỉ bưu chính và địa chỉ email của bất kỳ từ doanh nghiệp hoặc người nào mà chúng có được cung cấp với các sản phẩm có liên quan;
- (g) tên, địa chỉ bưu chính và địa chỉ email của bất kỳ doanh nghiệp, nhà nhập khẩu hoặc thương nhân mà sản phẩm có liên quan được cung cấp;
- (h) đầy đủ kết luận và có thể kiểm chứng thông tin mà các sản phẩm có liên quan không gây phá rừng;
- (i) đầy đủ có tính kết luận và có thể kiểm chứng được rằng các bên liên quan hàng hóa đã được sản xuất phù hợp với pháp luật có liên quan của nước sản xuất, bao gồm bất kỳ thỏa thuận nào trao quyền sử dụng khu vực tương ứng cho các mục đích sản xuất của các sản phẩm hàng hoá có liên quan .

2. nhà nhập khẩu phải cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu thông tin, tài liệu và số liệu thu thập được theo Điều này.

Điều 10

Đánh giá rủi ro

1. Người nhập khẩu phải xác minh và phân tích thông tin được thu thập theo Điều 9 và bất kỳ tài liệu liên quan nào khác. Trên cơ sở thông tin đó và tài liệu, các nhà nhập khẩu sẽ tiến hành đánh giá rủi ro để xác định liệu có một rủi ro mà các sản phẩm có liên quan dự định đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu không tuân thủ. Người nhập khẩu không được đặt các thông tin sản phẩm trên tiếp thị hoặc xuất khẩu chúng, trừ khi việc đánh giá rủi ro cho thấy không có hoặc chỉ có không đáng kể rủi ro rằng liên quan sản phẩm là không tuân thủ.
2. Các rủi ro được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau đây:
 - (a) phân bổ rủi ro cho quốc gia sản xuất liên quan hoặc các nơi thuộc quốc gia đó theo Điều 29;
 - (b) các sự hiện diện của rừng bên trong quốc gia của sản xuất hoặc các nơi thuộc quốc gia đó;
 - (c) sự hiện diện của người dân bản địa tại quốc gia sản xuất hoặc các các nơi thuộc quốc gia đó;
 - (d) tham vấn và hợp tác thiện chí với người dân bản địa trong quốc gia sản xuất hoặc các các nơi thuộc quốc gia đó;
 - (e) sự tồn tại của các yếu sách hợp lý hợp lý của người dân bản địa dựa trên thông tin khách quan và có thể kiểm chứng về việc sử dụng hoặc quyền sở hữu của khu vực đã sử dụng vì mục đích của sản xuất hàng hoá có liên quan;
 - (f) tỷ lệ mất rừng hoặc suy thoái rừng ở quốc gia sản xuất hoặc các nơi thuộc quốc gia đó;
 - (g) nguồn, độ tin cậy, tính hợp lệ và liên kết đến các tài liệu có sẵn khác của các thông tin được đề cập trong Điều 9(1);
 - (h) mối quan tâm liên quan đến quốc gia sản xuất và xuất xứ hoặc các nơi thuộc quốc gia đó, chẳng hạn như mức độ tham nhũng, tỷ lệ làm giả tài liệu và dữ liệu, thiếu thực thi pháp luật, vi phạm nhân quyền quốc tế, xung đột vũ trang hoặc sự hiện diện của các biện pháp trừng phạt do Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hoặc Hội đồng của Liên minh Châu Âu;

- (i) Độ phức tạp của chuỗi cung ứng liên quan và giai đoạn xử lý của các sản phẩm liên quan, đặc biệt là khó khăn trong việc kết nối các sản phẩm liên quan với mảnh đất nơi các hàng hoá liên quan được sản xuất;
 - (j) nguy cơ vi phạm Quy định này hoặc trộn lẫn với các sản phẩm có liên quan sản phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ hoặc được sản xuất tại nơi mất rừng hoặc suy thoái rừng đã xảy ra hoặc đang xảy ra;
 - (k) kết luận của các cuộc họp của các nhóm chuyên gia của Ủy ban hỗ trợ việc thực thi Quy định này, như đã được công bố trong đăng ký nhóm chuyên gia của Ủy ban;
 - (l) quan ngại được chứng minh được đệ trình theo Điều 31 và thông tin về lịch sử vi phạm của các nhà nhập khẩu hoặc thương nhân dọc theo các chuỗi cung ứng liên quan với Quy định này ;
 - (m) bất kỳ thông tin nào cho thấy có nguy cơ sản phẩm liên quan không tuân thủ;
 - (n) thông tin bổ sung về việc tuân thủ Quy định này, có thể bao gồm thông tin được cung cấp bởi chứng nhận hoặc xác minh của bên thứ ba khác các chương trình, bao gồm các chương trình tự nguyện được Ủy ban công nhận theo Điều 30(5) của Chỉ thị (EU) 2018/2001 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng¹ , với điều kiện thông tin đáp ứng yêu cầu đặt ra ngoài tại Điều 9 của Quy định này.
3. Các sản phẩm gỗ thuộc phạm vi của Quy định (EC) số 2173/2005 mà được bảo đảm bởi giấy phép FLEGT hợp lệ từ một cơ chế cấp phép hoạt động sẽ được coi là thực hiện theo Điều 3, điểm (b), điều này Quy định.
4. Người nhập khẩu phải ghi lại và xem xét các đánh giá rủi ro ít nhất trên một hàng năm và cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. Người nhập khẩu phải có khả năng chứng minh thông tin thu thập được đã được kiểm tra như thế nào so với các tiêu chí đánh giá rủi ro được nêu tại khoản 2 và cách xác định mức độ rủi ro.

¹ Chỉ thị (EU) 2018/2001 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng 11 tháng 12 năm 2018 về việc thúc đẩy sử dụng năng lượng từ các nguồn tái tạo (OJ L328 21.12.2018, tr. 82).

Điều 11

Giảm thiểu rủi ro

1. Trừ khi việc đánh giá rủi ro được thực hiện theo Điều 10 cho thấy rằng không có hoặc chỉ có một rủi ro không đáng kể rằng sản phẩm liên quan không tuân thủ, nhà điều hành sẽ, trước khi đưa sản phẩm liên quan ra thị trường hoặc xuất khẩu chúng, áp dụng các quy trình và biện pháp giảm thiểu rủi ro đủ để đạt được rủi ro không hoặc chỉ có rủi ro không đáng kể. Các quy trình và biện pháp này có thể bao gồm bất kỳ điều sau đây:

(a) yêu cầu thêm vào thông tin, dữ liệu hoặc các tài liệu;

(b) thuê ngoài khảo sát hoặc kiểm toán độc lập ;

(c) thực hiện các biện pháp khác liên quan đến yêu cầu thông tin quy định tại Điều 9.

Các thủ tục và biện pháp như vậy cũng có thể bao gồm việc hỗ trợ tuân thủ quy định này. Quy định của các nhà cung cấp của nhà nhập khẩu đó, đặc biệt là các hộ sản xuất nhỏ, thông qua nâng cao năng lực và đầu tư.

2. Các nhà nhập khẩu phải có các chính sách, biện pháp kiểm soát và các thủ tục nhằm giảm thiểu và quản lý hiệu quả các rủi ro do không tuân thủ các sản phẩm có liên quan xác định. Những chính sách, định hướng và thủ tục nên bao gồm:

(a) mô hình thực hành quản lý rủi ro, báo cáo, lưu trữ hồ sơ, kiểm soát nội bộ và quản lý tuân thủ, bao gồm cả việc bổ nhiệm một cán bộ tuân thủ ở cấp quản lý cho nhà nhập khẩu không phải SME ;

(b) một chức năng kiểm toán độc lập để kiểm tra các chính sách nội bộ, kiểm soát và thủ tục nêu tại điểm (a) cho tất cả các nhà nhập khẩu không phải là SME.

3. Các quyết định về thủ tục và biện pháp giảm thiểu rủi ro phải được lập thành văn bản, được xem xét ít nhất trên cơ sở hàng năm và được các nhà nhập khẩu cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu. Các nhà nhập khẩu sẽ có thể chứng minh làm thế nào quyết định thủ tục và biện pháp giảm nhẹ rủi ro đã được thực hiện.

Điều 12

Thiết lập và duy trì hệ thống thẩm định, quy trình báo cáo và ghi nhận

1. Để thực hiện thẩm định phù hợp với Điều 8, các nhà nhập khẩu phải thiết lập và cập nhật khuôn khổ các thủ tục và biện pháp để đảm bảo rằng các sản phẩm liên quan mà họ đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu tuân thủ Điều 3 ('hệ thống thẩm định').
2. Các nhà nhập khẩu sẽ xem xét hệ thống thẩm định ít nhất một năm một lần. Khi các nhà nhập khẩu biết về những phát triển mới có thể ảnh hưởng đến hệ thống thẩm định, họ phải cập nhật hệ thống thẩm định để tính đến các phát triển đó. Người nhập khẩu phải lưu giữ hồ sơ về các cập nhật đó trong quá trình hệ thống thẩm định của họ trong năm năm
3. Các nhà nhập khẩu không thuộc danh mục doanh nghiệp vừa và nhỏ, bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, hoặc thể nhân, trên cơ sở hàng năm, báo cáo công khai như rộng rãi nhất có thể, kể cả qua internet, trên hệ thống thẩm định của họ, bao gồm cả các bước mà họ thực hiện để thực hiện các nghĩa vụ của mình như quy định tại Điều 8. Các nhà nhập khẩu cũng nằm trong phạm vi của các hành vi pháp lý khác của Liên minh quy định các yêu cầu liên quan đến thẩm định chuỗi giá trị có thể đáp ứng báo cáo của họ nghĩa vụ theo đoạn này bằng cách bao gồm các thông tin cần thiết khi Báo cáo trong bối cảnh của những Liên minh khác hành vi hợp pháp.
4. Không ảnh hưởng đến pháp luật bảo vệ dữ liệu của Liên minh, báo cáo như được đề cập trong khoản 3 sẽ bao gồm các thông tin sau đây liên quan đến các hàng hoá và sản phẩm liên quan:
 - (a) một bản tóm tắt các thông tin được đề cập trong Điều 9(1), điểm (a), (b) và (c);
 - (b) kết luận đánh giá rủi ro được thực hiện theo Điều 10 và các biện pháp được thực hiện theo Điều 11 và mô tả thông tin và bằng chứng thu được và sử dụng để đánh giá các rủi ro;
 - (c) nếu có thể, một mô tả về quá trình tham vấn của người bản địa, cộng đồng địa phương và các quyền sở hữu theo phong tục khác chủ sở hữu hoặc của các tổ chức xã hội dân sự có mặt trong khu vực sản xuất liên quan hàng hóa và các sản phẩm có liên quan.
5. Người nhập khẩu phải lưu giữ ít nhất năm năm tất cả các tài liệu liên quan đến thẩm

định, chẳng hạn như tất cả các hồ sơ, biện pháp và thủ tục theo Điều 8. Các tài liệu phải luôn sẵn sàng để nộp cho các cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.

Điều 13

Thẩm định đơn giám

1. Khi đưa sản phẩm có liên quan ra thị trường hoặc xuất khẩu chúng, các nhà nhập khẩu sẽ không bắt buộc phải thực hiện các nghĩa vụ theo Điều 10 và 11 nếu sau khi có đánh giá sự phức tạp của chuỗi cung ứng có liên quan và nguy cơ gian lận của Quy chuẩn này hoặc nguy cơ lẫn lộn với các sản phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ ở các quốc gia hoặc bộ phận có rủi ro cao hoặc rủi ro tiêu chuẩn, họ đã xác định chắc chắn tất cả các mặt hàng liên quan và các sản phẩm liên quan đã được sản xuất tại các quốc gia hoặc các bộ phận của chúng được phân loại là rủi ro thấp theo Điều 29. Trong những trường hợp này, người nhập khẩu phải cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu tài liệu liên quan chứng minh rằng có rủi ro không đáng kể về gian lận Quy chuẩn này hoặc trộn lẫn với các sản phẩm không rõ nguồn gốc hoặc nguồn gốc trong rủi ro cao hoặc rủi ro tiêu chuẩn các quốc gia hoặc các khu vực cthuooyc quốc gia đó.
2. Bất kể khoản 1 của Điều này, nếu nhà nhập khẩu có được hoặc được biết của bất kỳ thông tin liên quan nào, bao gồm cả kết quả của việc đánh giá được thực hiện theo khoản 1 của Điều này, và bao gồm cả những lo ngại đã được chứng minh theo Điều 31, điều đó sẽ dẫn đến rủi ro là sản phẩm có liên quan không tuân thủ Quy định này hoặc Quy định này bị vi phạm, nhà nhập khẩu sẽ thực hiện tất cả các nghĩa vụ theo Điều 10 và Điều 11 và ngay lập tức thông báo bất kỳ thông tin liên quan nào cho cơ quan có thẩm quyền.
3. Khi cơ quan có thẩm quyền được biết về bất kỳ thông tin nào có thể chỉ ra nguy cơ vi phạm Quy định này, kể cả trong các trường hợp hàng hoá có liên quan hoặc các sản phẩm có liên quan được sản xuất tại một quốc gia có rủi ro tiêu chuẩn hoặc rủi ro cao hoặc một phần của chúng sau đó được xử lý ở một quốc gia có rủi ro thấp hoặc một phần của chúng từ nơi chúng được đưa lên hoặc xuất khẩu khỏi thị trường, cơ quan có thẩm quyền sẽ hành động ngay lập tức theo Điều 17(1) và, nếu cần, nhận thực hiện các biện pháp tạm thời theo Điều 23.

CHƯƠNG 3

NGHĨA VỤ CỦA QUỐC GIA THÀNH VIÊN VÀ CÁC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Điều 14

Các cơ quan có thẩm quyền

1. Các Quốc gia Thành viên sẽ chỉ định một hoặc nhiều cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ phát sinh từ Quy định này.
2. Chậm nhất là ... [sáu tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực], Các quốc gia thành viên sẽ thông báo cho Ủy ban về tên, địa chỉ và liên hệ chi tiết về các cơ quan có thẩm quyền nêu tại khoản 1. Các Quốc gia Thành viên sẽ thông báo Ủy ban mà không chậm trễ quá mức của bất kỳ thay đổi nào đến thông tin đó.
3. Ủy ban sẽ công khai danh sách các cơ quan có thẩm quyền trên trang web của mình mà không có sự chậm trễ quá mức . Ủy ban sẽ thường xuyên cập nhật danh sách, dựa trên về các cập nhật nhận được từ quốc gia Thành viên.
4. Các Quốc gia Thành viên phải đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền có đầy đủ quyền hạn, độc lập về chức năng và các nguồn lực để thực hiện các nghĩa vụ được nêu trong Chương này.

Điều 15

Trợ giúp kỹ thuật, hướng dẫn và trao đổi của thông tin

1. Không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thực hiện thẩm định của các nhà nhập khẩu như được quy định trong Điều 8, các Quốc gia Thành viên có thể cung cấp hỗ trợ và hướng dẫn kỹ thuật và các hướng dẫn khác cho người nhập khẩu. Ủy ban, trong sự hợp tác với các Quốc gia Thành viên, còn có thể cung cấp, khi cần thiết, hướng dẫn cho người nhập khẩu và các cơ quan có thẩm quyền. Hỗ trợ và hướng dẫn kỹ thuật và các hướng dẫn khác sẽ tính đến tình hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, bao gồm cả doanh nghiệp siêu nhỏ và thể nhân, nhằm tạo điều kiện tuân thủ Quy định này, bao gồm liên quan đến việc chuyển đổi dữ liệu từ các hệ thống liên quan để xác định vị trí địa lý trong hệ thống thông tin được đề cập đến tại Điều 33. Nó cũng sẽ tính đến Liên minh hiện tại và tương lai có liên quan hợp pháp hành vi có sự cần trọng nghĩa vụ.
2. Các Quốc gia Thành viên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi và phổ biến các tài liệu liên quan thông tin, đặc biệt nhằm hỗ trợ các nhà nhập khẩu đánh giá rủi ro như đã đặt ra trong Điều 10, và về các thông lệ tốt nhất liên quan đến việc thực hiện điều này Quy định.
3. Các cơ quan có thẩm quyền và Ủy ban sẽ liên tục giám sát và trao đổi thông tin về bất kỳ thay đổi đáng kể nào trong mô hình thương mại của các mặt hàng có liên quan các sản phẩm có thể dẫn đến việc vi phạm Quy định này.
4. Hỗ trợ sẽ được cung cấp theo cách thức không ảnh hưởng đến độc lập, nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong thi hành Quy định này.
5. Ủy ban có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện hài hòa Quy định này, bằng cách ban hành các hướng dẫn có liên quan và bằng cách thúc đẩy trao đổi thỏa đáng thông tin, phối hợp và hợp tác giữa cơ quan có thẩm quyền, giữa cơ quan có thẩm quyền với cơ quan hải quan, giữa cơ quan có thẩm quyền và Ủy ban.

Điều 16

Nghĩa vụ tiến hành kiểm tra

1. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành kiểm tra trong lãnh thổ của họ để thiết lập liệu các nhà nhập khẩu và thương nhân được thành lập trong Liên minh có tuân thủ Quy định này hay không. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành kiểm tra trong lãnh thổ của họ để thiết lập liệu sản phẩm có liên quan mà nhà nhập khẩu hoặc thương nhân đã đặt hoặc có ý định có mặt trên thị trường, đã có sẵn hoặc dự định có mặt trên thị trường hoặc đã xuất khẩu hoặc có ý định xuất khẩu tuân thủ Quy định này.
2. Việc kiểm tra nêu tại khoản 1 của Điều này sẽ được thực hiện tùy theo Điều 18 và 19.
3. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ sử dụng phương pháp dựa trên rủi ro để xác định các kiểm tra cần được thực hiện. Tiêu chí rủi ro sẽ được xác định dựa trên một phân tích các rủi ro không tuân thủ Quy định này, đặc biệt là các hàng hoá liên quan, độ phức tạp và chiều dài của chuỗi cung ứng, bao gồm việc có pha trộn các sản phẩm liên quan hay không, và giai đoạn chế biến sản phẩm liên quan, liệu các mảnh đất liên quan có giáp với rừng hay không, phân loại rủi ro cho các quốc gia hoặc bộ phận theo Điều 29, đặc biệt chú ý đến tình hình của các quốc gia hoặc bộ phận được phân loại là rủi ro cao, lịch sử vi phạm của nhà điều hành hoặc nhà buôn với Quy định này, rủi ro lách luật và bất kỳ thông tin liên quan nào khác. Phân tích rủi ro sẽ dựa trên các thông tin được đề cập trong Điều 9 và Điều 10 và có thể dựa trên thông tin chứa trong hệ thống thông tin được đề cập trong Điều 33, và có thể được hỗ trợ bởi các nguồn thông tin khác liên quan như dữ liệu giám sát, hồ sơ rủi ro từ các tổ chức quốc tế, các lo ngại được chứng minh được nộp theo Điều 31, hoặc kết luận của các cuộc họp nhóm chuyên gia của Ủy ban .
4. Ủy ban sẽ, khi thích hợp, thiết lập và thường xuyên xem xét và cập nhật các tiêu chí rủi ro chỉ định ở cấp Liên minh, theo Khoản 3, và nộp chúng cho các cơ quan có thẩm quyền.
5. Với mục đích tiến hành kiểm tra nêu tại khoản 1, cơ quan có thẩm quyền nên thành lập hàng năm các kế hoạch bao gồm ít nhất những nội dung sau:
 - (a) Các tiêu chí rủi ro quốc gia, được thiết lập theo Khoản 3, đối với mục đích xác định các kiểm tra cần thiết , được xây dựng dựa trên bất kỳ tiêu chí rủi ro chỉ định nào ở cấp Liên minh được thiết lập bởi Ủy ban trong theo Khoản 4, và bao gồm một cách có hệ thống các tiêu chí rủi ro trong mối quan hệ đến

các nước hoặc các bộ phận của chúng được phân loại là rủi ro cao ;

- (b) việc lựa chọn các nhà điều hành và thương nhân để kiểm tra; việc lựa chọn này sẽ dựa trên các tiêu chí rủi ro quốc gia được đề cập trong điểm (a), sử dụng, giữa các thứ khác, thông tin chứa trong hệ thống thông tin được đề cập trong Điều 33 và các kỹ thuật xử lý dữ liệu điện tử; đối với mỗi nhà điều hành hoặc thương nhân được kiểm tra, các cơ quan có thẩm quyền có thể xác định các tuyên bố cần trọng cụ thể để kiểm tra .
6. Việc xem xét kế hoạch hàng năm của các cơ quan có thẩm quyền sẽ có hệ thống dựa trên kết quả kiểm tra và kinh nghiệm thực hiện các các kế hoạch đề cập tại Khoản 5 để cải tiến tính hiệu quả.
 7. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ thông báo kế hoạch kiểm tra của họ, cũng như cập nhật sau đó, cho các cơ quan có thẩm quyền khác và Ủy ban. Cơ quan có thẩm quyền sẽ trao đổi thông tin và phối hợp phát triển và ứng dụng các tiêu chí rủi ro nêu tại khoản 5 với các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia Thành viên khác và với Ủy ban, để nâng cao hiệu quả của thực thi của Quy định này.
 8. Mỗi Quốc gia Thành viên phải đảm bảo rằng các cuộc kiểm tra hàng năm được thực hiện bởi cơ quan chức năng có thẩm quyền của mình theo khoản 1 của Điều này bao gồm ít nhất 3 % các nhà nhập khẩu đưa hoặc cung cấp trên thị trường hoặc xuất khẩu các sản phẩm có liên quan chứa hoặc đã được thực hiện bằng cách sử dụng hàng hóa có liên quan được sản xuất tại một quốc gia sản xuất hoặc các bộ phận của chúng được phân loại là rủi ro tiêu chuẩn theo Điều 29.
 9. Mỗi Quốc gia Thành viên phải đảm bảo rằng việc kiểm tra hàng năm được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền theo khoản 1 của Điều này bao gồm ít nhất 9% các nhà nhập khẩu lưu thông hoặc cung cấp trên thị trường hoặc xuất khẩu có liên quan các sản phẩm có chứa hoặc đã được sản xuất bằng cách sử dụng các hàng hóa có liên quan cũng như 9 % về số lượng của từng sản phẩm có liên quan có chứa hoặc đã được sản xuất sử dụng các hàng hóa có liên quan được sản xuất tại một quốc gia hoặc các bộ phận của quốc gia đó được phân loại là rủi ro cao theo Điều 29 .
 10. Mỗi Quốc gia Thành viên phải đảm bảo rằng việc kiểm tra hàng năm được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền theo khoản 1 của Điều này bao gồm ít nhất 1% các nhà nhập khẩu lưu thông hoặc cung cấp trên thị trường hoặc xuất khẩu có liên quan các sản phẩm có chứa hoặc đã được sản xuất bằng cách sử dụng các hàng hóa có liên

quan được sản xuất tại một quốc gia hoặc các bộ phận của chúng được phân loại rủi ro thấp phù hợp với Điều 29.

11. Mục tiêu định lượng của các cuộc kiểm tra do cơ quan có thẩm quyền tiến hành phải được đáp ứng riêng cho từng mặt hàng có liên quan. Các mục tiêu định lượng sẽ được tính bằng cách tham chiếu đến tổng số nhà nhập khẩu đã lưu thông hoặc đã có mặt trên thị trường hoặc đã xuất khẩu các sản phẩm có liên quan trong năm trước, và số lượng, nếu có. Các nhà nhập khẩu sẽ được coi là đã được kiểm tra khi cơ quan có thẩm quyền đã kiểm tra các yếu tố được đề cập trong Điều 18(1), điểm (a) và (b).
12. Không ảnh hưởng đến kiểm tra được lên kế hoạch trước theo Khoản 5 của Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra nêu tại khoản 1 của Điều này khi họ có được hoặc được biết về thông tin liên quan, bao gồm cả thông tin dựa trên những lo ngại đã được chứng minh do các bên thứ ba đệ trình theo Điều 31, liên quan đến một trường hợp tiềm năng không tuân thủ Quy định này.
13. Việc kiểm tra sẽ được thực hiện mà không có cảnh báo trước của người nhập khẩu hoặc thương nhân, ngoại trừ trong trường hợp thông báo trước của nhà nhập khẩu hoặc thương nhân là cần thiết để đảm bảo hiệu quả của việc kiểm tra.
14. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ lưu giữ hồ sơ kiểm tra, đặc biệt chỉ ra bản chất và kết quả của chúng, cũng như các biện pháp được thực hiện trong trường hợp không Tuân thủ. Hồ sơ của tất cả các kiểm tra nên được giữ ít nhất mười năm.
15. Hồ sơ kiểm tra được thực hiện theo Quy định này và các báo cáo về kết quả của chúng sẽ cấu thành thông tin môi trường cho các mục đích của Chỉ thị 2003/4/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu¹ và sẽ được thực hiện có sẵn theo yêu cầu.

¹ Chỉ thị 2003/4/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 28 tháng 1 2003 về quyền truy cập của công chúng vào thông tin môi trường và bãi bỏ Hội đồng chỉ thị 90/313/EEC (OJ L 41, 14.2.2003, tr. 26).

Điều 17 Các sản phẩm yêu cầu hành động ngay lập tức

1. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ xác định các tình huống trong đó các sản phẩm liên quan có rủi ro không tuân thủ Điều 3 đến mức yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền thực hiện hành động ngay lập tức trước khi các sản phẩm liên quan được đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ đăng ký các tình huống được xác định như vậy trong hệ thống thông tin được đề cập trong Điều 33 .
2. Khi các cơ quan có thẩm quyền xác định các tình huống nêu tại Khoản 1 của Điều này, bao gồm cả khi một tờ khai thẩm định liên quan đến các sản phẩm liên quan được gửi bởi một nhà nhập khẩu, hệ thống thông tin được đề cập đến tại Điều 33 sẽ xác định rủi ro cao của việc không tuân thủ Điều 3 và thông báo các cơ quan có thẩm quyền, có trách nhiệm:
 - (a) thực hiện ngay các biện pháp tạm thời theo Điều 23 để đình chỉ việc lưu thông hoặc làm cho có sẵn những người có liên quan các sản phẩm trên thị trường; hoặc
 - (b) một khi giao diện điện tử được đề cập trong Điều 28(1) được đưa ra, trong trường hợp các sản phẩm có liên quan vào hoặc nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ, yêu cầu cơ quan hải quan có thẩm quyền đình chỉ việc phát hành để lưu thông tự do hoặc xuất khẩu những sản phẩm liên quan Điều 26(7).
3. Việc đình chỉ nêu tại khoản 2 của Điều này sẽ kết thúc trong vòng ba ngày làm việc hoặc trong vòng 72 giờ đối với sản phẩm liên quan dễ hư hỏng, bắt đầu từ thời điểm xác định nguy cơ không tuân thủ cao trong hệ thống thông tin nêu tại Điều 33. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền, dựa trên kết quả kiểm tra được thực hiện trong khoảng thời gian đó, kết luận rằng họ cần thêm thời gian để xác định xem các sản phẩm có liên quan có tuân thủ với Điều 3, họ sẽ kéo dài thời gian đình chỉ, bằng các khoảng thời gian bổ sung ba ngày làm việc, bằng các biện pháp tạm thời bổ sung được thực hiện theo Điều 23 hoặc, trong trường hợp các sản phẩm có liên quan nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường, bằng cách thông báo các cơ quan hải quan có thẩm quyền của nhu cầu duy trì các đình chỉ theo Điều 26(7).

Điều 18

Kiểm tra nhà nhập khẩu và thương nhân không phải SME

1. Các kiểm tra người nhập khẩu và thương nhân không phải là SME bao gồm:
 - (a) kiểm tra hệ thống thẩm định của họ, bao gồm đánh giá rủi ro và thủ tục giảm thiểu rủi ro, và các tài liệu và hồ sơ chứng minh sự phù hợp hoạt động của hệ thống thẩm định;
 - (b) kiểm tra tài liệu và hồ sơ chứng minh một sản phẩm có liên quan cụ thể mà nhà nhập khẩu đã lưu thông hoặc dự định lưu thông trên thị trường hoặc dự định xuất khẩu hoặc thương nhân không phải là SME đã cung cấp hoặc dự định cung cấp trên thị trường tuân thủ Quy định này, bao gồm, khi áp dụng, thông qua các biện pháp giảm thiểu rủi ro, cũng như kiểm tra của tờ khai thẩm định liên quan.
2. Việc kiểm tra các nhà nhập khẩu và thương nhân không phải là SME cũng có thể bao gồm, nếu thích hợp, đặc biệt là trong trường hợp các cuộc kiểm tra được đề cập trong Khoản 1 đã đặt ra câu hỏi:
3. kiểm tra thực địa các hàng hoá liên quan hoặc các sản phẩm liên quan nhằm xác định sự tương ứng của chúng với tài liệu được sử dụng để thực hiện thẩm định;
 - (a) kiểm tra của biện pháp sửa đổi theo Điều 24;
 - (b) bất kỳ phương tiện kỹ thuật và khoa học nào thích hợp để xác định loại hoặc địa điểm chính xác nơi hàng hóa có liên quan hoặc sản phẩm có liên quan đã được sản xuất, bao gồm giải phẫu, hóa học hoặc ADN phân tích ;
 - (c) bất kỳ phương tiện khoa học và kỹ thuật nào thích hợp để xác định liệu các sản phẩm có liên quan không phá rừng, bao gồm cả dữ liệu quan sát Trái đất chẳng hạn như từ chương trình và công cụ Copernicus hoặc từ các nguồn công khai hoặc riêng tư có sẵn; và
 - (d) kiểm tra tại chỗ, bao gồm kiểm tra hiện trường, bao gồm cả khi thích hợp trong quốc gia thứ ba, với điều kiện là các nước thứ ba đó đồng ý, thông qua hợp tác với cơ quan hành chính của nước thứ ba đó.

Điều 19

Kiểm tra thương nhân vừa và nhỏ

1. Việc kiểm tra đối với các thương nhân SME sẽ bao gồm việc kiểm tra tài liệu và hồ sơ chứng minh tuân thủ Điều 5(2) , (3) và (4).
2. Việc kiểm tra đối với thương nhân SME cũng có thể bao gồm, đặc biệt là khi kiểm tra được đề cập trong đoạn 1 đã nêu, kiểm tra phát hiện, kể cả kiểm toán hiện trường.

Điều 20

Thu hồi chi phí bởi cơ quan có thẩm quyền

1. Các quốc gia thành viên có thể ủy quyền cho các cơ quan có thẩm quyền của mình để thu lại từ nhà nhập khẩu hoặc thương nhân tổng chi phí cho các hoạt động của họ đối với các trường hợp của việc không tuân thủ.
2. Các chi phí nêu tại khoản 1 có thể bao gồm chi phí tiến hành thử nghiệm, lưu trữ và các hoạt động liên quan đến các sản phẩm có liên quan được phát hiện là không các sản phẩm tuân thủ và phải chịu hành động khắc phục trước khi phát hành những liên quan sản phẩm miễn phí lưu thông, đưa chúng ra thị trường hoặc xuất khẩu của họ.

Điều 21

Sự hợp tác và trao đổi của thông tin

1. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ phối hợp với nhau, cơ quan hải quan từ quốc gia thành viên của họ, các cơ quan có thẩm quyền và cơ quan hải quan từ các quốc gia thành viên khác, Ủy ban và nếu cần thiết, với các cơ quan hành chính nước thứ ba để đảm bảo tuân thủ Quy định này, bao gồm như việc thực hiện kiểm toán hiện trường.
2. Cơ quan có thẩm quyền sẽ thiết lập các thỏa thuận hành chính với Ủy ban liên quan đến việc truyền thông tin về điều tra và chỉ đạo của các cuộc điều tra.
3. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ trao đổi thông tin cần thiết để thực thi các Quy định này, kể cả thông qua hệ thống thông tin nêu tại Điều 33. Điều đó sẽ bao gồm việc cấp quyền truy cập và trao đổi thông tin về các nhà nhập khẩu và thương nhân, bao gồm các tờ khai thẩm định, và về bản chất và kết quả của kiểm tra được thực hiện, với các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên khác để tạo điều kiện thuận lợi cho thực thi của Quy định này.
4. Cơ quan có thẩm quyền sẽ thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền của quốc gia Thành viên khác và Ủy ban khi họ phát hiện bất kỳ hành vi không tuân thủ tiềm ẩn nào đối với Quy định này và những thiếu sót nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến nhiều quốc gia thành viên. Đặc biệt, các cơ quan có thẩm quyền sẽ thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền khác về các quốc gia thành viên khi họ phát hiện một vấn đề về sản phẩm có liên quan trên thị trường mà họ coi như là một sản phẩm không tuân thủ, để kích hoạt tiêu hủy hoặc thu hồi những sản phẩm từ việc bán hàng trong tất cả các quốc gia Thành viên.
5. Theo yêu cầu của một cơ quan có thẩm quyền, các quốc gia Thành viên nên cung cấp nó với các thông tin cần thiết để đảm bảo Tuân thủ Quy định này.

Điều 22

Báo cáo

1. Trước ngày 30 tháng 4 hàng năm, các Quốc gia Thành viên sẽ cung cấp cho công chúng và Ủy ban thông tin về việc áp dụng Quy định này trong suốt năm dương lịch trước đó. Thông tin đó sẽ bao gồm:
 - (a) các kế hoạch của kiểm tra và tiêu chí rủi ro về những kế hoạch đó được dựa trên;
 - (b) số lượng và kết quả kiểm tra được thực hiện đối với các nhà nhập khẩu, thương nhân không phải là SME và các thương nhân khác liên quan đến tổng số nhà nhập khẩu, thương nhân không phải SME và thương nhân khác, bao gồm các loại không tuân thủ xác định ;
 - (c) số lượng của sản phẩm có liên quan được kiểm tra liên quan đến tổng số lượng sản phẩm có liên quan được đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu và các nước sản xuất; đối với các sản phẩm có liên quan nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường, số lượng được biểu thị bằng kilôgam khối lượng tịnh và, nếu có thể, trong đơn vị bổ sung được nêu trong Phụ lục I của Quy định (EEC) số 2658/87 đối với Hệ thống mã Hải hòa được chỉ định, hoặc, theo tất cả các mã khác trường hợp, số lượng phải được biểu thị bằng khối lượng tịnh hoặc, nếu áp dụng, khối lượng hoặc số lượng mặt hàng; một đơn vị bổ sung được áp dụng khi nó là được xác định một cách nhất quán cho tất cả các phân nhóm có thể có trong Hệ thống mã hải hòa giới thiệu đến trong tờ khai thẩm định;
 - (d) trong trường hợp không tuân thủ, hành động khắc phục được thực hiện theo Điều 24 và hình phạt áp đặt phù hợp với Điều 25;
 - (e) tỷ lệ kiểm tra được thực hiện với các cảnh báo trước theo Điều 16(13), việc sử dụng nó sẽ được chứng minh bởi cơ quan có thẩm quyền trong báo cáo kiểm tra của họ.
2. Trước ngày 30 tháng 10 hàng năm, các dịch vụ của Ủy ban sẽ công khai tổng quan trên toàn Liên minh về việc áp dụng Quy định này dựa trên dữ liệu đệ trình bởi các quốc gia thành viên theo khoản 1.

Điều 23

Biện pháp tạm thời

Các Quốc gia Thành viên sẽ cung cấp khả năng cho các cơ quan có thẩm quyền của họ thực hiện các biện pháp tạm thời ngay lập tức, bao gồm cả việc tịch thu các hàng hóa có liên quan hoặc sản phẩm, hoặc đình chỉ việc đưa ra hoặc đưa ra thị trường hoặc việc xuất khẩu hàng hóa liên quan hoặc các sản phẩm liên quan, khi có khả năng không tuân thủ Quy định này có được phát hiện trên cơ sở của bất kỳ tiếp theo:

- (a) kiểm tra bằng chứng hoặc thông tin liên quan khác, bao gồm thông tin trao đổi theo Điều 21 hoặc được chứng minh mối quan tâm đệ trình theo Điều 31;
- (b) Kiểm tra theo Điều 18 và 19;
- (c) các nhận biết rủi ro qua các thông tin hệ thống giới thiệu tại Điều 33.

Khi cần thiết, các Quốc gia Thành viên sẽ ngay lập tức thông báo cho Ủy ban và các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên khác Kỳ về các biện pháp như vậy.

Điều 24

Hành động khắc phục trong trường hợp không tuân thủ

1. Không ảnh hưởng đến Điều 25, trong trường hợp các cơ quan có thẩm quyền xác định rằng một nhà điều hành hoặc nhà buôn không tuân thủ Nghị định này hoặc một sản phẩm liên quan được đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu không tuân thủ, họ sẽ yêu cầu ngay lập tức nhà điều hành hoặc nhà buôn thực hiện các hành động điều chỉnh thích hợp và tương ứng để chấm dứt việc không tuân thủ đó trong một khoảng thời gian cụ thể và hợp lý.
2. Đối với các mục đích của Khoản 1, hành động khắc phục cần thiết được thực hiện bởi nhà nhập khẩu hoặc thương nhân nên bao gồm ít nhất một sau đó sau đây, nếu có :
 - (a) khắc phục bất kỳ sự không tuân thủ chính thức nào, đặc biệt là với các yêu cầu của Chương 2;
 - (b) ngăn không cho sản phẩm có liên quan được đặt hoặc cung cấp trên các thị trường hoặc xuất khẩu;
 - (c) Tiêu hủy hoặc thu hồi các sản phẩm có liên quan ngay lập tức;
 - (d) quyên góp sản phẩm có liên quan cho các mục đích từ thiện hoặc lợi ích công cộng hoặc, nếu không thể, xử lý nó theo luật của Liên minh về quản lý rác thải.
3. Bất kể hành động khắc phục được thực hiện theo Khoản 2, người nhập khẩu hoặc thương nhân phải giải quyết bất kỳ thiếu sót nào trong hệ thống thẩm định nhằm ngăn chặn các rủi ro của tiếp tục không tuân thủ Quy định này.
4. Nếu nhà nhập khẩu hoặc thương nhân không thực hiện hành động khắc phục như được đề cập trong khoản 2 trong khoảng thời gian được cơ quan có thẩm quyền quy định theo khoản 1, hoặc khi việc không tuân thủ như được đề cập trong khoản 1 vẫn tiếp diễn, sau khoảng thời gian đó các cơ quan có thẩm quyền đảm bảo áp dụng các hành động khắc phục cần thiết được đề cập trong khoản 2 bằng tất cả các phương tiện có sẵn cho họ theo luật của quốc gia Thành viên liên quan .

Điều 25

Hình phạt

1. Không ảnh hưởng đến nghĩa vụ của các Quốc gia Thành viên theo Chỉ thị 2008/99/EC của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng¹, các Quốc gia Thành viên sẽ thiết lập các quy định về các khoản phạt áp dụng cho vi phạm Nghị định này bởi các nhà điều hành và nhà buôn và sẽ thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng chúng được thực hiện. Các nước thành viên sẽ thông báo cho Ủy ban về các quy định và các biện pháp đó và sẽ thông báo cho Ủy ban ngay lập tức về bất kỳ sửa đổi sau này ảnh hưởng đến họ.
2. Các hình phạt quy định tại khoản 1 phải có hiệu lực, tương xứng và có tính ngăn cản. Những hình phạt đó sẽ bao gồm:
 - (a) phạt tiền tương xứng với thiệt hại môi trường và giá trị của liên quan hàng hóa hoặc liên quan các sản phẩm lo ngại, tính toán các mức độ tiền phạt như vậy theo cách để đảm bảo rằng họ thực đạt một cách hiệu quả những chịu trách nhiệm về lợi ích kinh tế do hành vi xâm phạm của mình gây ra và dần dần tăng dần các mức độ của tiền phạt như vậy cho nhiều lần vi phạm; trong trường hợp là pháp nhân thì mức phạt tiền tối đa là ít nhất 4 % tổng doanh thu hàng năm trên toàn Liên minh của nhà nhập khẩu hoặc thương nhân trong năm tài chính trước khi ra quyết định xử phạt, được tính theo với cách tính tổng doanh thu cho các cam kết được đặt ra trong Điều 5(1) của Quy định Hội đồng (EC) 139/2004² và sẽ được tăng lên, ở đâu cần thiết, đến vượt quá tiềm năng thuộc kinh tế thu được lợi ích ;
 - (b) tịch thu tài sản các sản phẩm có liên quan từ nhà nhập khẩu và/hoặc thương nhân;
 - (c) tịch thu doanh thu mà người nhập khẩu và/hoặc thương nhân thu được từ một giao dịch với sản phẩm có liên quan đáng lo ngại;
 - (d) loại trừ tạm thời trong thời gian tối đa là 12 tháng khỏi công chúng quy trình mua sắm và từ việc tiếp cận nguồn vốn công, bao gồm thủ tục đấu thầu, trợ cấp và nhượng quyền;

¹ Chỉ thị 2008/99/EC của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng 19 tháng 11 năm 2008 về bảo vệ môi trường thông qua luật hình sự (OJ L328, 12.6.2008, tr. 28).

² Quy định của Hội đồng (EC) 139/2004 ngày 20 tháng 1 năm 2004 về kiểm soát tập trung giữa các doanh nghiệp (Quy định sáp nhập của EC) (OJ L 24, 29.1.2004, tr. 1).

- (e) cấm tạm thời lưu thông hoặc cung cấp trên thị trường xuất khẩu hàng hóa liên quan và các sản phẩm liên quan, trong trường hợp có vi phạm nghiêm trọng hoặc lặp đi lặp lại vi phạm;
 - (f) cấm thực hiện thẩm định đơn giản hóa quy định tại Điều 13 trong sự kiện vi phạm nghiêm trọng hoặc của lặp đi lặp lại vi phạm.
3. Các Quốc gia Thành viên sẽ thông báo cho Ủy ban về các phán quyết cuối cùng đối với những người vi phạm Quy định này và các hình phạt áp dụng cho họ, trong vòng 30 ngày kể từ ngày phán quyết trở thành phán quyết cuối cùng, có tính đến các quy tắc bảo vệ dữ liệu có liên quan. Ủy ban sẽ công bố trên trang mạng một danh sách các phán quyết như vậy, mà sẽ chứa những yếu tố sau đây :
- (a) tên của pháp nhân;
 - (b) ngày phán quyết cuối cùng;
 - (c) một bản tóm tắt các hoạt động mà pháp nhân được tìm thấy có vi phạm Quy định này; và
 - (d) Bản chất và, về tài tài chính, số tiền phạt áp đặt.

CHƯƠNG 4

THỦ TỤC ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM LIÊN QUAN ĐƯỢC NHẬP HOẶC XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG

Điều 26

Kiểm soát

1. Các sản phẩm liên quan được đưa vào thủ tục hải quan "phát hành để lưu thông tự do" hoặc "xuất khẩu" sẽ phải tuân thủ các quy định và biện pháp được quy định trong Chương này. Việc áp dụng Chương này không ảnh hưởng đến bất kỳ quy định nào khác của Quy định này cũng như các văn bản pháp luật khác của Liên minh châu Âu quy định việc phát hành để lưu thông tự do hoặc xuất khẩu hàng hóa, đặc biệt là Quy định (EU) số 952/2013 và Điều 46, 47, 134 và 267. Tuy nhiên, Chương VII của Quy định (EU) 2019/1020 sẽ không áp dụng cho các biện pháp kiểm soát các sản phẩm có liên quan gia nhập thị trường cho đến khi áp dụng và thực thi của Quy định này.
2. Các cơ quan có thẩm quyền phải chịu trách nhiệm thi hành chung các nội dung của Quy định này liên quan đến một sản phẩm có liên quan nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường. Cụ thể, cơ quan có thẩm quyền phải chịu trách nhiệm, theo Điều 16, để xác định các kiểm tra được thực hiện dựa trên cách tiếp cận dựa trên rủi ro và để thiết lập, thông qua các kiểm tra được đề cập trong Điều 16, cho dù có như vậy có liên quan sản phẩm tuân thủ Điều 3. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ thực hiện những trách nhiệm đó theo quy định với các liên quan quy định của Chương 3.
3. Không ảnh hưởng đến khoản 2 của Điều này, cơ quan hải quan sẽ thực hiện kiểm soát đối với các tờ khai hải quan đã nộp liên quan đến các sản phẩm vào, ra khỏi thị trường theo Điều 46, 48 của Quy định (EU) số 952/2013. Những kiểm soát như vậy sẽ chủ yếu dựa trên phân tích rủi ro, như thành lập tại Điều 46(2) của Quy định (EU) số 952/2013.
4. Số tham chiếu của tờ khai thẩm định sẽ được cung cấp cho cơ quan hải quan trước khi phát hành để lưu thông tự do hoặc xuất khẩu sản phẩm có liên quan nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường. Vì mục đích đó, trừ khi tuyên bố thẩm định được cung cấp thông qua giao diện điện tử được đề cập tại Điều 28(2), người nộp tờ khai hải quan để được miễn phí lưu thông hoặc xuất khẩu một sản phẩm có liên quan sẽ cung cấp cho hải quan cơ quan có thẩm quyền số tham chiếu của tờ khai thẩm định được chỉ định

cho điều đó liên quan sản xuất bởi hệ thống thông tin được đề cập tại Điều 33.

5. Với mục đích xem xét việc tuân thủ Quy định này cho phép một sản phẩm liên quan được giải phóng đã tự do lưu thông hoặc đã xuất:
 - (a) cho đến khi giao diện điện tử được đề cập trong Điều 28(1) được đưa ra, các khoản từ 6 đến 9 của Điều này sẽ không áp dụng, và cơ quan hải quan có trách nhiệm trao đổi thông tin và hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền phù hợp với Điều 27, và, khi cần thiết, sẽ tính đến trao đổi thông tin và hợp tác như vậy về việc cho phép các sản phẩm có liên quan được tự do lưu thông hay xuất khẩu;
 - (b) một khi giao diện điện tử được đề cập trong Điều 28(1) được đưa ra, đoạn 6 đến 9 của Điều này sẽ được áp dụng, và các thông báo và các yêu cầu theo các khoản từ 6 đến 9 của Điều này sẽ được thực hiện bằng các phương tiện của giao diện điện tử đó.
6. Khi thực hiện kiểm soát đối với tờ khai hải quan giải phóng tự do lưu thông hoặc xuất khẩu của một sản phẩm có liên quan ra vào thị trường, cơ quan hải quan sẽ kiểm tra, sử dụng giao diện điện tử được đề cập trong Điều 28(1), tình trạng được giao cho tờ khai thẩm định tương ứng của các cơ quan có thẩm quyền trong các hệ thống thông tin được đề cập tại Điều 33.
7. Trường hợp tình trạng được đề cập tại khoản 6 của Điều này chỉ ra rằng sản phẩm liên quan nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường đã được xác định, theo Điều 17(2), như yêu cầu phải được kiểm tra trước khi nó được lưu thông hoặc cung cấp trên thị trường hoặc đã xuất khẩu, cơ quan hải quan tạm dừng giải phóng tự do lưu thông hoặc xuất khẩu sản phẩm có liên quan.
8. Khi tất cả các yêu cầu và thủ tục khác theo luật của Liên minh hoặc quốc gia liên quan đến đã hoàn thành việc cho phép tự do lưu thông hoặc xuất khẩu, cơ quan hải quan có trách nhiệm cho phép một sản phẩm liên quan nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường sẽ được cho phép tự do lưu thông hoặc xuất khẩu trong bất kỳ trường hợp nào sau đây:
 - (a) tình trạng nêu tại khoản 6 của Điều này không chỉ ra rằng sản phẩm có liên quan đã được xác định, theo Điều 17(2), như yêu cầu phải được kiểm tra trước khi nó được lưu thông hoặc cung cấp trên thị trường hoặc xuất khẩu;

- (b) việc cho phép tự do lưu thông hoặc xuất khẩu đã bị đình chỉ theo quy định với khoản 7 của Điều này, và các cơ quan có thẩm quyền đã không yêu cầu duy trì các đình chỉ theo Điều 17(3);
 - (c) việc cho phép tự do lưu thông hoặc xuất khẩu đã bị đình chỉ theo khoản 7 và các cơ quan có thẩm quyền đã thông báo cơ quan hải quan rằng việc đình chỉ cho phép tự do lưu thông hoặc xuất khẩu sản phẩm có liên quan có thể được đề cập.
9. Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền kết luận rằng một sản phẩm có liên quan nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường không đúng quy định thì thông báo với cơ quan hải quan một cách phù hợp và cơ quan hải quan sẽ không cho phép tự do lưu thông hoặc xuất khẩu sản phẩm liên quan đó.
10. Việc cho phép tự do lưu thông hoặc xuất khẩu sẽ không được coi là bằng chứng về sự tuân thủ luật pháp của Liên minh và, cụ thể là theo Quy định này.

Điều 27

Sự hợp tác và trao đổi thông tin giữa các cơ quan thẩm quyền

1. Để kích hoạt phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro được đề cập trong Điều 16(5) đối với sản phẩm có liên quan nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường và để đảm bảo rằng việc kiểm tra có hiệu quả và được thực hiện theo Quy định này, Ủy ban, các cơ quan có thẩm quyền và cơ quan hải quan sẽ hợp tác chặt chẽ và trao đổi thông tin.
2. Cơ quan hải quan và các cơ quan có thẩm quyền phối hợp theo quy định Điều 47(2) của Quy định (EU) số 952/2013 và trao đổi thông tin cần thiết để hoàn thành các chức năng của mình theo Quy định này, bao gồm thông qua phương tiện điện tử.
3. Cơ quan hải quan có thể liên lạc, theo Điều 12(1) của Quy định (EU) số 952/2013, thông tin bí mật do cơ quan hải quan thu thập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, hoặc cung cấp cho cơ quan hải quan trên cơ sở bí mật, cho cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên mà nhà nhập khẩu, thương nhân hoặc đại diện có thẩm quyền được thành lập.
4. Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền đã nhận được thông tin phù hợp với Điều này, các cơ quan có thẩm quyền đó có thể truyền đạt thông tin đó cho cơ quan có thẩm quyền của quốc gia Thành viên khác theo Điều 21(3).
5. Thông tin liên quan đến rủi ro nên được trao đổi như sau:
 - (a) giữa các cơ quan hải quan theo Điều 46(5) của Quy định (EU) số 952/2013;
 - (b) giữa cơ quan hải quan và Ủy ban theo Điều 47(2) của Quy định (EU) số 952/2013 ;
 - (c) giữa cơ quan hải quan với các cơ quan có thẩm quyền, trong đó có cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên khác, theo Điều 47(2) của Quy định (EU) số 952/2013.

Điều 28

Giao diện điện tử

1. Ủy ban sẽ phát triển một giao diện điện tử dựa trên Môi trường một cửa cho hải quan của Liên minh Châu Âu, được thiết lập theo Quy định (EU) 2022/2399 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng¹ để cho phép truyền dữ liệu, đặc biệt là các thông báo và yêu cầu được đề cập trong Điều 26(6) đến (9) của Quy định này, giữa hệ thống hải quan quốc gia và hệ thống thông tin nêu tại Điều 33 của Quy định này. giao diện điện tử này sẽ được thực hiện bởi... [năm năm sau ngày có hiệu lực của Quy định này
2. Ủy ban sẽ phát triển một giao diện điện tử theo Điều 12 của Quy định (EU) 2022/2399 cho phép:
 - (a) các nhà nhập khẩu và thương nhân tuân thủ nghĩa vụ nộp tờ khai thẩm định của một hàng hóa có liên quan hoặc sản phẩm có liên quan theo Điều 4 của Quy định này, bằng cách phổ biến nó trên môi trường một cửa đối với hải quan toàn quốc nêu tại Điều 8 của Quy định (EU) 2022/2399 và nhận phản hồi từ cơ quan có thẩm quyền; và
 - (b) việc truyền tải tờ khai thẩm định đó đến hệ thống thông tin được đề cập tại Điều 33.
3. Ủy ban sẽ thông qua các đạo luật thi hành quy định cụ thể các chi tiết của sắp xếp thực hiện cho các khoản 1 và 2 của Điều này và cụ thể là xác định dữ liệu, bao gồm cả định dạng của nó, chiếu theo khoản 1 và khoản 2 Điều này. Các hành vi thực hiện cũng sẽ làm rõ làm thế nào bất kỳ thay đổi trong tình trạng được giao bởi các cơ quan có thẩm quyền để tờ khai thẩm định trong hệ thống thông tin được đề cập tại Điều 33 sẽ được thông báo ngay lập tức và tự động đến các cơ quan hải quan có liên quan thông qua giao diện điện tử nêu tại khoản 1 Điều này. Việc thực hiện các hành vi cũng có thể xác định rằng một số dữ liệu cụ thể có sẵn trong quá trình tờ khai thẩm định và cần thiết cho các hoạt động của cơ quan hải quan, bao gồm giám sát và chống gian lận, được truyền và đăng ký tại Liên minh và các hệ thống hải quan quốc gia. Những hành vi thực hiện sẽ được thông qua phù hợp với thủ tục kiểm tra được đề cập tại Điều 36(2).

¹ Quy định (EU) 2022/2399 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng 23 Tháng 11 năm 2022 thiết lập Môi trường một cửa của Liên minh Châu Âu cho Phong tục và sửa đổi Quy định (EU) Số 952/2013 (OJ L 317, 9.12.2022, tr. 1).

CHƯƠNG 5

HỆ THỐNG ĐỊNH CHUẨN QUỐC GIA VÀ HỢP TÁC VỚI QUỐC GIA THỨ BA

Điều 29

Đánh giá các Quốc gia

1. Quy định này thiết lập một hệ thống ba cấp để đánh giá các quốc gia hoặc các bộ phận của chúng. Vì mục đích đó, các Quốc gia Thành viên và các nước thứ ba, hoặc các bộ phận của chúng, nên được phân loại thành một trong những loại rủi ro sau đây:
 - (a) 'rủi ro cao' đề cập đến các quốc gia hoặc các bộ phận của chúng, mà việc đánh giá được đề cập trong khoản 3 dẫn đến việc xác định rủi ro cao về sản xuất tại các quốc gia đó hoặc một phần của các quốc gia đó, các mặt hàng có liên quan mà liên quan sản phẩm không tuân thủ Điều 3, điểm (a);
 - (b) 'rủi ro thấp' đề cập đến các quốc gia hoặc các bộ phận của chúng, mà việc đánh giá được đề cập trong khoản 3 kết luận rằng có đủ sự đảm bảo các trường hợp sản xuất tại các quốc gia đó hoặc một phần của chúng, hàng hoá có liên quan mà các sản phẩm liên quan không tuân thủ Điều 3, điểm (a), là hiếm có;
 - (c) 'rủi ro tiêu chuẩn' đề cập đến các quốc gia hoặc bộ phận của chúng không thuộc hoặc danh mục 'rủi ro cao' hoặc danh mục 'rủi ro thấp'.
2. Vào ... [ngày Quy định này có hiệu lực], tất cả các quốc gia sẽ được chỉ định một mức độ rủi ro tiêu chuẩn . Ủy ban sẽ phân loại các quốc gia hoặc các bộ phận của chúng , mà có rủi ro thấp hoặc cao theo khoản 1 . Danh sách các quốc gia hoặc các bộ phận của chúng , có rủi ro thấp hoặc cao sẽ được công bố bằng phương tiện thực hiện các hành vi được thông qua theo thủ tục kiểm tra nêu tại Điều 36(2) , không muộn hơn ... [18 tháng sau ngày ký kết hiệu lực của Quy định này] . Danh sách đó sẽ được xem xét và cập nhật nếu thích hợp, thường xuyên như khi cần thiết vì lý do có bằng chứng mới.
3. Việc phân loại các quốc gia hoặc các bộ phận của chúng có rủi ro thấp và rủi ro cao, theo khoản 1 phải dựa trên đánh giá khách quan và minh bạch của Ủy ban, có tính đến các bằng chứng khoa học mới nhất và nguồn được quốc tế công nhận. Việc phân loại sẽ chủ yếu dựa trên những tiêu chí đánh giá sau đây:

- (a) tỷ lệ nạn phá rừng và suy thoái rừng;
 - (b) tỷ lệ mở rộng đất nông nghiệp hàng hoá có liên quan;
 - (c) xu hướng sản xuất của hàng hóa liên quan và các sản phẩm liên quan .
4. Các đánh giá đề cập trong khoản 3 có thể cũng liên quan đến:
- (a) thông tin được gửi bởi quốc gia liên quan, cơ quan có thẩm quyền khu vực liên quan, các nhà nhập khẩu, các tổ chức phi chính phủ và các bên thứ ba, bao gồm cả người dân bản địa, cộng đồng địa phương và các tổ chức xã hội dân sự, liên quan đến hiệu quả bao gồm phát thải và loại bỏ từ nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất trong đóng góp được xác định ở các quốc gia cho UNFCCC;
 - (b) thỏa thuận và các công cụ khác giữa quốc gia liên quan và Liên minh và/hoặc các quốc gia thành viên giải quyết nạn phá rừng và suy thoái rừng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuân thủ các hàng hóa liên quan và các sản phẩm với Điều 3 và thực hiện hiệu quả của chúng ;
 - (c) liệu quốc gia liên quan có luật pháp quốc gia hoặc địa phương hay không, bao gồm theo Điều 5 của Thỏa thuận Paris, và thực hiện các biện pháp thực thi hiệu quả để giải quyết nạn phá rừng và suy thoái rừng, và để tránh và trừng phạt các hoạt động dẫn đến mất rừng và suy thoái rừng và đặc biệt liệu nó có áp dụng hình phạt mức độ nghiêm trọng đủ để tước đi những lợi ích thu được từ việc phá rừng hoặc suy thoái rừng ;
 - (d) liệu quốc gia liên quan có cung cấp dữ liệu liên quan minh bạch hay không; và, nếu có thể, sự tồn tại, tuân thủ hoặc thực thi có hiệu quả pháp luật bảo vệ quyền con người, quyền của người bản địa, cộng đồng địa phương và người nắm giữ các quyền sở hữu theo phong tục khác;
 - (e) lệnh trừng phạt do Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hoặc Hội đồng Liên minh Châu Âu về nhập khẩu hoặc xuất khẩu các mặt hàng có liên quan và các sản phẩm liên quan .
5. Ủy ban sẽ tham gia vào một cuộc đối thoại cụ thể với tất cả các quốc gia, hoặc rủi ro được phân loại rủi ro cao, với mục tiêu giảm bớt mức độ rủi ro của họ.
6. Không ảnh hưởng đến khoản 5, Ủy ban sẽ chính thức thông báo cho quốc gia liên quan ý định phân loại quốc gia đó hoặc một phần của quốc gia đó vào một danh mục rủi ro khác và mời quốc gia đó cung cấp bất kỳ thông tin nào được coi là hữu ích về

vấn đề đó . Ủy ban cũng sẽ thông báo cơ quan có thẩm quyền theo ý định như vậy .

Ủy ban sẽ bao gồm các thông tin như sau trong thông báo:

- (a) lý do hoặc các lý do dẫn đến ý định thay đổi phân loại rủi ro của quốc gia hoặc các bộ phận của nó;
- (b) yêu cầu phản hồi Ủy ban bằng văn bản liên quan đến chủ đích thay đổi phân loại rủi ro của các quốc gia hoặc các bộ phận của nó;
- (c) các hậu quả của việc phân loại quốc gia là một quốc gia có rủi ro cao hoặc thấp.

7. Ủy ban sẽ cho phép quốc gia liên quan có đủ thời gian để trả lời thông báo. Trường hợp thông báo liên quan đến một ý định trên một phần của Ủy ban để phân loại quốc gia hoặc một phần của quốc gia đó có rủi ro cao hơn, trong câu trả lời của mình, quốc gia liên quan có thể cung cấp cho Ủy ban thông tin về các biện pháp được quốc gia đó thực hiện để khắc phục tình hình.
8. Ủy ban sẽ, không chậm trễ, thông báo cho quốc gia liên quan và cơ quan có thẩm quyền đưa vào hoặc loại bỏ một quốc gia , hoặc các bộ phận của nó, khỏi danh sách đề cập ở khoản 2.

Điều 30

Hợp tác với Quốc gia thứ ba

1. Trong phạm vi thẩm quyền tương ứng của mình, Ủy ban, thay mặt cho Liên minh và các Quốc gia Thành viên quan tâm sẽ tham gia vào một cách tiếp cận phối hợp với các quốc gia sản xuất và các bộ phận của họ có liên quan đến Quy định này, cụ thể là những quốc gia bị phân loại là rủi ro cao theo Điều 29 thông qua quan hệ đối tác hiện tại và tương lai, và các cơ chế hợp tác có liên quan khác để cùng giải quyết tận gốc nguyên nhân mất rừng, suy thoái rừng. Các Ủy ban sẽ phát triển một khuôn khổ chiến lược toàn diện của Liên minh cho tham gia và sẽ xem xét huy động các công cụ Liên minh có liên quan. Như là quan hệ đối tác và các cơ chế hợp tác sẽ tập trung vào việc bảo tồn, phục hồi và sử dụng bền vững rừng, mất rừng, suy thoái rừng và chuyển đổi sang các phương pháp sản xuất, tiêu dùng, chế biến và thương mại hàng hóa bền vững. Các đối tác và các cơ chế hợp tác có thể bao gồm các cuộc đối thoại có cấu trúc, các sắp đặt hành chính và các thỏa thuận hoặc các quy định hiện có của chúng, cũng như các kế hoạch hành động chung cho phép chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp giúp việc tuân thủ Quy định này, chú ý đặc biệt đến nhu cầu của những người bản địa, cộng đồng địa phương và các chủ nhân nhỏ và đảm bảo sự tham gia của tất cả các bên liên quan.
2. Quan hệ đối tác và hợp tác sẽ cho phép sự tham gia đầy đủ của tất cả các bên liên quan, bao gồm xã hội dân sự, người bản địa, cộng đồng địa phương, phụ nữ, khu vực tư nhân bao gồm các doanh nghiệp siêu nhỏ và các doanh nghiệp vừa và nhỏ khác, và các hộ sản xuất nhỏ. Quan hệ đối tác và hợp tác cũng sẽ hỗ trợ hoặc khởi xướng đối thoại toàn diện và có sự tham gia hướng tới các quá trình cải cách pháp lý và quản trị quốc gia để tăng cường quản lý rừng và giải quyết các yếu tố trong nước góp phần phá rừng.
3. Quan hệ đối tác và hợp tác sẽ thúc đẩy phát triển sử dụng đất tổng hợp quy trình lập kế hoạch, luật pháp liên quan của nước sản xuất, các bên liên quan quy trình, khuyến khích tài chính hoặc thương mại và các công cụ thích hợp khác để cải thiện rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý bền vững và phục hồi rừng, giải quyết việc chuyển đổi rừng và các hệ sinh thái dễ bị tổn thương sang các mục đích sử dụng đất khác, tối ưu hóa lợi ích cho cảnh quan, an ninh sở hữu, năng suất nông nghiệp và khả năng cạnh tranh và tính minh bạch của chuỗi cung ứng, tăng cường quyền của các cộng đồng phụ thuộc vào rừng, bao gồm các hộ sản xuất nhỏ, cộng đồng địa phương và người bản địa, những người có quyền được quy định trong Tuyên bố của Liên Hợp Quốc về Quyền của người

dân bản địa , và đảm bảo công chúng tiếp cận các tài liệu quản lý rừng và thông tin liên quan khác.

4. Trong phạm vi thẩm quyền tương ứng của mình, Ủy ban, thay mặt cho Liên minh, hoặc các Quốc gia Thành viên, hoặc cả hai, sẽ tham gia vào các hoạt động song phương và thảo luận đa phương về các chính sách và hành động nhằm ngăn chặn nạn phá rừng và suy thoái rừng, kể cả tại các diễn đàn đa phương như CBD, FAO, Công ước của Liên hợp quốc về Chống Sa mạc hóa, Hội đồng Môi trường LHQ, Diễn đàn LHQ về Rừng, UNFCCCWTO, G7 và G20. Sự tham gia như vậy sẽ bao gồm việc thúc đẩy các chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp bền vững và quản lý rừng bền vững cũng như sự phát triển của chuỗi cung ứng minh bạch và bền vững cũng như tiếp tục nỗ lực hướng tới việc xác định và thống nhất các tiêu chuẩn và định nghĩa mạnh mẽ đảm bảo mức độ bảo vệ cao đối với rừng và các hệ sinh thái tự nhiên khác và nhân quyền có liên quan .
5. Trong phạm vi thẩm quyền tương ứng của mình, Ủy ban, thay mặt cho Liên minh và các Quốc gia Thành viên quan tâm sẽ tham gia đối thoại và hợp tác với các nước tiêu thụ lớn khác, để thúc đẩy việc áp dụng các chính sách đầy tham vọng các yêu cầu để giảm thiểu sự đóng góp của các quốc gia đó vào nạn phá rừng và suy thoái rừng, và một sân chơi bình đẳng toàn cầu.

CHƯƠNG 6

MỐI LO NGẠI ĐƯỢC CHỨNG MINH

Điều 31

Những lo ngại được chứng minh của cá nhân hoặc tổ chức pháp nhân

1. Các thể nhân hoặc pháp nhân có thể gửi các mối quan ngại có căn cứ đến các cơ quan có thẩm quyền khi họ xem xét rằng một hoặc nhiều nhà nhập khẩu hoặc thương nhân không tuân thủ Quy định này.
2. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ, không chậm trễ, đánh giá một cách cẩn trọng và khách quan những lo ngại đã được chứng minh, bao gồm cả việc liệu những tuyên bố đó có cơ sở vững chắc hay không và các bước cần thiết, bao gồm tiến hành kiểm tra và tiến hành điều trần các nhà nhập khẩu và thương nhân, nhằm phát hiện khả năng không tuân thủ Quy định này và, khi thích hợp, thực hiện các biện pháp tạm thời theo Điều 23 để ngăn chặn việc lưu thông hoặc làm cho có sẵn trên thị trường và xuất khẩu sản phẩm có liên quan bởi một cuộc điều tra.
3. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được mối lo ngại có căn cứ, nếu không có quy định khác trong pháp luật quốc gia, cơ quan có thẩm quyền sẽ thông báo cho người nêu lên mối quan ngại được chứng minh đề cập trong khoản 1, về việc theo dõi được đưa ra cho việc nộp hồ sơ và sẽ cung cấp những lý do cho nó.
4. Không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ theo Chỉ thị (EU) 2019/1937 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu²⁶ 1, các Quốc gia Thành viên sẽ quy định về biện pháp bảo vệ danh tính của thể nhân hoặc pháp nhân nộp quan ngại có căn cứ hoặc người tiến hành điều tra với mục đích xác minh Tuân thủ bởi các nhà nhập khẩu hoặc thương nhân với Quy định này.

²⁶ Chỉ thị (EU) 2019/1937 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng 23 tháng 10 năm 2019 về việc bảo vệ những người báo cáo vi phạm luật Liên minh (OJ L305 26.11.2019, tr. 17).

Điều 32

Quyền tiếp cận công lý

1. Mọi cá nhân hoặc tổ chức pháp nhân có lợi ích đủ đáng, được xác định theo hệ thống pháp lý của quốc gia hiện hành về biện pháp pháp lý, bao gồm cả những người này đáp ứng các tiêu chí, nếu có, được quy định trong pháp luật quốc gia, bao gồm cả những người đã nêu lên một vấn đề có căn cứ theo Điều 31, sẽ có quyền truy cập các thủ tục hành chính hoặc tòa án để xem xét tính hợp pháp của các quyết định, hành vi hoặc sự không hành động của các cơ quan có thẩm quyền theo Quy định này.
2. Quy định này sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ quy định nào của pháp luật quốc gia về quyền truy cập công lý và những quy định yêu cầu các thủ tục xem xét hành chính phải được thực hiện trước khi đưa ra tố tụng tại tòa án.

CHƯƠNG 7

HỆ THỐNG THÔNG TIN

Điều 33

Hệ thống thông tin

1. Trước ... [ngày quy định tại Điều 38(2)], Ủy ban sẽ thành lập và sau đó sẽ duy trì một hệ thống thông tin bao gồm tờ khai thẩm định thực hiện có sẵn theo Điều 4(2).
2. Không ảnh hưởng đến việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Chương 2 và 3, các hệ thống thông tin sẽ cung cấp tối thiểu các chức năng như sau:
 - (a) đăng ký của các nhà nhập khẩu và thương nhân và đại diện được ủy quyền của họ trong Liên minh; cho các nhà nhập khẩu lưu thông sản phẩm có liên quan theo thủ tục hải quan cho phép 'tự do lưu thông' hoặc 'xuất khẩu', Sổ đăng ký và nhận dạng nhà kinh doanh (EORI) được thiết lập theo Điều 9 của Quy định (EU) số 952/2013, sẽ được đưa vào hồ sơ đăng ký của họ;
 - (b) đăng ký tờ khai thẩm định bao gồm cả việc liên lạc với nhà nhập khẩu hoặc thương nhân liên quan đến một số tham chiếu cho mỗi tờ khai thẩm định nộp qua các hệ thống thông tin;
 - (c) cung cấp số tham chiếu của tờ khai thẩm định hiện có theo Điều 4(8) và (9);
 - (d) nếu có thể, việc chuyển đổi dữ liệu từ các hệ thống có liên quan để xác định các định vị địa lý;
 - (e) đăng ký các kết quả kiểm tra trên tờ khai thẩm định;
 - (f) liên hệ với hải quan thông qua Môi trường một cửa của Liên minh châu Âu cho Hải quan, theo Điều 28, bao gồm cả việc cho phép các thông báo và yêu cầu được đề cập tại Điều 26(6) đến (9);
 - (g) cung cấp thông tin liên quan để hỗ trợ lập hồ sơ rủi ro cho kế hoạch kiểm tra được đề cập tại Điều 16(5), bao gồm cả kết quả kiểm tra, hồ sơ rủi ro của các nhà nhập khẩu, thương nhân và hàng hóa có liên quan và sản phẩm có liên quan cho mục đích nhận dạng, dựa trên dữ liệu xử lý kỹ thuật điện tử, người nhập khẩu và thương nhân được kiểm tra như đã đề cập trong Điều 16(5), và sản phẩm liên quan đã kiểm tra bởi cơ quan có thẩm quyền;
 - (h) tạo điều kiện hỗ trợ hành chính và hợp tác giữa các cơ quan có thẩm quyền,

và giữa các cơ quan có thẩm quyền với Ủy ban , để trao đổi thông tin và dữ liệu;

- (i) hỗ trợ thông tin liên lạc giữa các cơ quan có thẩm quyền và các nhà nhập khẩu và thương nhân vì mục đích thực hiện Quy định này , bao gồm, tính phù hợp, thông qua việc sử dụng các công cụ quản lý cung ứng điện tử.
3. Ủy ban sẽ, bằng cách thực hiện các hành vi, thiết lập các quy tắc cho hoạt động của hệ thống thông tin theo Điều này, bao gồm các quy tắc cho bảo vệ dữ liệu cá nhân và trao đổi dữ liệu với các hệ thống CNTT khác. Những hành vi thực hiện đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra đã đề cập tại Điều 36(2) .
4. Ủy ban sẽ cung cấp quyền truy cập vào hệ thống thông tin đó cho cơ quan hải quan, cơ quan có thẩm quyền, nhà nhập khẩu và thương nhân và, nếu có, đại diện được ủy quyền, phù hợp với các nghĩa vụ tương ứng của họ theo Quy định này.
5. Theo Chính sách dữ liệu mở của Liên minh, Ủy ban sẽ cung cấp quyền truy cập của công chúng rộng rãi hơn đối với các bộ dữ liệu ẩn danh hoàn chỉnh của hệ thống thông tin trong một định dạng mở mà máy có thể đọc được và đảm bảo khả năng tương tác, tái sử dụng và khả năng tiếp cận.

CHƯƠNG 8

RÀ SOÁT

Điều 34

Rà soát

1. Chậm nhất là ... [một năm sau ngày Quy định này có hiệu lực], Ủy ban sẽ trình bày một đánh giá tác động kèm theo, nếu thích hợp, một đề xuất pháp lý để mở rộng phạm vi của Nghị định này để bao gồm các khu rừng khác. Đánh giá sẽ bao gồm, một số điểm, ngày cắt ngọn được đề cập trong Điều 2, nhằm giảm thiểu đóng góp của Liên minh đối với sự chuyển đổi và suy thoái các hệ sinh thái tự nhiên. Đánh giá sẽ bao gồm một đánh giá về tác động của các mặt hàng tương ứng đối với việc phá rừng và suy thoái rừng.
2. Không muộn hơn ... [hai năm sau ngày Quy định này có hiệu lực], Ủy ban sẽ trình bày một đánh giá tác động kèm theo, nếu thích hợp, bởi một đề xuất pháp lý để mở rộng phạm vi của Quy định này đối với các hệ sinh thái tự nhiên khác, bao gồm cả những vùng đất khác có trữ lượng carbon cao và với giá trị đa dạng sinh học cao như đồng cỏ, đất than bùn và đất ngập nước. Việc đánh giá sẽ bao gồm việc mở rộng hệ sinh thái tiềm năng, bao gồm cả trên cơ sở ngày giới hạn được đề cập trong Điều 2, nhằm giảm thiểu sự đóng góp của Liên minh vào sự biến đổi và suy thoái của các hệ sinh thái tự nhiên. Việc xem xét cũng sẽ giải quyết sự cần thiết và tính khả thi của việc mở rộng phạm vi của Quy định này để thêm các hàng hóa, trong đó có ngô. Việc xem xét phải bao gồm đánh giá về tác động của các mặt hàng có liên quan đến mất rừng và suy thoái rừng, như chỉ ra qua bằng chứng có tính khoa học, và tính đến thay đổi trong tiêu dùng.
3. Đánh giá tác động nêu tại khoản 2 cũng phải bao gồm đánh giá liệu có phù hợp để sửa đổi hoặc mở rộng danh sách các sản phẩm có liên quan trong Phụ lục I để đảm bảo rằng các sản phẩm phù hợp nhất có chứa, đã được cung cấp bằng hoặc đã được tạo ra bằng cách sử dụng các mặt hàng có liên quan được bao gồm trong danh sách đó. Đánh giá đó sẽ chú ý cụ thể đến khả năng bao gồm nhiên liệu sinh học (HS mã 382600) trong Phụ lục I.
4. Đánh giá tác động được đề cập trong khoản 2 cũng sẽ đánh giá vai trò của tổ chức tài chính trong việc ngăn chặn các dòng tài chính đóng góp trực tiếp hoặc gián tiếp đến mất rừng và suy thoái rừng và đánh giá nhu cầu cung cấp bất kỳ nghĩa vụ cụ thể nào

đối với các tổ chức tài chính trong các hành vi pháp lý của Liên minh về lĩnh vực đó, xem xét các quy định ngang hàng và ngành liên quan hiện có liên quan đến vấn đề này.

5. Ủy ban có thể ban hành các hành động được ủy quyền theo Điều 35 để sửa đổi Phụ lục I liên quan đến mã CN liên quan đến các sản phẩm chứa, được cung cấp với hoặc được sản xuất bằng các hàng hóa liên quan.
6. Trước ngày ... [năm sau ngày có hiệu lực của Nghị định này] và ít nhất mỗi năm trong năm tiếp theo, Ủy ban sẽ tiến hành một đánh giá tổng quan về Quy định này, và trình báo cáo cho Quốc hội châu Âu và Hội đồng, kèm theo đó là đề xuất pháp lý, nếu thích hợp. Báo cáo đầu tiên sẽ bao gồm đánh giá, dựa trên các nghiên cứu cụ thể, về:
 - (a) nhu cầu và khả năng thực hiện các công cụ hỗ trợ thương mại bổ sung – và đặc biệt đối với các nước kém phát triển bị ảnh hưởng nhiều bởi Quy định này và các quốc gia hoặc các bộ phận của chúng được phân loại là rủi ro tiêu chuẩn hoặc cao – để hỗ trợ thành tích sau đó mục tiêu của Quy định này;
 - (b) tác động của Quy định này đối với nông dân, đặc biệt là các hộ sản xuất nhỏ, người dân bản địa và cộng đồng địa phương và nhu cầu có thể hỗ trợ bổ sung cho quá trình chuyển đổi sang chuỗi cung ứng bền vững và để các hộ sản xuất nhỏ đáp ứng các yêu cầu của Quy định này;
 - (c) mở rộng hơn nữa định nghĩa về suy thoái rừng, trên cơ sở của một phân tích chuyên sâu, và có tính đến tiến độ đạt được trong thảo luận quốc tế về vấn đề này;
 - (d) ngưỡng bắt buộc sử dụng Polygon như được đề cập trong Điều 2, khoản (40), có tính đến tác động của nó đối với việc giải quyết nạn phá rừng và suy thoái rừng;
 - (e) những thay đổi trong mô hình thương mại của các mặt hàng liên quan và các sản phẩm được bao gồm trong phạm vi của Quy định này khi những thay đổi đó có thể là một dấu hiệu của hành vi lách luật;
 - (f) một đánh giá về việc liệu các kiểm tra được thực hiện có hiệu quả đối với đảm bảo rằng hàng hóa liên quan và các sản phẩm liên quan được cung cấp trên các thị trường hoặc xuất khẩu tuân theo Điều 3.

CHƯƠNG 9

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 35

Thực hiện ủy quyền

1. Quyền thông qua các đạo luật được ủy quyền được trao cho Ủy ban tùy thuộc vào điều kiện quy định tại Điều này.
2. Quyền thông qua các hành vi được ủy quyền nêu tại **Điều 34(5)** sẽ được trao cho Ủy ban trong thời hạn 5 năm kể từ ... [ngày có hiệu lực của Quy định này]. Ủy ban sẽ soạn thảo một báo cáo liên quan đến việc ủy quyền của quyền hạn chậm nhất là sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn năm năm. Ủy quyền sẽ được ngầm kéo dài trong các khoảng thời gian có cùng thời hạn, trừ khi Nghị viện hoặc Hội đồng Châu Âu phản đối việc gia hạn như vậy không muộn hơn ba tháng trước khi kết thúc mỗi giai đoạn.
3. Quyền ủy quyền được đề cập trong **Điều 34(5)** có thể bị thu hồi bất cứ lúc nào bởi Nghị viện Châu Âu hoặc bởi Hội đồng. Quyết định thu hồi chấm dứt hiệu lực ủy quyền được quy định trong quyết định đó. Nó sẽ có hiệu lực vào ngày sau khi quyết định được công bố trên *Tạp chí chính thức của Liên minh Châu Âu* hoặc vào một ngày sau đó được chỉ định trong đó. Nó sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực của bất kỳ hành vi ủy quyền nào đã có hiệu lực.
4. Trước khi thông qua một đạo luật được ủy quyền, Ủy ban sẽ tham khảo ý kiến của các chuyên gia được chỉ định bởi mỗi Quốc gia Thành viên phù hợp với các nguyên tắc đặt ra trong Thỏa thuận liên viện ngày 13 tháng tư năm 2016 về Xây dựng Luật Tốt hơn.
5. Ngay sau khi thông qua một đạo luật được ủy quyền, Ủy ban sẽ thông báo đồng thời cho Nghị viện Châu Âu và Hội đồng.
6. Một đạo luật được ủy quyền được thông qua theo **Điều 34(5)** sẽ chỉ có hiệu lực nếu không sự phản đối đã được thể hiện bởi Nghị viện châu Âu hoặc bởi Hội đồng trong vòng hai tháng kể từ khi thông báo về hành động đó cho Nghị viện Châu Âu và Hội đồng hoặc nếu, trước khi hết thời hạn đó, Nghị viện Châu Âu và Hội đồng đều đã thông báo cho Ủy ban rằng họ sẽ không phản đối. Thời hạn đó sẽ được kéo dài thêm hai tháng theo sáng kiến của Nghị viện Châu Âu hoặc của Hội đồng.

Điều 36

Thủ tục hội đồng

1. Ủy ban sẽ được hỗ trợ bởi một hội đồng. Hội đồng này sẽ là một hội đồng theo nghĩa của Quy định (EU) số 182/2011 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng²⁷ 1.
2. Khi tham chiếu đến đoạn này, Điều 5 của Quy định (EU) SỐ182/2011 sẽ được áp dụng liên quan đến quy định tại Điều 11.

²⁷ Quy định (EU) số 182/2011 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng Ngày 16 tháng 2 năm 2011 đặt ra các quy tắc và nguyên tắc chung liên quan đến các cơ chế kiểm soát của các quốc gia thành viên đối với việc thực hiện của Ủy ban thực thi quyền hạn (OJ L 55, 28.2.2011, tr. 13).

Điều 37

Bãi bỏ

1. Quy định (EU) số 995/2010 bị bãi bỏ có hiệu lực từ ... [ngày áp dụng của Quy định này tại Điều 38(2)].
2. Tuy nhiên, Quy định (EU) số 995/2010 sẽ tiếp tục được áp dụng cho đến ... [3 năm kể từ ngày quy định tại Điều 38(2)] đối với gỗ và sản phẩm gỗ như được định nghĩa trong Điều 2, điểm (a), của Quy định (EU) số 995/2010 được ban hành trước ... [ngày quy định tại Điều 38(1)] và được đưa ra thị trường từ ... [ngày quy định ra ngoài Điều 38(2)].
3. Bằng việc vi phạm Điều 1(2) của Quy định này, gỗ và các sản phẩm gỗ như được định nghĩa trong Điều 2, điểm (a), của Quy định (EU) số 995/2010 rằng được sản xuất trước ... [ngày quy định tại Điều 38(1)] và được lưu thông trên thị trường từ ... [ba năm sau ngày quy định tại Điều 38(2)] sẽ tuân thủ với Điều 3 của Quy định này.

Điều 38

Hiệu lực và ngày áp dụng

1. Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau ngày phát hành trên xuất bản trong Công báo của Liên minh châu Âu .
2. Theo khoản 3 của Điều này, các Điều từ 3 đến 13, 16 đến 24, 26, 31 và 32 sẽ áp dụng từ ... [18 tháng sau khi Quy định này có hiệu lực].
3. Ngoại trừ các sản phẩm được đề cập trong Phụ lục của Quy định (EU) Số 995/2010, dành cho các nhà nhập khẩu trước ngày 31 tháng 12 năm 2020 được thành lập dưới dạng cam kết vi mô hoặc cam kết nhỏ theo Điều 3(1) hoặc (2) của Chỉ thị 2013/34/EU tương ứng, các Điều được đề cập trong khoản 2 của Điều này sẽ áp dụng từ ... [24 tháng sau khi Quy định này có hiệu lực].

Quy định này sẽ là ràng buộc toàn bộ và trực tiếp áp dụng ở tất cả các Quốc gia Thành viên.

Hoàn thành tại ...,

Nghị viện Châu Âu
Chủ tịch

Hội đồng Châu Âu
Chủ tịch

PHỤ LỤC I

Các hàng hóa liên quan và sản phẩm liên quan được đề cập trong Điều 1

Bảng dưới đây liệt kê các hàng hóa được phân loại trong Danh pháp kết hợp quy định tại Phụ lục I của Quy định (EEC) số 2658/87 được đề cập trong Điều 1 của Quy định này.

Ngoại trừ các sản phẩm phụ của quy trình sản xuất, trong đó quy trình đó liên quan đến vật liệu không phải là chất thải như được định nghĩa trong Điều 3, điểm (1), của Chỉ thị 2008/98/EC, Quy định này không áp dụng cho hàng hóa nếu chúng được sản xuất hoàn toàn từ vật liệu có đã hoàn thành vòng đời của nó và nếu không sẽ bị loại bỏ như chất thải như được định nghĩa trong Điều 3, điểm (1), của Chỉ thị đó.

Hàng hóa liên quan	Các sản phẩm liên quan
Gia súc	0102 21, 0102 29 Gia súc sống trừ 0201 Thịt gia súc, tươi hoặc ướp trừ 0202 thịt của gia súc, đông lạnh trừ 0206 10 Phủ tạng gia súc ăn được, tươi hoặc ướp trừ 0206 22 Gan gia súc ăn được, đông lạnh trừ 0206 29 Nội tạng gia súc ăn được (trừ lưỡi và gan), đông lạnh trừ 1602 50 thịt, thịt nội tạng, máu, của gia súc được chuẩn bị hoặc bảo quản khác trừ 4101 Da sống của gia súc (tươi, hoặc muối, khô, ngâm vôi, ngâm hoặc được bảo quản cách khác, nhưng chưa thuộc, chưa làm thành da giấy hoặc cách khác chuẩn bị), có hay không rụng tóc hoặc chẻ ngọn trừ 4104 Da thuộc hoặc da mọc và da gia súc, không có lông, đã hoặc chưa hoặc không tách ra, nhưng không chuẩn bị thêm trừ 4107 Da gia súc, được xử lý thêm sau khi thuộc da hoặc làm da, bao gồm mặc áo giấy da da thú, không có lông, dù có được tách ra hay không, ngoài da thú của phần mở đầu 4114

Ca cao	<p>1801 Hạt ca cao, nguyên hạt hoặc đã vỡ, sống hoặc đã rang</p> <p>1802 Vỏ, vỏ trấu, da và phế liệu ca cao khác</p> <p>1803 Bột ca cao, đã hoặc chưa khử mỡ</p> <p>1804 Bơ ca cao, chất béo và dầu</p> <p>1805 Bột ca cao, chưa pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác</p> <p>1806 Sô cô la và Thức ăn khác chuẩn bị có chứa ca cao</p>
Cà phê	<p>0901 Cà phê, liệu hoặc không rang hoặc khử caffein; trấu và vỏ cà phê; chất thay thế cà phê có chứa cà phê với bất kì tỷ lệ nào</p>
Dầu cọ	<p>1207 10 l Hạch và nhân cọ dầu</p> <p>1511 Dầu cọ và chiết xuất của nó, liệu có hoặc không tinh chế, nhưng không biến đổi về mặt hóa học</p> <p>1513 21 Hạt cọ thô và dầu babassu và các phần phân tách của chúng, đã hoặc chưa hoặc không tinh chế, nhưng không biến đổi hóa học</p> <p>1513 29 Dầu cọ và dầu babassu và các phần phân tách của chúng, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không biến đổi về mặt hóa học (không bao gồm dầu thô)</p> <p>2306 60 Bánh dầu và phế liệu rắn khác của hạt hoặc nhân hạt cọ, đã hoặc chưa nghiền hoặc ở dạng bột viên, thu được từ quá trình chiết xuất hạt dầu cọ hoặc chất béo hoặc dầu nhân hạt</p> <p>trừ 2905 45 Glycerol, với độ tinh khiết từ 95 % trở lên (tính trên cân nặng của sản phẩm khô)</p> <p>2915 70 axit, axit stearic, của họ muối và este dầu cọ</p> <p>2915 90 Axit cacboxylic đơn chức mạch hở no, các anhydrit, halogenua của chúng, peroxit và peroxyaxit; halogen hóa, sulphonat hóa, nitrat hóa hoặc dẫn xuất nitroso hóa (trừ axit formic, axit axetic, mono-, di- hoặc axit tricloaxetic, axit propionic, axit butanoic, axit pentanoic, axit palmitic, axit stearic, muối và este của chúng, và anhydrit axetic)</p> <p>3823 11 Stearic axit, công nghiệp</p> <p>3823 12 Oleic axit, công nghiệp</p> <p>3823 19 Axit béo monocacboxylic công nghiệp; dầu axit từ tinh chế (không bao gồm axit stearic, oleic axit và axit béo dầu cao)</p> <p>3823 70 Cồn béo công nghiệp</p>

Cao su	<p>4001 Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa két, nhựa cây cóc cao su, nhựa cây họ sacola và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc ở dạng tấm, lá hoặc dải</p> <p>trừ 4005 Cao su tổng hợp, chưa lưu hóa, ở dạng nguyên sinh hoặc ở dạng tấm, tấm hoặc dải</p> <p>trừ 4006 chưa lưu hóa cao su các hình thức khác (ví dụ thanh, ống và dạng thanh) và các mặt hàng (ví dụ như đĩa và nhãn)</p> <p>trừ 4007 lưu hóa cao su dạng chỉ và dây</p> <p>trừ 4008 Tấm, phiến, dải, thanh và dạng hình, bằng cao su lưu hóa khác hơn khó cao su</p> <p>trừ 4010 Băng tải hoặc đai truyền hoặc dây đai, bằng cao su lưu hóa bán tại</p> <p>4011 lớp hơi mới, bằng cao su</p> <p>trừ 4012 Lớp hơi bằng cao su đã đắp lại hoặc đã qua sử dụng; rần hoặc đệm lớp xe, gai lớp và vật lớp xe, của cao su</p> <p>trừ 4013 Bên trong ống, của cao su</p> <p>trừ 4015 Hàng may mặc và phụ kiện quần áo (kể cả găng tay, găng tay và găng tay bao chân), dùng cho mọi mục đích, bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng</p> <p>trừ 4016 Mặt hàng khác của lưu hóa cao su khác hơn cao su cứng, không nơi khác quy định tại chương 40</p> <p>trừ 4017 cao su cứng (ví dụ ebonit) ở tất cả các hình thức bao gồm rác thải và phế liệu; mặt hàng cao su cứng</p>
Đậu nành	<p>1201 Đậu nành, đã hoặc chưa vỡ mảnh 1208 10 đậu nành bột đậu và bữa ăn</p> <p>1507 Hạt đậu nành dầu và của nó phân số, liệu hoặc không tinh chế, Nhưng không về mặt hóa học sửa đổi</p> <p>2304 bánh dầu và dư lượng chất rắn khác, liệu hoặc không đất hoặc ở các hình thức của viên, kết quả từ các nhập khẩu của hạt đậu nành dầu</p>
Gỗ	<p>4401 Gỗ nhiên liệu, dạng khúc, thanh nhỏ, cành, bó hoặc các dạng tương tự; gỗ ở dạng dăm hoặc mảnh; mùn cưa và phế liệu gỗ và mảnh vụn, đã hoặc không đóng thành khối, bánh, viên hoặc hình thức tương tự</p> <p>4402 Than gỗ (kể cả than vỏ hoặc than hạt), đã hoặc chưa kết tụ</p> <p>4403 Gỗ dạng thô, đã hoặc chưa tước vỏ hoặc dác gỗ, hoặc đại khái bình phương</p> <p>4404 Cây hoop; cọc chẻ; cọc, cọc và cọc gỗ, nhọn nhưng không xẻ dọc; thanh gỗ, cắt thô nhưng không quay, uốn cong hoặc gia công cách khác, thích hợp</p>

<p>để sản xuất gậy chống, ô, tay cầm công cụ hoặc là gióng; gỗ dăm và những thứ tương tự</p> <p>4405 Sợi gỗ len; bột gỗ</p> <p>4406 Tà vẹt đường sắt hoặc xe điện (dây chéo) bằng gỗ</p> <p>4407 Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã hoặc chưa bào, chà nhám hoặc kết thúc nổi, có độ dày vượt quá 6 mm</p> <p>4408 Tấm để dán mặt (kể cả những tấm thu được bằng cách cắt các lớp gỗ), dùng cho gỗ dán hoặc gỗ ghép tương tự khác và gỗ khác, xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã hoặc chưa bào, đánh giấy ráp, ghép hoặc nối cuối, có độ dày không vượt quá 6 mm</p> <p>4409 Gỗ (kể cả dãi và thanh diềm dùng để lát sàn gỗ, chưa lắp ráp) được tạo hình liên tục (có lỗ, có rãnh, khía, vát mép, V-nổi, kết cườm, đúc, làm tròn hoặc tương tự) dọc theo bất kỳ cạnh, đầu nào của nó hoặc khuôn mặt, có hay không bào, chà nhám hoặc kết thúc nổi</p> <p>4410 Ván dăm, ván dăm định hướng (OSB) và các loại ván tương tự (dùng cho dũ, ván mỏng) bằng gỗ hoặc các vật liệu có chất gỗ khác, đã hoặc chưa kết tu với nhựa hoặc khác liên kết hữu cơ vật liệu xây dựng</p> <p>4411 Ván sợi bằng gỗ hoặc bằng vật liệu có chất gỗ khác, đã hoặc chưa ngoại quan với nhựa hoặc hữu cơ khác vật liệu xây dựng</p> <p>4412 Ván ép, tráng men tấm và tương tự nhiều lớp gỗ</p> <p>4413 Gỗ nén, dạng khối, tấm, dãi hoặc dạng profile</p> <p>4414 Khung gỗ, khung tranh, hình ảnh, gương hoặc tương tự</p> <p>4415 Hòm, hộp, thùng thưa, thùng hình trống và các loại bao bì tương tự, bằng gỗ; tang cuốn cáp bằng gỗ; giá để hàng, giá để hàng dạng hộp và giá để hàng khác, bằng gỗ; pallet vòng cổ bằng gỗ (không bao gồm vật liệu đóng gói được sử dụng riêng làm vật liệu đóng gói để ứng hộ, bảo vệ hoặc mang cái khác sản phẩm được đặt trên thị trường)</p> <p>4416 Thùng, thùng, vại, chậu và các sản phẩm và bộ phận của thùng ủ khác của chúng, bằng gỗ, kể cả thanh</p> <p>4417 Dụng cụ, thân dụng cụ, cán dụng cụ, thân và cán chổi hoặc bàn chải của gỗ; khởi động hoặc giày kéo dài và cây cối, bằng gỗ</p> <p>4418 Đồ mộc và đồ mộc dùng trong xây dựng, kể cả gỗ tế bào tấm, sàn lắp ráp tấm, ván lợp và lấc</p> <p>4419 Bộ đồ ăn và đồ dùng nhà bếp, bằng gỗ</p>

<p>4420 Gỗ khảm và gỗ khảm; quan tài và hộp cho đồ trang sức hoặc dao kéo và các mặt hàng tương tự bằng gỗ; tượng nhỏ và đồ trang trí khác, của gỗ; đồ gỗ của nội thất không thuộc Chương 94</p> <p>4421 Mặt hàng khác bằng gỗ</p> <p>Bột giấy và giấy thuộc các Chương 47 và 48 của Danh mục kết hợp, ngoại trừ các sản phẩm tre và tái chế (phế liệu và mảnh vụn)</p> <p>trừ 49 Sách, báo, tranh ảnh và các sản phẩm khác của công nghiệp in ấn, bản thảo, bản đánh máy và kế hoạch, bằng giấy</p> <p>trừ 9401 Ghế (trừ loại thuộc nhóm 9402), đã hoặc chưa có thể chuyển đổi thành giường, và các bộ phận của chúng, bằng gỗ</p> <p>9403 30, 9403 40, 9403 50, 9403 60 và 9403 91 Đồ nội thất bằng gỗ, và các bộ phận của chúng</p> <p>9406 10 Nhà tiền chế bằng gỗ</p>
--

PHỤ LỤC II

Tờ khai Thẩm định

Thông tin chứa trong Tờ khai Thẩm định theo Điều 4(2):

1. Tên, địa chỉ của nhà nhập khẩu và, trong trường hợp hàng hóa có liên quan và sản phẩm liên quan nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường, Số Đăng ký và nhận dạng nhà nhập khẩu (EORI) theo Điều 9 của Quy định (EU) số 952/2013.
2. Mã hệ thống hài hòa, mô tả không dạng văn bản, bao gồm tên thương mại cũng như, nếu có, tên khoa học đầy đủ và số lượng của sản phẩm có liên quan mà nhà nhập khẩu dự định đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu. Đối với các sản phẩm có liên quan nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường, số lượng được biểu thị bằng kilôgam khối lượng tịnh và, nếu có thể, theo đơn vị bổ sung nêu trong Phụ lục I của Quy định (EEC) số 2658/87 dựa trên Hệ thống mã hài hòa được giới thiệu hoặc, trong tất cả các trường hợp khác, được biểu thị bằng khối lượng tịnh xác định ước tính phần trăm hoặc độ lệch hoặc, khi áp dụng, khối lượng hoặc số lượng mặt hàng. Một đơn vị bổ sung được áp dụng khi nó được xác định một cách nhất quán cho tất cả các phân nhóm có thể có trong Hệ thống mã hài hòa được đề cập trong tờ khai thẩm định.

3. Quốc gia sản xuất và vị trí địa lý của tất cả các lô đất hàng hoá có liên quan đã được sản xuất. Đối với các sản phẩm có liên quan có chứa hoặc đã được sản xuất sử dụng gia súc, và cho các sản phẩm có liên quan như vậy đã được cho ăn với sản phẩm có liên quan, vị trí địa lý sẽ đề cập đến tất cả các cơ sở nơi gia súc đã được giữ. Trường hợp sản phẩm có liên quan chứa hoặc đã được tạo ra bằng cách sử dụng hàng hóa được sản xuất trên nhiều mảnh đất khác nhau thì vị trí địa lý của tất cả các mảnh đất sẽ được bao gồm phù hợp với Điều 9(1), điểm (d).
4. Đối với các nhà nhập khẩu đề cập đến một tờ khai thẩm định hiện có theo Điều 4(8) Và (9), tham chiếu số của tờ khai thẩm định đó.
5. Văn bản: “Bằng cách nộp tờ khai thẩm định này, nhà nhập khẩu xác nhận rằng thẩm định theo Quy định .../...²⁸⁺ đã được tiến hành và không hoặc chỉ có một rủi ro không đáng kể được phát hiện là các sản phẩm có liên quan không tuân thủ Điều 3, điểm (a) hoặc (b), của Quy định.”.
6. Chữ ký ở định dạng sau:

"Đã ký và thay mặt của:

Ngày:

Tên và chức vụ:

Chữ ký:"

²⁸ OJ: Vui lòng chèn các con số dạng văn bản của Quy định này.